VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

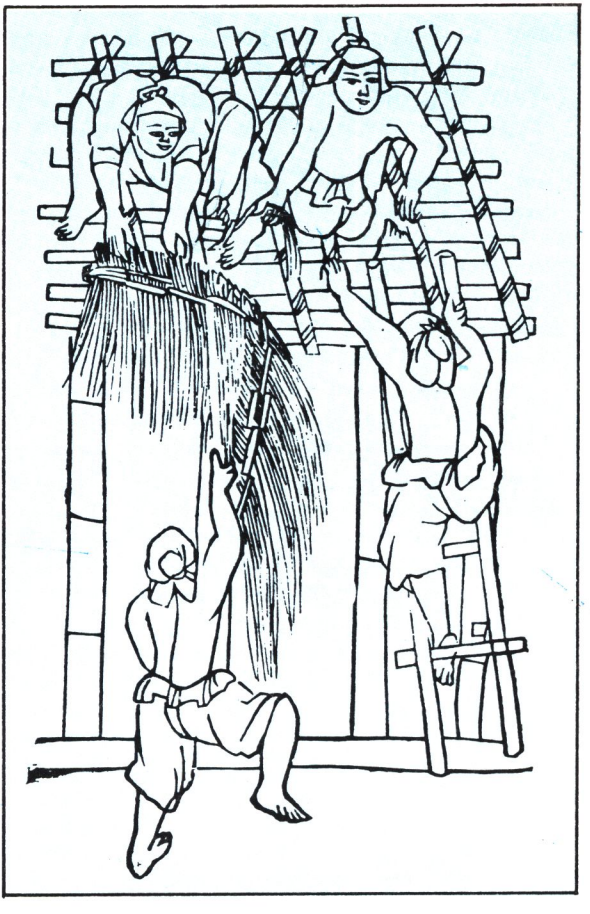

LẠI BÀN VỀ THƠ

SỐ 29 THÁNG 6 NĂM 1988

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn Học : *Thư Toà soạn trang 1* * **Nguyễn Hưng Quốc :** *Từ thơ trang 2* * **Nguyễn Mạnh Trinh :** *Khi tưởng lại núi rừng, thơ trang 23* * **Ngu Yên :** *Tâm sự với người bạn thơ trang 25* * **Như Chi :** *Ôi những dòng sông..., thơ trang 39* * **Hoàng Xuân Sơn :** *Luân vũ, thơ trang 40* * **Trần thị Kim Lan :** *Gió đêm, truyện ngắn trang 41* * **Nguyễn Việt Thường :** *Mẹ, dòng cổ tích sầu, thơ trang 49* * **Đỗ Kh.:** *Chẳng cần lan can ở Vérone, truyện ngắn trang 50* * **Hà Trung :** *Một cành huệ mới đó đã gãy trong sân chùa, thơ trang 62* * **Đào Trung Đạo :** *Junk Mail, truyện ngắn trang 64* * **Thường Quán :** *Hương mùa ẩn tích, thơ trang 73* * **Nguyễn thị Thanh Bình :** *Que diêm kỷ niệm, truyện ngắn trang 74* * **Huỳnh Liễu Ngạn :** *Vòng hoa cho Hư vô, trơ trang 86* * **Ngu Yên :** *Đôi chim Mai Hoa, đoản văn trang 88* * **Xuân Vũ- Lê Mỹ Hương :** *Phạm Duy muốn nói gì với những trai gái của thế kỷ 21...trang 90* * **Nguyễn Tấn Hưng :** *Lại làm đẹp trang 109* **Tranh bìa :** *Tranh dân gian Việt Nam đầu thế kỷ 20.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết
Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện
*15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : **45831912***
Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.

Thư từ tiền bạc xin gửi về : **Văn Học**
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA
Phone : **(714) 832.8445**

Thư Toà soạn

Sau hai số Văn Học 26 và 27 tăng trang để đủ in những bài vở bạn văn tứ phương gửi về cho Toà soạn, số Văn Học 28 vừa qua chỉ còn 126 trang mong manh. Nhiều bạn đọc ngạc nhiên điện thoại hoặc gửi thư về hỏi lý do.

Đáng lý Văn Học phải kịp thời giải thích với quí bạn đọc ngay từ số trước, nhưng vì máy typesetting bị hư, nên phải đợi tới số này, chúng tôi mới giải thích được nguyên nhân bắt buộc Toà soạn phải rút bớt số trang.

Như quí bạn đã biết, kể từ tháng 4.1988, bưu điện Hoa Kỳ đã đột ngột tăng bưu phí, tăng nhiều nhất là bưu phí hạng 3 và hạng 4 thường dùng để gửi bưu phẩm và ấn phẩm. Hậu quả tức thời là mỗi tháng ban quản lý trị sự Văn Học đã phải gánh chịu thêm một khoản chi đến hơn 300 Mỹ kim.

Trước chi phí gia tăng lớn lao đó, Văn Học chỉ có hai giải pháp để bù vào số tiền thiếu hụt hàng tháng : Một là tăng giá báo, hai là giảm trang để nhờ thế giảm bớt ấn phí và bưu phí. Sau khi suy tính, chúng tôi đã chọn giải pháp thứ hai. Vì vậy, kể từ số này, mỗi số Văn Học chỉ còn 128 trang. Bài vở đăng hàng tháng sẽ ít hơn, nhưng chúng tôi hy vọng rằng sau một thời gian ngắn, nhờ hảo tâm của quí thân chủ quảng cáo hoặc sự ủng hộ của bạn đọc, Văn Học sẽ phục hồi số trang 144 như cũ.

Trong lá thư chung này, Văn Học cũng xin loan báo là vào tháng 8.1988, Văn Học sẽ dành nguyên số 31 để giới thiệu văn nghiệp và tư cách người cầm bút của nhà văn Doãn Quốc Sĩ, người vừa bị cộng sản Việt Nam kêu án 9 năm tù chỉ vì cái tội dám nói lên tiếng nói trung thực của dân tộc, dám dùng ngòi bút tố cáo sự thực dưới chế độ cộng sản. Số chủ đề này do khởi xướng của Tưởng Năng Tiến và Đào Trường Phúc, và Văn Học hợp tác với hai nhà văn trên đứng ra thực hiện. Kính mong quí bạn đọc và văn hữu đóng góp bài vở để số Văn Học 31 được phong phú, xứng đáng với tầm vóc và vị thế của nhà văn Doãn Quốc Sĩ trong văn chương và trong lịch sử Việt Nam.

Văn Học

Nguyễn Hưng Quốc

Tứ Thơ.

*T*ổng kết kinh nghiệm gần một đời làm thơ của mình, trong bài "Tìm tứ cho một bài thơ", Xuân Diệu viết:

"Lao động thơ, trước hết là kiếm tứ.

Ngôn từ, lời, chữ, vần rất là quan trọng. Tuy nhiên đó là cái quan trọng thứ hai, mà cái quan trọng thứ nhất, làm rường cột cho tất cả, là cái tứ thơ, nó chủ đạo cả bài.

Làm thơ, khó nhất là tìm tứ" (1).

Dù sau này, dưới chế độ cộng sản, Xuân Diệu làm thơ không ra gì, tuy nhiên, đừng quên, trước kia, có một thời, thời 30-45, ông là nhà thơ có tài lớn. Nở bừng ra giữa một mùa khô hạn của nền văn học đầu thế kỷ 20 nặng nề quẩn lại bước chân cũ những thế kỷ trước, những bài thơ của Xuân Diệu, cùng với thơ của nhiều người khác, trong đó thơ Xuân Diệu là một trong vài đỉnh cao, đã xuất phát từ một quan điểm thẩm mỹ mới, thể hiện một tâm trạng mới, sử dụng một ngôn ngữ mới, sáng tạo một phong cách mới, mở rộng địa lý của thơ, mang đến cho thơ một khí hậu cực kỳ ấm áp, gần gũi nhân tình. Thời ấy, Xuân Diệu thực sự là một nhà cách tân. Ông đã làm cho lãnh thổ cái đẹp trở thành rộng rinh hơn khi khám phá ra nét phân vân trên một cánh cỏ, cái rung mình của một ánh trăng thâu, cái hòa hợp âm thầm của một nhành hoa, một bãi cỏ và một làn rêu trong đêm tối, cái bâng khuâng không duyên cớ khi trời chiều tự dưng trong vắt, cái hơi rét gây gây luồn lách, len lỏi vào trong gió thu. Xuân Diệu là người đầu tiên nhận ra hương bưởi là tín hiệu của đêm khuya, hiện tượng nắng tự nhiên nhạt màu, mây tự nhiên trôi nhẹ và gió tự nhiên hiu hiu là tín hiệu của tình yêu.

Sau này, khi trở thành gã mãi võ của cộng sản, Xuân Diệu chỉ tạo được, dưới hình thức gọi là thơ, những cuộc hoà âm ầm ĩ mà rỗng tuếch của phèng la và chập chõa. Tiếng chim hót ngày xưa

không còn. Chỉ còn một vòi nước rè rè và đục vẩn. Nhưng đó là nói về sáng tác. Còn kinh nghiệm lại là cái gì khác ở ngoài mọi lập trường, mọi quan điểm. Kinh nghiệm là đứa con của thời gian. Do đó không nên khăng khăng hất đổ những gì Xuân Diệu tự tổng kết ở trên.

Nhưng trước hết, tứ thơ là gì ?

Có nhiều cách hiểu khác nhau. Theo Chế Lan Viên, *"gọi nó là tứ để phân biệt với ý. Chữ "tứ" chẳng qua là ý lớn toàn bài vậy" (2).* Ngược lại, theo Nguyễn Xuân Nam, *"Tứ trong toàn bài là hình tượng xuyên suốt cả bài thơ* (3). Hai quan niệm khác nhau. Một đằng thiên về ý. Một đằng thiên về hình tượng. Nhưng lại giống nhau ở một điểm: bất cập.

Thử đọc bài thơ này của một "nhà thơ" cộng sản:

Tiếng loa nhắc vụ này thay giống lúa mới.
Mùa đông giữ ấm ngực trẻ con
Trung ương vận động mua công trái nhiều hơn
Việc vợ chồng sinh đẻ có kế hoạch.

Thì cũng có ý đấy. Nhưng tứ thơ đâu ?

Hay thử đọc bài thơ này của một "nhà thơ" cộng sản khác :

Bãi lầy lắm hến nhiều ngao
Càng nhiều bãi lội càng cao lượng mời
Đi chăn chục khó ướt người
Thì đêm ấy lượng trúng trời hẳn lên.

Thì cũng có hình tượng đấy. Nhưng tứ thơ đâu?

Đồng hoá tứ thơ với ý hoặc với hình tượng không những sai lầm mà còn là điều nguy hiểm. Thứ nhất, nó cũng có nghĩa là đồng hoá thơ và vè, thơ và các loại diễn ca chính trị tầm thường rỗng tuếch nhan nhản trên sách báo tuyên truyền hoặc trên các vỉa hè, các đường phố: tất cả đều có điểm chung, hoặc có ý, hoặc có hình tượng, hoặc có cả hai. Thứ hai, nó làm mất khả năng phân biệt thơ hay và thơ dở. Không hiếm gì những bài thơ có ý tưởng ra vẻ "triết lý" cao kỳ mà lại là những bài thơ kém. Cũng không hiếm gì những bài thơ có hình tượng cũng gọi là "đèm đẹp" nhưng lại chỉ là những bài thơ nhạt phèo, chán ngắt. Thứ ba, nó làm lạc hướng những người mới bắt đầu làm thơ: họ dễ tưởng làm thơ chỉ là công việc thuần túy của tư duy hay chỉ là công việc lắp ráp các hình tượng ngô ngộ lại với nhau. Để cuối cùng, tạo nên một cái gì rất đỗi... xa thơ.

Trong tứ có ý, nhưng tự nó, ý chưa là tứ. Trong tứ có hình tượng, nhưng tự nó, hình tượng chưa là tứ. Còn xa xôi vô cùng. Không phải cứ đem mấy khái niệm triết học mốc thếch từ đâu, gắn vào đít của chúng vài chữ đồng thanh, đồng âm cho ra vần vè là tự nhiên có thơ. Cũng như không phải cứ vất bừa bãi dăm bảy cảnh

hoa lại với nhau là tự nhiên người ta có một bình hoa mỹ thuật. Ý, nó khô khốc lắm. Như là xương. Hình tượng, nó khơi vơi, bềnh bồng lắm. Như là khói. Ý và hình tượng phải kết tụ lại với nhau như da thịt đắp lên xương xẩu thì mới có hình người. Nhưng chưa là con người. Hình như trong Cựu Ước có viết, sau khi nắn thành hình người, Đức Chúa Trời phải thổi vào hình người ấy một hơi thở để tạo ra cái gọi là linh hồn, hình người ấy mới thực sự có sự sống, người đàn ông mới biết quay lại nhìn người đàn bà, để thấy, nơi mái tóc đen nhánh kia có một cái gì khiến sóng trong lòng mình xao lên, nao nao. Linh hồn ấy, trong thơ, chính là cảm xúc.

Chỉ gọi là tứ khi có một ý tưởng làm bồng lên trong hồn người những niềm rung động sâu sắc và ý tưởng ấy, niềm rung động ấy cùng quyện lại với nhau, nhập thân vào một hình tượng cụ thể.

Ý là của chung mọi người. Hình tượng là của chung trong trời đất. Ánh trăng nằm trên cành liễu thì có gì là mới mẻ đâu? Nhưng cái tứ ánh trăng *"nằm sóng soải trên cành liễu. Đợi gió đông về để lả lơi"* thì rõ ràng là của riêng Hàn Mặc Tử. Niềm say mê cái đẹp tinh khiết của vũ trụ thì có gì là lạ đâu? Nhưng cái tứ *"Ta van cát bụi bên đường. Dù nhơ dù sạch đừng vương gót này. Để ta tròn một kiếp say. Cao xanh liễu một cánh tay níu trời"* thì rõ ràng là của riêng Vũ Hoàng Chương. Tứ là cái gì rất riêng tây ở mỗi nhà thơ, ở mỗi bài thơ. Tứ là thế giới tinh khôi lần đầu tiên được nhà thơ tạo dựng trong cơn say ngây ngất của cái người ta quen gọi là cảm hứng.

Có thể định nghĩa vắn tắt: *tứ là những suy nghĩ của trái tim trước cuộc đời.*

Bởi vì tứ là cái gì rất tổng hợp, do đó, quá trình tìm tứ cũng là một quá trình tổng hợp: nhà thơ phải vận động cùng lúc ba khả năng, suy nghĩ, tưởng tượng và cảm xúc. Chỉ khi nào ba yếu tố trên gặp gỡ nhau ở một điểm nào đó, tứ thơ mới hình thành. Nghĩ coi, có thể tin được không, là, trong suốt cuộc đời đi học, đi làm xa của mình, chỉ có một lần duy nhất Huy Cận cảm thấy thẫn thờ nhớ nhà? Chắc chắn là không. Nỗi nhớ cũng tự nhiên như là mây giăng ở những góc trời xa vắng. Thế thì tại sao chỉ có một lần, một lần duy nhất nỗi nhớ ấy hoá thành thơ? Câu trả lời: bởi vì chỉ có một lần duy nhất ba yếu tố trên hoà nhập được với nhau. Trong một thời điểm: chiều hanh hao nắng. Trên một địa điểm: tràng giang điệp điệp sóng buồn. Sông thì dài, trời thì rộng, mây thì xa, bến thì cô liêu, ý niệm về sự lẻ loi của người lữ thứ càng đậm, nỗi sầu ly hương càng thêm thê thiết: tứ thơ khai sinh.

... Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa.
Lòng quê dờn dợn vời con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

Rất nhiều nhà thơ kể giống nhau: có những cảnh vật người ta nhìn hoài, nhìn hoài. Quen thuộc lắm. Nhớ làu làu từng chi tiết nhỏ. Nhưng cứ thấy là bình thường, tầm thường. Cảnh vật chỉ đọng trong mắt mà không len vào máu. Chỉ ơ hờ xa lạ bên cạnh những bước đi đi về về hằng ngày. Rồi bỗng dưng, một hôm, trong một tâm cảnh nào đó không ai biết rõ, hình như những tư tưởng nung nấu từ lâu đã chín muồi, hình như những cảm xúc im lìm đã cồn cao lên sóng, người ta nhìn lại những cảnh vật ấy, thấy lạ lùng hẳn, mới, tươi và gần gũi tâm hồn như thoạt thấy lần đầu. Chén trà khuya không chỉ là chén trà nữa. Chén trà khuya đã *"nao nao trăng hạ tuần"* như trong thơ Quách Tấn. Ánh trăng non không là ánh trăng non nữa. Mà trở thành *"mới lớn lên trăng đã thẹn thò"* như trong thơ Hàn Mặc Tử. Buổi chiều không còn là buổi chiều nữa. Buổi chiều đã là buổi chiều u uẩn và quạnh vắng của cõi lòng *"buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường"* như trong thơ Thanh Tâm Tuyền.

Tìm tứ là một quá trình chống lại một thói quen, chống lại những quán tính ù lì và những con đường mòn nhẵn thín cứ lôi người ta trơn tuột giữa cuộc đời. Tìm tứ là quá trình phát hiện cái bất bình thường từ những cái vẫn rất mực bình thường. Tìm tứ là quá trình khôi phục sự hồn nhiên bỡ ngỡ cho đôi mắt và cho trái tim.

Thế Lữ hồi ức lại hoàn cảnh sáng tác bài "Nhớ Rừng" như sau:

"Tôi làm một chân chữa bài in cho báo Volonté Indochinoise (Ý muốn của Đông Dương) ở phố Cửa Bắc, từ nhà tôi ở, muốn đến toà soạn, phải qua đường Ngọc Hà, thành ra qua vườn Bách Thảo. Chính vì qua vườn Bách Thảo mà nảy ra bài "Nhớ Rừng". Một trưa hè, ngồi nghỉ ở vườn, tôi nghe tiếng người làm vườn uể oải kéo lê bước trên đường sỏi, nghe ghê người lắm. Tôi nghĩ con hổ bị giam trong này thì buồn biết bao nhiêu. Bỗng nảy ra tứ một câu thơ đùa "Chú nó trong nắng hè uể oải. Cũng không buồn thương nhớ cảnh rừng xa". Nhưng sau đó tôi lại chuyển sang tứ là thương nhớ rừng. Khi đã nảy ra tứ nhớ rừng thì bài thơ đến rất nhanh, từ sáng đến trưa là xong, không phải sửa chữa gì lắm" (4).

Trước khi sáng tác bài "Nhớ rừng" đã bao nhiêu lần Thế Lữ đi ngang vườn Bách Thảo? Đã bao nhiêu lần nhìn con hổ bị giam trong cũi sắt? Nhưng chỉ khi hình ảnh ấy hiện lên cùng lúc với tiếng bước chân *"người làm vườn uể oải kéo lê trên đường sỏi"* thì mới làm dâng trào lên trong tâm hồn Thế Lữ nỗi bùi ngùi trước những cuộc đời bị tù hãm, bị quẩn đọng trong một thế giới thật chật chội, thật vuông vức. Con hổ không còn là con hổ. Con hổ trở thành

một ý niệm, một biểu tượng của sự tự do bị đè nén Tứ thơ loá lên. Con hổ tự nhiên có nỗi bất mãn thật kiêu hùng *"Ghét những cảnh không đời nào thay đổi"*, có ước mơ lãng mạn mà cao ngất hào khí:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mời đứng uống ánh trăng tan ?

Con hổ hoá nên nơi hội ngộ của một tư tưởng: tư tưởng tự do, và một tâm trạng: tâm trạng chán ngán hết mọi tù túng.

Quá trình sáng tác bài *'Đêm thu nghe quạ kêu"* của Quách Tấn cũng tương tự: đó là quá trình một tiếng quạ kêu nghe thấy tình cờ trở thành một tiếng đồng vọng của tâm tư. Quách Tấn kể:

"Nguyên một buổi chiều cuối thu năm Đinh Mão (1927), tôi ở Trường Định xuống An Thái hốt thuốc cho bà thân tôi. Theo con đường gần và dễ đi nhất, tôi qua bến đò An Thái sang An Vinh, rồi theo bờ sông Côn đi thẳng lên.

Đêm hôm ấy có trăng, nhưng không được sáng, vì trời nhiều sương. Tôi vừa đi vừa nghĩ vơ vẩn. Chợt đến một khúc đường tre che khuất cả bóng trăng, và mo nang rụng đầy mặt đất. Tôi dẫm phải những mo khô mới rụng, tiếng kêu sột soạt làm bầy quạ đương ngủ trên cây giật mình vỗ cánh kêu vang dậy. Tiếng kêu thình lình giữa đêm vắng, nghe vừa rùng rợn vừa lạnh lùng. Cả mình tôi rởn ốc!

Từ ấy tiếng quạ ám ảnh tôi luôn.

Cách ba tháng sau bà thân tôi mất. Tiếng quạ vẫn cứ theo tôi, nhưng giọng rùng rợn lạnh lùng đổi thành giọng não nùng. Qua thời gian khá lâu, tiếng quạ thưa dần và nhạt dần, rồi lịm mất.

Mùa hạ năm Kỷ Mão (1939), một đêm trăng tôi ngồi hóng mát cùng nhà tôi và một người bạn, trên bờ đầm Nha Trang ở trước mặt nhà. Lúc ấy đã khuya. Nghe tiếng phở rao, nhà tôi gọi. Không thấy trả lời, anh bạn gọi tiếp. Tiếng gọi bị núi Sinh Trung bên kia đầm dội lại, ngân dài trong đêm khuya... Tiếng quạ năm xưa ở tâm hồn tôi vụt thức dậy rộn ràng... Rộn ràng nhưng dịu dàng chứ không rùng rợn, cũng không não nùng như ngày trước.

Trở vô nhà, suốt đêm tôi không ngủ được. Tiếng quạ vang vọng bên tai, và gợi lên không biết bao nhiêu ký ức. Phần thì nhớ mẹ già xưa, phần thì thương cảnh làng cũ, bời hời áo não... tôi nằm im lìm để cho nước mắt trào ra... Niềm nhớ thương vơi theo nước mắt và lòng tôi êm dịu dần dần.

Toan ngồi dậy ghi lại dòng cảm xúc, song thấp đèn sợ quấy rầy giấc ngủ của vợ con, tôi đành nằm yên đợi sáng.

Sáng hôm sau nhằm ngày chủ nhật, được nghỉ, tôi toan lấy giấy bút để làm thơ thì khách đến! Thế là mất hết buổi sáng. Chiều đến đóng kín cửa phòng, một mình ngồi lập ý.

Vừa nghĩ đến chữ quạ thì liên tưởng đến màu đen, đến chữ Ô. Chữ Ô làm nhớ đến bài Ô y hạng của Lưu Vũ Tích:

Chu tước kiều biên dã thảo hoa
Ô y hạng khẩu tịch dương tà
Cựu thời Vương Tạ đình tiền yến
Phi nhập tầm thường bách tính gia.

Trần Trọng San dịch :

Chu tước bên cầu cỏ trổ hoa
Cửa Ô y hạng ánh dương tà.
Xưa kia én đậu lầu Vương Tạ
Nay tới dân gian lượn mái nhà.

Những cảnh trong thơ hiện ra mơ màng trước mắt.

Tôi đặt bút xuống bàn, ngồi nhắm mắt lại để lòng vui theo cảnh... Bầy yến dễ thương bỗng bay tản mát rồi nhập lại nơi lùm tre cao.

Tre che khuất bóng bầy chim én, nhưng lại đưa ra mấy tiếng quạ rộn ràng... Liền đó như một cuốn phim, những cảnh bến đò An Thái, con đường ven sông Côn dần dần hiện ra dưới bóng nguyệt mờ sương... Rồi tiếng quạ ngân lên, và theo dư âm, bến đò An Thái biến thành bến Phong Kiều của Trương Kế với quang cảnh:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn sơn tự
Dạ bán chung lai đáo khách thuyền

Tản Đà dịch :

Trăng tà tiếng qua kêu sương
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hờ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Và con sông Côn biến thành dòng sông Xích Bích với con thuyền của Tô Đông Pha trôi chầm chậm dưới bóng trăng thu... Tôi tưởng tôi là họ Tô đương ngồi vuốt chòm râu rậm bay phất phơ trước gió, và gõ mạn thuyền ngâm bài phú Xích Bích có nhắc đến họ Tào. Tôi như trông thấy rõ dáng đắc ý của Tào Mạnh Đức đứng trên đoàn thuyền kết dài trên mặt sông, quay ngang ngọn giáo ngâm bài:

Nguyệt minh tinh hi
Ô thước Nam phi
Nhiễu thọ tam táp
Vô chi khả y ?

Dịch :

Đêm nay sao tỏ trăng thanh

Về nam con quạ lao mình trên không
Lượn quanh cây lớn ba vòng
Tìm không chỗ đậu lại vùng bay đi.

Rời hết điển này đến điển khác nối nhau đưa tôi vào sâu trong cõi mộng... Tôi ngồi ngủ say cho tới lúc người nhà lay dậy ăn cơm tối!

Cơm xong, tôi ngồi lại bàn giấy làm việc. Tôi nhất định ghi tất cả những gì đã đến cùng tôi. Nhưng không thể được, vì tôi không thích lối trường thiên. Tôi bèn chọn những nét rung cảm đậm nhất, lọc những gì nên thơ nhất, dồn vào trong 8 câu:

Từ Ô y hạng rủ rê sang
Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng
Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng
Bờn chờn thương kẻ nương song bạc
Thắc thỏm chăng ai quả ấn vàng ?
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi
Tình lang mang gợi tứ lang mang.

Tôi rất lấy làm thích và lấy nhan đề là "Đêm nghe quạ kêu".

Năm 1941, nhân các bạn ở toà soạn tạp chí "Bạn Đường" mới xuất bản, gửi thư xin bài, tôi liền gửi đăng bài ấy.

Cách đó ít lâu, xem xét lại các bài thơ đã làm để in vào tập "Mùa Cổ Điển", tôi nhận thấy bài trên đây, câu luận chưa sướng.

Câu trạng do những cảnh cũ gợi điển.

Câu luận bị thời cuộc lúc bấy giờ ảnh hưởng:

Lúc ấy quân Nhật đóng ở Việt Nam, nhiều người đi lính để lập công danh, nhiều bà vợ bị chiếc bóng. Do đó mà mượn tiếng sông Ngân, mượn điển tích Trương Hạo lượm được một viên đá tròn do con sơn thước hoá ra, đem đập vỡ thì thấy một quả ấn vàng có mấy chữ "Trung hiếu hầu ấn", sau làm tướng được phong đến tước hầu.

Chưa lấy làm sướng nhưng sửa mãi chưa được.

Một đêm ngồi tựa lan can, trầm ngâm ngẫm nghĩ. Ngoài trời trăng sáng vằng vặc. Những cánh cửa sổ mở hé được ánh trăng chiếu vào trong như xuy bạc và thềm giếng mới rửa loang loáng sắc hoàng kim. Trí tôi và mắt tôi dồn cả cả vào sắc vàng trắng của cảnh vật và của câu thơ. Chợt một vật gì rơi vào lòng giếng tạo thành một tiếng "chũm" lạnh lùng. Tôi cảm xúc sửa ngay được câu thơ:

Bờn chờn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.

Sửa được câu này tôi khoái hơn khi làm xong tám câu trước. Nhưng ngâm đi ngâm lại, tôi thấy câu kết chưa nói đúng nỗi lòng.

Một lần nữa, tôi phải lo sửa lại:

Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi
Tình hoang mang gợi tứ hoang mang.

Như thế là ổn. Thích chí ngâm vang cả trời khuya.

Chế Lan Viên cũng cho câu sửa hay hơn hẳn nguyên tác nhưng còn chê đề bài chưa được nên thơ, mới thêm chữ "thu" vào thành "Đêm thu nghe quạ kêu." (5)

Dĩ nhiên, không phải tứ thơ nào cũng được thai nghén một cách lâu lắc và vất vả như thế. Cũng không phải người nào, khi làm thơ, cũng lập ý một cách cầu kỳ với những điển cố xa xôi như thế. Nhưng kinh nghiệm trăn trở tìm tứ của Quách Tấn lại rất điển hình: dù nhanh hay chậm, dù bằng cách thức nào đi nữa, sự hình thành tứ thơ nào cũng phải đi qua ba giai đoạn:

Trước hết, phải có một cảnh vật, một sự kiện cụ thể có khả năng gây ấn tượng mạnh và sắc.

Thứ hai, ấn tượng ấy cứ âm vang mãi trong hồn người, tạo nên những niềm cảm xúc sâu đậm.

Và thứ ba, từ ấn tượng và cảm xúc ấy, nhà thơ phải vận dụng khả năng liên tưởng, tưởng tượng, tư duy để tìm ý, tìm chất liệu để khai triển thành một bài thơ hoàn chỉnh. Chính ở đây, có sự khác biệt sâu sắc giữa Quách Tấn và các nhà thơ sau này. Quách Tấn cũng như người xưa thường tìm ý và chất liệu từ kho tàng điển cố, điển tích. Các nhà thơ sau này thường tìm ý và chất liệu ngay từ trong đời sống thực. Không nên tuyệt đối hoá sự phân biệt này. Khi Huy Cận viết *"Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"* chắc chắn là Huy Cận nhớ đến hai câu cuối trong bài "Hoàng Hạc lâu" của Thôi Hiệu. Khi Thâm Tâm viết *"Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ. Chí lớn không về bàn tay không. Thì không bao giờ nói trở lại. Ba năm mẹ già cũng đừng mong"* chắc chắn là Thâm Tâm nhớ đến hình ảnh Kinh Kha với câu thơ *"Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn"*. Đọc nhiều bài thơ của Nguyễn Mạnh Trinh đăng báo gần đây, tôi chắc thế nào Nguyễn Mạnh Trinh cũng nhớ đến Nguyễn Bắc Sơn.

*
* *

Vai trò của tứ trong thơ cực kỳ quan trọng. Nó giống như là nền móng, cột kèo trong một ngôi nhà. Nó giống như là xương xẩu trong một thân thể. Không có bài thơ nào lại không có tứ. Ngoại lệ: những bài thơ dở.

Hầu hết mọi nhà thơ đều đồng ý, trong công việc làm thơ, có loay hoay trăn trở thì chủ yếu là loay hoay trăn trở để tìm tứ. Có tứ, thời gian hoàn chỉnh bài thơ thường khá nhanh. Tứ, tự nó sẽ huy động những từ ngữ và chi tiết nó cần. Con hổ sẽ biết mời gọi

"cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già" với những *"lá gai cỏ sắc"*, những *"bình minh cây xanh nắng gội"*, những *"buổi chiều lênh láng máu sau rừng"*. *"Tràng giang"* sẽ biết mời gọi những *"thuyền về nước lại"*, những *"cồn nhỏ gió đìu hiu"*, những *"bèo dạt về đâu hàng nối hàng"*, những *"sóng gợn... buồn điệp điệp"*. Cũng vậy, hầu như đã có sẵn chung quanh ông đồ viết câu đối Tết thuê những hình ảnh quen thuộc *"mực tàu"*, *"giấy đỏ"*, *"người thuê viết"*, *"nét chữ như phượng múa rồng bay"*, những *"lá vàng rơi trên giấy"*, những *"trời mưa bụi bay"*. Đây là công việc của trí tưởng tượng. Đối với nhà thơ, lúc này, cần nhất là sự tỉnh táo để lựa chọn. Nguyên tắc thứ nhất là cần tập trung. Tất cả các chi tiết đều nhắm tới mục đích thể hiện và làm nổi bật tứ. Nhà thơ lớn là nhà chiến lược lớn: không có chiến thuật nào không để góp phần dẫn đến chiến thắng cuối cùng. Trong bài *"Một chút xuân quê nhà"*, Luân Hoán chọn lựa chi tiết rất đắc. Tố cáo cuộc sống bần cùng, khốn khó dưới chế độ cộng sản, ông không cần dao to búa lớn. Chỉ cần một lá thư với những chi tiết nhỏ nhoi đến tội nghiệp:

... xin báo cùng anh tin vui thứ nhất
cây cúc đầu hè nở được một bông
... xin báo cùng anh cây cà chua nhỏ
cũng đậu được vài trái đỏ xinh xinh
... xin báo cùng anh vồng khoai luống cải
nhờ bón phân người lá cũng rất xanh
... xin báo cùng anh sáng nay đầu ngõ
có con cu cườm đậu tuốt ngọn tre...

Chỉ có thế. Dù *"thư viết cho anh đắn đo từng chữ, lựa lọc từng lời cho đỡ nặng cân,* nhưng những lời kể trước sau vẫn cứ quanh quẩn hoài với những điều rất mực vu vơ, những niềm vui rất ư bé nhỏ. Không còn gì khác. Người đọc đủ thấy rưng rưng hiện lên trước mắt một cuộc đời lam lũ, tối tăm đến là thương. Nó là báo "tin vui" nhưng sự thực lại là vang lên tiếng khóc não nùng.

Nguyên tắc thứ hai là tiết kiệm. Chơi hoa, người ta phải biết tỉa cành và ngắt lá. Để hình hoa nổi rõ. Để sắc hoa thêm chói. Chi tiết càng rườm, tứ thơ càng mờ. Chi tiết càng chồng chất, tứ thơ càng vụn nát. Người xưa hay nói "vẽ mây nẩy trăng": đừng cho mây nhiều đến độ ánh trăng bị khuất.

Ai không công nhận Đoàn văn Cừ là người rất giỏi trong việc dựng lại những khung cảnh đồng quê thuở xưa? Nhưng mấy người nhớ nổi thơ họ Đoàn? Người ta chỉ nhớ những bài thơ chấm phá ít nét của Nguyễn Bính. Trong cuộc tranh giải văn chương, trí nhớ con người là trọng tài đáng tin cậy nhất.

Vai trò thứ hai của tứ là định hướng kết cấu bài thơ. Nói chung, một trong những yêu cầu lớn nhất đối với thơ là tính chất

thống nhất. Cả bài thơ phải là một chỉnh thể toàn vẹn. Tứ sẽ là cơ sở của sự thống nhất và toàn vẹn. Xuân Diệu kể bài thơ *"Với bàn tay ấy"* thoạt đầu như sau:

Một tối bầu trời chẳng gợn mây
Cây tìm nghiêng bóng xuống hoa gầy
Hoa nghiêng xuống cỏ trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu : — một tối đầy
Những lời huyền bí bốc lên trăng...

Xuân Diệu gửi bài thơ đăng báo. Thế Lữ, khi chọn đăng, đã tinh ý nhận ra ngay nét đặc sắc của cái tứ mà nhà thơ trẻ là Xuân Diệu hồi ấy muốn dựng: cả trời đất đang giao hoà với nhau: cây nghiêng xuống hoa, hoa nghiêng xuống cỏ, cỏ nghiêng xuống rêu. Nhưng Thế Lữ cũng phát hiện ra ngay một điểm yếu cơ bản trong bài thơ ấy: trong khi vạn vật song sóng gần kề hoà hợp với nhau, thì bầu trời, lạ chưa, bầu trời lại "chẳng gợn mây", nó lẻ loi, nó lạc lõng đến chông chênh, nó bơ vơ đến tội nghiệp và lạ lùng. Thế Lữ chữa lại câu thơ là:

Một tối bầu trời đầm sắc mây
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy...

Như vậy thiên nhiên mới có sự giao hoà rõ rệt. Tứ thơ chặt. Bài thơ thành ra nhất quán. Cách chữa của Thế Lữ rất được Xuân Diệu đồng tình và tri ân (6).

Bài *"Tống biệt hành"* của Thâm Tâm là một bài thơ hay, rất hay, có lẽ là một trong những bài thơ hay nhất của thời 30-45. Bài thơ hình thành như hai lời đối thoại, không, đúng hơn, như hai lời độc thoại của hai người, một người ra đi và một người đưa tiễn. Người đưa tiễn buồn mênh mang. Nghe tiếng sóng xao trong lòng. Nghe hoàng hôn rơi trong mắt.

Đưa người ta không đưa sang sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong ?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dửng dưng.

Không biết người ra đi trả lời hay chỉ là tự nhủ thầm cho một mình mình nghe:

Ly khách ! Ly khách ! Con đường nhỏ
Chí lớn không về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại
Ba năm mẹ già cũng đừng mong.

Nghe có vẻ đầy hào khí, nhưng người đưa tiễn biết đó chỉ là giả vờ:

Ta biết ngươi buồn hôm trước

Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị đều như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ xót
Ta biết ngươi buồn sáng hôm nay
Trời chưa là thu tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc sáng hôm nay.

Chị, em và người yêu lưu luyến thế ấy, chẳng lẽ lại đành tâm ra đi? Nhưng Ly Khách lại đi thật. Bóng đã xa, người đưa tiễn còn ngơ ngác đứng và hun hút nhìn:

người đi, ừ nhỉ, người đi thực
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là giọt rượu
Em thà coi như hơi rượu say.

Trong *"Việt Nam thi nhân tiền chiến"*, dựa theo nguyên bản bài thơ đăng trên *"Tiểu thuyết thứ bảy"*, Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng phục hồi thêm bốn câu cuối.

Mây thu đầu núi, gió lên trăng
Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thầm
Ly khách ven trời nghe muốn khóc
Tiếng Đời xô động, tiếng hờn câm.

Đúng là giọng thơ Thâm Tâm. Nhưng tôi có cảm tưởng thêm bốn câu ấy vào, bài thơ không hay hơn. Hơn nữa, yếu xuống. Nó lạc điệu. Lạc về biện pháp: cả bài thơ được tác giả sử dụng biện pháp biểu hiện, đi sâu, xoáy sâu vào tâm tư. Đoạn cuối lại là những âu tả. Lạc điệu về giọng: bài thơ có hai nhân vật chính, người ra đi và người đưa tiễn, song cái thế của bài thơ là xuất phát từ vị trí người đưa tiễn. Đoạn cuối lại tập trung ở ly khách. Lạc điệu về tứ: trong mấy đoạn đầu, ly khách tuy ngậm ngùi nhưng nét chính vẫn là sự nghênh ngang, hào sảng. Thấp thoáng chút hùng khí đời xưa. Phảng phất ảnh hình Kinh Kha ngày trước. Rất đẹp. Biết là cường điệu mà vẫn thấy đẹp. Đoạn cuối xoá tan tất cả những hình ảnh và ấn tượng ấy: ly khách lại trở thành nhỏ nhoi, thảm thương *"ven trời nghe muốn khóc"*. Tôi rất phục Hoài Thanh, trong *"Thi nhân Việt Nam"*, đã cắt bỏ đoạn này. Như ông đã từng cắt bỏ cả một đoạn dài, rất "cải lương", rất sáo rỗng trong bài "Gửi Trương Tửu" của Nguyễn Vỹ.

*
* *

Có người chia tứ thơ ra làm hai loại: tứ thơ thiên về tạo hình và tứ thơ thiên về dòng suy nghĩ liên tưởng.

Tứ thơ thiên về tạo hình là loại tứ được xây dựng với mục tiêu khắc họa một nhân vật hoặc một cảnh vật cụ thể qua đó nhà thơ

gửi gấm cảm xúc và tư tưởng của mình. Lênh theo từng đường nét hội họa của thơ là những nhịp thở xôn xao từ trái tim người. Đây là loại tứ phổ biến và xuất hiện sớm nhất. Hầu hết những bài thơ nêu trên đều thuộc loại tứ này.

Hôm nay dưới bến xuôi đò
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau
Anh đi đấy, anh về đâu ?
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Thơ Nguyễn Bính. Tựa *"Không đề"*. Chỉ có bốn câu. Theo tôi, đây là một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của Nguyễn bính. Bài thơ có hai nhân vật, một người con trai và một người con gái. Người con trai ở dưới bến chờ xuôi đò. Người con gái ở trong nhà, qua vuông cửa sổ, thẫn thờ ngó ra. Nguyễn Bính nói họ *"thương nhau"*. Chắc chỉ là thương thầm. Nên không có tiễn đưa. Nên người con gái mới băn khoăn tự hỏi *"Anh đi đấy, anh về đâu?"*. Sáu chữ mà bời bời hai tâm trạng ngổn ngang. *"Anh đi đấy?"* là câu hỏi thảng thốt. Đau nhói. *"Anh về đâu?"* là câu hỏi ngậm ngùi. Buồn tênh. Người con gái ngạc nhiên, rồi bàng hoàng, rồi ngẩn ngơ. Chiếc thuyền rời bến, từ từ đi xa. Hình ảnh người con trai hút. Chỉ còn chiếc thuyền. Rồi chiếc thuyền cũng khuất. Chỉ còn cánh buồm vươn cao, vươn cao, chới với, chập chờn, lung linh, xa xăm:

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vời vợi nhìn theo. Câu thơ cắt thành ba nhịp, tưởng như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng đột nhiên trào lên, che khuất cánh buồm. Bao nhiêu lần khuất rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lắc, người con gái chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh buồm thấp thoáng, nhoà đi trong khói sóng bập bềnh. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ "nâu" ở nhịp cuối biến mất.

Trần Huyền Trân, người khách muộn màng nhất trong *"Thi nhân Việt Nam"*, người bị Hoài Thanh Hoài Chân vừa tiếp đón vừa dè bỉu là *"không xuất sắc lắm"* lại là tác giả một bài thơ lục bát tuyệt hay: bài *"Ngõ Trúc"*:

Mưa rơi trắng lá rau tần
Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa
Người về khép lại song thưa
Để rêu ngõ trúc tương tư lá vàng.

Cặp lục bát đầu mở ra và khép lại bằng hai chữ "mưa". Cả không gian bị vây quanh dưới mưa. Mưa rơi trùng trùng, sướt mướt, lê thê. Mưa tung toé sủi bọt trắng xoá trên những chiếc lá rau tần yếu ớt. Mưa xoá nhoà hình ảnh chiếc thuyền khiến nó biến thành hư hư ảo ảo như một cụm khói. Tôi ngờ là chiếc thuyền vẫn

đậu yên. Nhưng mưa mờ mắt nhìn, gây cảm tưởng chiếc thuyền mỗi lúc một xa dần, xa dần. Đường vắng. Ngõ vắng. Không có ai cả. Suốt bài thơ không hề thoáng thấy một nhân ảnh. *"Thuyền ai"* chỉ là cách nói chỉ chiếc thuyền xa lạ. *"Có người"* cũng chỉ là cách nói chỉ một ý niệm hết sức bâng quơ. Trên các lối ngõ ven sông chỉ có những khóm trúc đứng buồn thiu dưới mưa. Và rêu xanh sũng nước. Và lá vàng rụng rơi.

Khó mà bình câu cuối. Hiếm khi nào thơ lục bát lại hàm súc đến vậy. Một cái gì vắng, thật vắng. Lặng, thật lặng. Mà cũng hiu hắt quá chừng. Tưởng như từ thiên cổ, trên ngõ trúc ấy, đã không có người vãng lai. Tưởng như đến nghìn năm sau, trên ngõ trúc ấy, vẫn phong hoài niềm hiu quạnh. Chỉ có rêu nhớ lá.

Loại tứ thiên về dòng suy nghĩ liên tưởng lại khác. Ở đây có thể có hình tượng, đôi khi dày đặc hình tượng, tuy nhiên cái mạch chính để dẫn dắt tứ thơ lại là một cảm nghĩ nào đó. Hình tượng có thể rời rạc với nhau nhưng lại thống nhất trong một chủ đề chung. Nhà thơ có thể miên man liên tưởng đến những vấn đề khác, xa hay gần. Kết cấu loại tứ này, do đó thường sinh động và đa dạng. Bài thơ hình thành như một thứ giao hưởng giữa trái tim và đầu óc. Chất thơ và chất suy tưởng đang quyện lại với nhau. Từ hiện tại, nhà thơ có thể quay về quá khứ hay đến tương lai. Từ một cảnh vật cụ thể, nhà thơ mông lung nghĩ ngợi đến những chuyện xa vời. Có thể dẫn bài *"Đất nước"* làm thí dụ. Bài thơ này được sáng tác từ năm 1948, cùng thời gian với bài "Tây Tiến" của Quang Dũng, thời toàn dân chống Pháp, lúc cộng sản chưa dùng những hình thức tàn bạo nghiệt ngã siết văn thơ vào cái khuôn chật chội của một cái loa tuyên truyền rỉ sét.

Tứ thơ hình thành từ một thời gian và một không gian cụ thể:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa.

Sau đó tứ thơ chuyển về quá khứ :

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà nội
Những phố dài xao xác heo may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Rồi lại quay về hiện tại :

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng đây vui giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phất phới
Rừng thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Giọng bâng khuâng biến thành giọng hùng tráng :

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta.
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về

Đang suy nghĩ về tổ quốc, nhà thơ chợt nhớ đến những kỷ niệm riêng tư :

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

Đoạn kế tiếp lại pha rất nhiều vẻ chính luận :

Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Bỗng bật lên những tiếng căm hờn...

Cứ thế, theo dòng liên tưởng dào dạt của mình, nhà thơ dẫn dắt người đọc đi từ chuyện này qua chuyện kia, từ vấn đề này qua vấn đề khác, từ quá khứ đến hiện tại, đến tương lai, từ việc riêng đến việc chung, từ giọng tâm tình đến giọng suy tưởng nhưng trước sau vẫn bám vào một cái trục duy nhất: những suy nghĩ về đất nước.

Tôi có cảm tưởng các nhà thơ ở miền Nam trước đây hay ở hải ngoại hiện nay ít khai thác loại cấu tứ này. Tiếc. Có thật nhiều cơ hội để tiếp xúc với những luồng tư tưởng lớn trên thế giới, đầu óc được hoàn toàn tự do để suy nghĩ, cuộc sống nội tâm vô cùng phong phú, đó không phải là những điều kiện cần và đủ cho loại tứ này nở hoa?

Bài thơ *"Lệ đá xanh"* của Thanh Tâm Tuyền giàu chất suy tư nhưng do thiếu những liên tưởng bất ngờ nên tứ thơ ít biến hoá, thiếu linh động, giống như một nhành hoa thẳng đuột, khẳng khiu.

Bài thơ chia làm ba phần như một thứ... tam đoạn luận cứng nhắc. Phần đầu trình bày những ấn tượng chung của tác giả về cuộc đời:

Tôi biết những người khóc lẻ loi
Không nguôi một phút
Những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
Em biết không
Lệ là những viên đá xanh
Tim rũ rượi.

Mỗi người trong cuộc đời như một ốc đảo trong địa ngục. Họ khóc triền miên. Tiếng khóc giữa cô đơn không thể vỡ oà. Nó nén lại. Thành một nghẹn ngào. Những giọt nước mắt âm thầm và không tan trên khoé mắt ấy càng khiến tâm hồn con người thêm u uất, ngỡ chúng như những *"viên đá xanh"* đè lên trái tim, gây biết bao đau đớn, ngột ngạt, tức tối. Đây là đoạn thơ hay nhất trong bài. Ngôn ngữ mạnh và sắc. Nhạc điệu mới và hay.

Đoạn thứ hai, tác giả muốn phá tan cái ấn tượng ảm đạm ấy bằng cách:

Đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ có trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của Thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin.

Nhiều người phàn nàn thơ Thanh Tâm Tuyền khó hiểu. Thật ra, không đến nỗi. Tất cả "bí mật" của thơ ông đều nằm trong hai yếu tố: đảo ngữ và giấu biệt liên từ. Đã quen với thơ ông, người ta sẽ thấy phần lớn đều sáng sủa đến độ... khó mà bình giảng thêm. Chẳng hạn, khổ đầu của đoạn thơ trên sẽ là "đôi khi anh muốn tin, ngoài đời chỉ có trời sao là đáng kể, mà bên những vì sao (ấy) (là) đôi mắt em (sẽ) lấp lánh đến ngày cuối."

Đáng để ý nhất trong đoạn thơ trên là mệnh đề láy đi láy lại nhiều lần *"đôi khi anh muốn tin"*. Niềm tin ở đây thật ngượng ngập và thật mong manh. Dễ hiểu tại sao, cuối đoạn, sau khi viết *"đôi khi anh muốn tin"*, tác giả dừng lại đột ngột, hết sức lửng lơ. Bởi lúc ấy, ngay lúc ấy, cuộc đời bỗng dội lên thực tế não nề:

ôi những người khóc lẻ loi
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi.

Giống hệt đoạn đầu, chỉ thêm một hình dung từ và một từ tán thán cho hơi thơ có âm hưởng hơn.

"Lệ đá xanh" chưa phải là bài thơ hay nhất của Thanh Tâm Tuyền. Tuy nhiên đây là bài thơ mở ra khía cạnh ít người ngờ ở tâm hồn nhà thơ thỉnh thoảng có những phát ngôn ra vẻ nhẫn tâm này: lòng nhân hậu. Rất yêu cuộc đời đến không nỡ kiếm riêng một niềm vui.

*
* *

Đứng về phương diện xây dựng tứ thơ, theo tôi, có ba cách:

Thứ nhất, cấu tứ theo lối tăng tiến. Thuộc loại này, những bài thơ có tứ tương đối định hình sớm, ngay từ những câu đầu và sau đó, ở những câu kế tiếp cho đến lúc chấm hết, tác giả chỉ làm nhiệm vụ khai triển thêm, đào sâu thêm. Cách cấu tứ này rất phổ biến. Nó thích hợp với những trạng thái tâm lý ngưng đọng ở một nét nào đó rõ ràng. Nó không gây bất ngờ song có khả năng dẫn người đọc mỗi lúc một đi sâu, đi xa, đến tận cùng một nỗi niềm, một tâm trạng.

Chắc ít người nhớ bài *"Về đây"* của Cung Trầm Tưởng:

Về đây tôi lại gặp tôi
lang thang lối cũ trước đời sau mương
ngô đồng lả ngọn thuần lương
trời cao không đính, mến thương không bờ
cố tri khóm hạnh bây giờ
vẫn bừng hoa nở đứng chờ lối xưa
vẫn hanh vàng nắng tỏa vừa
hiu hiu tùng rũ bóng chưa hao gầy
về đây tôi lại về đây
non lên thắm nhớ, chiều đầy khoan dung
chân vui lối rộn không cùng
gần xa trời mở vòng cung thâu vào
chân phương lòng thấy nao nao
với muôn thương mến lên cao hôn trời.

Thơ tả một cuộc trở về quê quán cũ mà được như vậy kể cũng ít. Giọng thơ nhẹ nhàng. Tình thơ đôn hậu. Ấm áp niềm vui. Vui vì gặp lại không gian quen thân cũ. Vui thì gặp lại chính mình thuở ấu thơ. Nỗi vui lênh tràn ra trời đất. Mấy câu cuối, hình tượng đẹp và ý hay.

Bài thơ *"Thơ bệnh"* của Viên Linh cũng theo lối cấu tứ tăng tiến.

Trong tâm trạng của nhà thơ lúc bệnh, thoạt đầu hình ảnh của mình là một sự dừng lại, dừng lại để thấy bao nhiêu nhiệt tâm một đời đổ ào ra khơi xa, bao nhiêu ước mơ còn chôn chặt u uẩn trong lòng:

Lúc này hình đất tượng cây
Đời ta như nước chảy đầy bãi xa
Chiều rồi lòng mở không ra
Mênh mông trong ngực mùa hoa hải tần.

Dừng lại rồi gãy đổ giữa trùng trùng sóng dập:

Khói um kín mộng thanh tân

Hình ta sụp đổ mấy lần trong gương
Bên kia bóng vội lên đường
Đằng sau mặt thủy trùng dương sóng dời.

Dừng lại, sụp đổ rồi lún xuống. Lún đến nửa đời người. Trong vũng sầu mênh mông:

Nước xa cuồn cuộn ra khơi
Sâu trong tâm thể có đôi giọt gần
Bãi sầu trời ngập đến chân
Dương gian ta lún nửa thân còn gì.

Lún theo thời gian và lún theo cơn bệnh. Đến một lúc nào ngỡ đã tiếp cận với bờ bên kia cõi sống:

Chiều nay mưa dưới âm ty
Ta nghe kiếp trước thầm thì hỏi han.

Khi xây dựng tứ thơ theo lối tăng tiến, cần chú ý một điều: càng về sau, cảm xúc càng phải mạnh hơn, chặt hơn, đậm hơn. Thì mới gây được ấn tượng sâu. Nếu không, cái thế của đoạn sau dễ thành hụt hẫng. Hoá thừa.

Lối kết cấu thứ hai : gợi mở.

Thuộc loại này, những bài thơ có tứ chính được giấu kín đến những câu cuối cùng. Bài *"Ông đồ"* của Vũ Đình Liên là thí dụ. Suốt 18 câu đầu, tác giả chỉ tả hình ảnh ông đồ cụ thể xuyên suốt quãng thời gian dài, từ quá khứ đến hiện tại, từ thuở vàng son đến lúc bị lãng quên. Đến hai câu cuối, ngỡ tác giả sẽ buông lời cảm khái trước một ông đồ hẩm hiu. Nhưng không. Vũ Đình Liên, từ một ông đồ cụ thể, đã liên tưởng đến cái gì rộng hơn, mênh mông hơn:

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

Tứ thơ đột ngột mở rộng. Chợt man mác buồn nhớ đến những giọt lệ của Trần Tử Ngang ngày nào.

Bài *"Mất ô"* của Tú Xương cũng có lối kết cấu tương tự:

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày dôn anh diện, ô tây anh cầm
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ỡm ờ không thưa...

Đến đây, bài thơ không có gì đặc sắc. Chỉ là lời tường thuật pha chút u -mặc nhẹ nhàng.

Thế nhưng, còn hai câu cuối nữa :

Chỉ e rày gió mai mưa
Lấy chi đi sớm về trưa với tình.

Bài thơ, nói như Nguyễn Tuân, tự nhiên "nổi gió" hẳn lên.

Không còn là văn xuôi trần trụi. Đã là thơ. Từ cái việc cỏn con là mất ô, Tú Xương mở ra bát ngát một tấm lòng khao khát tình yêu vô hạn.

Luân Hoán, trong "Hơi Thở Việt Nam", thường sử dụng lối kết cấu tăng tiến. Gần đây, trong nhiều bài thơ đăng báo, tôi có cảm tưởng ông nghiêng về lối cấu tứ gợi mở hơn. Ông đang học bài học của Kim Trọng: từ một gót giày in giữa rêu xanh, mở ra những tâm tình người man mác. Ông đang học lại bài học của Quách Tấn: từ một *"vỏ sò khô"*, làm thức dậy những tiếng *"sóng trùng dương"* vọng vang trên những *"muôn xa bờ bến cũ"*. Thơ ông, nhờ đó, có âm hưởng ngân vang hơn, sâu lắng hơn, nhói lòng hơn. Bài thơ *"Bạc tóc"* mới đăng trên Văn Học số Xuân Mậu Thìn là bài thơ cảm động. (Từ mấy cọng tóc bạc trên đầu, Luân Hoán mở ra một tấm lòng đang phôi pha theo ngày tháng lưu cư khắc khoải:

Không đâu em, chúng chính là đá trắng
Đang xây dần phần mộ của riêng ta
Hoa ngập nước lâu ngày đành phải rã
Hồn ngấm sầu lâu quá phải phôi pha.

Cách cấu tứ gợi mở thường được người ưa sử dụng. Nó bất ngờ. Có cảm giác đang ở trong một không gian chật, hẹp, khép kín, mọi cửa ngõ đều bằng bặt đóng im, rồi bỗng dưng, thật đột ngột, mọi cánh cửa sổ đều mở toang. Thấy lồng lộng bên ngoài một sắc trời xanh, xanh biếc.

Có điều, theo lối cấu tứ này, bài thơ khá dài. Dài, thời gian chuẩn bị tâm thế lâu dễ sinh ngột, nản. Mà nói thế, chứ ai lại mong làm thơ dài?

Cách cấu tứ thứ ba : tương phản.

Trong bài *"Đám tang Nguyễn Duy Diễn"*, Nguyên Sa viết:

Diễn đã chết, Diễn đã chết
Chúng tôi nhảy múa hò reo
Như những người da đen
Thế là nó thoát, thế là nó thoát !

Thế là nó thoát, đúng rồi, thế là nó thoát
Thoát khỏi ngủ, khỏi ăn, khỏi thở
Khỏi đêm, khỏi ngày, khỏi tháng, khỏi năm
Khỏi chờ, khỏi đợi
Khỏi hy vọng ban mai, buồn thiu buổi tối
Thế là nó thoát, thế là nó thoát
Khỏi phải đi, khỏi phải đứng, khỏi phải ngồi
Khỏi bốn mươi giờ dạy học mỗi tuần
Khỏi viết ban đêm, khỏi đến nhà in buổi sáng

. . .
Thế là nó thoát, thế là nó thoát
Cuồng lưu dần vặt đã trôi đi
Khỏi phải nghĩ, khỏi lo âu, sợ hãi
Sự thực có phải bao giờ cũng tối như đêm
Tình ái có phải suốt đời là anh bạc lận
Lịch sử, rút lại, có phải là thằng mù sờ soạng
Ném tất cả rồi, ném xuống biển sâu
Này hai vai nói nhẹ :
Chiếc lưới đã mở rồi
Thế là nó thoát, anh em ơi.

Thử so sánh với bài "Khóc Dương Khuê" của Nguyễn Khuyến. Chưa tới một thế kỷ mà cách nghĩ, cách viết khác nhau biết mấy. Bài thơ của Nguyên Sa nung nấu đầy những uất ức và cay đắng. Nghe tin bạn chết, Nguyên Sa không "bàng hoàng" như người xưa. Ông và những kẻ còn sống *"nhảy múa hò reo"*. Thật chăng? Hãy đọc lại mấy câu cuối. Hãy nghe lời *"hai vai nói nhẹ"* theo từng nhịp nấc. Cảm giác phẫn nộ đối với cuộc sống, đến đây thành một sự nghẹn ngào.

Bài thơ không có một câu một chữ nào tiếc thương người khuất nhưng cả tứ thơ lại toát lên niềm đau đớn vô tận.

Bài *"Phiêu bồng"* của Cao Tần cũng có lối cấu tứ tương phản khiến không ít người ngộ nhận:

Cho ta làm lại cuộc đời
Thì ta lại vẫn ra khơi như thường
Vật vờ vượt sóng trùng dương
Kiếm đời di tản nghìn cơn nhục nhằn
Mai này tính sổ trăm năm
May chăng lời được cái thân phiêu bồng.

Nhà thơ ca ngợi sự *"phiêu bồng"* và thích thú *"đời di tản"* chăng? Không. Ông kinh sợ nó. Hai chữ *"phiêu bồng"* nghe có vẻ lãng mạn thật. Nhưng đời người sẽ có ý nghĩa gì khi vì nó, phải chịu đựng *"nghìn cơn nhục nhằn"* để đến lúc nhắm mắt, nhìn lại, chỉ thấy toàn những dấu chân lênh đênh? Cần chú ý hai chữ *"may chăng"* ở câu cuối. Cái điều duy nhất có thể gọi được là *"lời"* của người lưu vong, coi bộ cũng phiêu hốt, mong manh lắm.

Cả hai bài thơ mới dẫn của Nguyên Sa và của Cao Tần đều cấu tứ theo lối tương phản. Cái tứ nằm ở mặt trái của chữ và của ý. Loại tứ này hiếm xuất hiện và còn để ngỏ nhiều khả năng thật lớn.

*
* *

Ở trên, tôi có trích lại hai nhận định quan trọng của Xuân Diệu: một, làm thơ, trước hết là tìm tứ; hai, trong việc làm thơ,

khó nhất là tìm tứ.

Đưa ra hai nhận định ấy, Xuân Diệu xuất phát từ góc độc sáng tác thơ.

Đứng ở phạm vi một bài thơ cụ thể, người ta cũng có thể nêu ra một số nhận định cơ bản khác:

Một, cốt lõi của bài thơ là cái tứ.

Hai, mỗi bài thơ chỉ có một tứ duy nhất. Ý, có thể trùng trùng. Hình tượng, có thể điệp điệp. Nhưng tứ phải là một. Chỉ có một. Hơn, bài thơ bị nát thành hai, ba phần rời rạc, lạ lẫm bên nhau.

Ba, yếu tố quan trọng nhất quyết định giá trị một bài thơ, quyết định sức sống của bài thơ chính là cái tứ.

Nói đến thơ văn đời Lý, đời Trần, không kể bài *"Thiên đô chiếu"* của Lý Công Uẩn, bài *"Nam quốc sơn hà, Nam đế cư"* của Lý Thường Kiệt, bài *"Tụng giá hoàn kinh sư"* của Trần Quang Khải, và bài *"Hịch tướng sĩ"* của Trần Hưng Đạo vốn được nhắc nhở nhiều vì lý do chính trị hơn vì lý do thuần túy văn học, nói chung, có mấy bài thơ hay được người ta dẫn và bình nhất: bài *"Thị đệ tử"* của Vạn Hạnh, bài *"Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác, bài "Ngôn hoài"* của Không Lộ thuộc đời Lý và bài *"Cảm Hoài"* của Đặng Dung ở cuối đời Trần.

Những bài thơ được nhắc nhở nhiều ấy hay hơn hẳn những bài thơ khác? Chưa chắc. Đứng về phương diện ngôn ngữ cũng như hình tượng, những bài thơ của Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Trần Nguyên Đán... có lẽ vững hơn nhiều. Vậy ra lịch sử nhầm lẫn hay bất công chăng? Cũng không phải. Sự thực đơn giản lắm; *người ta nhớ thơ trước hết là vì cái tứ.*

Bất cứ cái tứ nào diễn tả được tâm trạng phổ biến nhất của con người ở những cảnh huống họ hay gặp nhất, tứ thơ ấy sẽ sống mãi.

Nghĩ lại coi, câu thơ *"Anh đi đường anh, tôi đường tôi"* của Thế Lữ, hay câu *"Yêu là chết ở trong lòng một ít"* của Xuân Diệu, hay câu *"Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ"* của Vũ Hoàng Chương thời tiền chiến... là hay lắm sao? Thật ra, đó là những câu thơ cũng bình thường thôi. Nhưng, chắc chắn, bao lâu ở đời còn có những người chia ly nhau, những người bị lỡ làng trong tình yêu, những người bất đắc chí trong cuộc sống, bấy lâu những câu thơ trên còn vọng vang hoài: Ai dám chắc, trong đời mình, chưa bao giờ ngâm lên nho nhỏ mấy câu thơ ấy để làm nguôi khuây những niềm u uẩn?

Kết luận : tứ thơ cần phải độc đáo, cần phải cô sắc, nhưng trước hết, cần phải chân thực. Thời gian chỉ giữ gìn những tứ thơ chiếm lĩnh một không gian bao la và sâu sắc trong lòng mọi người.

7-2-1988

Nguyễn Hưng Quốc

Chú thích :
(1) Xuân Diệu, Công việc làm thơ, nhà xuất bản Văn Học, 1984, trang 117
(2) Ký dưới bút hiệu "Chàng Văn", tạp chí Văn Học 17-11-1961.
(3) Tạp chí Văn Học 2/1981.
(4) Văn nghệ Tết Giáp Tý.
(5) Trích lại từ (Việt nam thi nhân tiền chiến" tập 5, Nam Á tái bản, trang 123-126.
(6) Xuân Diệu, sđd, trang 26.

Đã Xuất Bản :

Đường Thi Tuyển Dịch III, ĐỖ PHỦ

của Chi-Điền Hoàng-Duy-Từ

— Đây không phải là loại sách tầm thường để đọc chơi, mà là mấy pho sách quý để học. Hoàng Quân không chỉ là một thi nhân có hạng mà còn là một học giả uyên thâm... đã dịch cả ngàn bài thơ để có mấy "siêu phẩm"... (Khánh Vũ).

— Lời sao dịch khéo như hoa: đọc thơ nay ngỡ đâu là thơ xưa!... (Nguyễn Xuân Vinh).

— Văn phong thi chất mười phân vẹn toàn (Cao Tiêu).

Sách gần 300 trang, giấy tốt, in đẹp, bìa đẹp, với nhiều danh họa. **Giá $12.00**. Ở xa mua bằng Money order **vẫn $12.00** không thêm cước phí. Mua **trọn bộ 5 quyển** hay là mua **4 quyển** trở lên chỉ trả **$10.00** mỗi quyển thay vì $12.00, không thêm cước phí.

1- **Đường Thi Tuyển Dịch I,** xb. 1984
2- **Đường Thi Tuyển Dịch II,** Lý Bạch, xb. 1985
3- **Đường Thi Tuyển Dịch III, Đỗ Phủ,** xb. 1988
4- **Thơ Chữ Hán Nguyễn Du**, Quyển I, xb. 1986
5- **Thơ Chữ Hán Nguyễn Du**, Quyển II, xb. 1987

NHÀ XUẤT BẢN: Mr. L. HOÀNG
10091 Kamuela Dr., Huntington Beach, CA 92646 - USA

Nguyễn Mạnh Trinh

Khi tưởng lại núi rừng

Khi tâm sự như bờ sông cát lở
nụ gai đâm trong trí tưởng nhói hoài
ngày tháng vội quẩn rêu rong sợi nhớ
những hình sông tượng núi chợt nhoà phai.

Ơi mù mịt những tấc đường cỏ dại
mảnh đạn bom còn vết giữa cây cành
đêm hoang phế lời tai ương vọng mãi
nên mắt sầu còn mải tiếc trời xanh.

Khi dòng máu như nước ngàn thác đổ
chân đi quanh đâu hương nhớ nẻo gần
dãy phố núi bụi đỏ lầm quán chợ
bùn quẩn theo đôi giày trận làm thân.

Ơi lau cỏ mọc góc tường lận đận
mòn dấu lăn ngả rạp bánh xe về
dốc thăm thẳm của hồn chàng biên trấn
bước như quên đèn thắp nẻo vào mê.

Khi ngủ đỗ ánh trăng tan bỡ ngỡ
cuộc tử sinh lì mặt vẫn lặng câm
và mũi súng cứ chực chờ lầm lỡ
viên đạn đồng ngôn ngữ của hờn căm.

Ơi nắng đỏ loang buồn trên tôn rỉ
doanh trại co chịu pháo những tháng ngày
chập chờn sống đỉnh ngại ngần tưởng nghĩ
nụ hồng nào chợt rã ở tầm tay

Khi tưởng lại buổi bình minh sương khói
chiều mưa đan ngồi hát nhạc buồn tênh
buốt hơi đá đêm hoả châu còn đợi
đi về đâu đời quạnh đã trăm miền.

Ơi sườn núi có cánh chim tìm rủ
cơn gió Lào viễn khách của hàng cây
sao xương máu cứ mượn vay chẳng đủ
nên hư vô vầng trăng núi tàn phai.

Khi tưởng lại núi rừng đang xa khuất
vẳng đáy hồn tiếng hát gọi buồn hơn
Rót ly rượu gửi về phương gió cát
lạnh thiên thu manh áo trận không còn.

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank
UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive
The University Library
PO Box 19557
Irvine, California, 92713

Ngu Yên

Tâm sự với bạn về thơ

Cầm bút lên rồi bỏ bút xuống
Thấy bút buồn
Buồn lại cầm lên
Bỏ chữ xuống
Chữ buồn không viết
Cầm chữ lên
Lòng lại buồn tênh.

Sự RAY RỨT nhất của một người làm thơ là tự cảm thấy mình không thể làm thơ được nữa. Trong lúc đang viết bài thơ thì chợt khám phá ra mình đang cố gắng. Dòng cảm xúc không trôi chảy một cách tự nhiên cho con thuyền thơ xuôi về nơi bao la với những rung động thú vị, tận hưởng niềm say sưa của tâm hồn. Người lái thuyền phải dừng lại, trèo xuống nhiều lần, vát cuốc đào đất, đổ mồ hôi để khai thông dòng sông. Dù kiên tâm gắng sức đến mấy, dòng nước chỉ là con lạch nhỏ. Làm sao thuyền có thể trôi ra biển khơi ?

Chuyện con chim ưng khi cất cánh bay vút lên trời, nó có thể nhào lộn, lượn vòng trên không trung. Nó có thể làm đẹp, làm hay bằng đôi cánh khi chụm, khi xòe, khi ngưng, khi đập. Nó có thể làm cho các loài chim khác thán phục nhưng tự trong thâm tâm nó biết rõ sức bay của nó. Chim ưng là loài vương điểu. Nó có thể vượt cao hơn tầng mây, lao mình vào không gian mênh mông sâu thẳm, cảm nhận sự tịch mịch, lạnh lẽo trong cô đơn để giao hòa cái đẹp, cái hay của vũ trụ. Cùng một lúc, nó có thể nhìn thấy những chi tiết nhỏ nhặt ở phía dưới, những con mồi ẩn núp loanh quanh, những hành vi thiện ác của con người, những núi, sông, rừng, cây, hoa, cỏ... khi tìm thấy mục đích, nó xếp mình lao xuống như một mũi tên, mang theo không khí trời cao trong buồng phổi và những

mây xanh trong đôi cánh. Khi con chim ưng tự biết mình không còn bay cao được nữa, nó sẽ tìm một nơi đậu xuống để suy gẫm về những lý do đã làm cho đôi cánh của nó trở nên bất lực.

Sự ƯU TƯ nhất của một người làm thơ là tự biết mình làm thơ không hay, khi đọc lại bài thơ đã sáng tác, chợt phát giác ra nhiều khuyết điểm: Hoặc bài thơ có ý nghèo nàn, lập lại việc cũ, điều xưa, ảnh hưởng những ý tưởng thích thú nào đó của kẻ khác. Hoặc bài thơ mang tâm sự kể lể xoàng xĩnh, nhợt nhạt như một câu ca dao bình dân. Hoặc bài thơ ốm yếu về kỹ thuật, ngôn ngữ mòn sáo, hình ảnh không tượng ra ý nghĩa, âm điệu không hòa nên nhạc thơ. Hoặc không khí chung của bài thơ không chia được bầu trời ở trong lòng. Hoặc hơi thơ hụt hẫng hay nồng độ diễn tả quá cường điệu. Hoặc bài thơ thiếu cá tính, đọc lên na ná như bài thơ nào đó đã quen. Bây giờ, người lái chợt nhìn ra thuyền đi không do sức mình chèo mà do nhiều người khác phụ giúp. Bây giờ người lái mới biết tay chèo quá ngắn, không múc sâu vào được lòng sông. Bây giờ người lái chợt hiểu, thuyền mình quá nặng, không thể lướt nhẹ trên mặt nước. Bây giờ người lái bỗng sinh lòng chán nản, muốn bỏ chèo để mặc thuyền trôi hoặc dừng lại neo thuyền ven bến.

Con chim ưng hiểu ra nguồn sinh lực đã khô cằn ?

Con chim ưng biết ra những lông cánh chưa đủ dài để bọc đầy sức gió ?

Con chim ưng chợt cảm thấy chuyện ngày xưa bay cao chỉ là ảo tưởng. Thật ra, nó chưa bao giờ lên vút được trời xanh ?

Con chim ưng hiểu được những con mồi đã bắt là những con thú tầm thường. Những con mồi lớn còn ẩn mình nơi hang sâu, vực thẳm ?

Con chim ưng biết được mình không dám trả cái giá quá đắt để bay cao. Không chịu nổi sự cô đơn, đau đớn khi vượt qua tầng khí quyển, một mình với trời rộng bao la?

Hôm nay, tôi có hứng làm thơ nhưng chẳng viết được gì ra hồn. Hôm nay, tôi muốn làm thơ nhưng đã xé hết một phần tập vở, vẫn chưa làm vài câu như ý. Gần đây, tôi thấy tôi gượng ép và bất lực với thơ. Bây giờ, tôi mới có thể chia sẻ một câu nói của người quen: "không có gì tức tối, buồn bã cho bằng, khi có dư thịt cá ê hề, đầy đủ thực liệu mà không nấu được một món ăn ngon".

Tôi đâm ra nghi ngờ, hay thơ thật sự chưa bao giờ đến với tôi? Những thứ mà tôi đã từng gọi là thơ, phải chăng chỉ là những hình bóng của thơ đã che mờ tâm hồn và hiểu biết của tôi? Phải chăng chỉ là một mớ ngôn ngữ để tôi vui chơi qua ngày? Phải chăng là cái cớ để tôi định giá cuộc đời, mặc cho sự sống một ý nghĩa, một tên

gọi hoang đường ?

Rồi tôi lại có cảm tưởng, hay thơ đã bỏ tôi mà đi. Nếu như thơ là kết quả của sự gặp gỡ giữa rung động của tâm tư và mặt trái - mặt phải của chân-thiện-mỹ đã hằng có muôn đời, thì tim tôi vẫn còn rung cảm nhưng một nửa kia đã đoạn tình với tôi.

Hỡi thơ yêu dấu ơi
Sao bỏ ta bơ vơ giữa đất trời ?
Trong thao thức thơ cứu lòng vô vọng
Vắng thơ rồi, chơi vơi,
ta như người hụt chân sợ rơi.

Sao bỏ ta ? Đừng bỏ ta, thơ ơi
Vì trống rỗng sẽ vô cùng lạnh lẽo,
sẽ vô cùng sợ hãi
Hoặc vì ta vụng dại
Thiếu gì trăng, mây, gió, cỏ,
hoa, sông, núi, bướm, chim...
Vẫn tâm hồn, vẫn con tim...
Sao ngôn ngữ càng ngày càng thô kệch
Sao cảm xúc tưởng chừng như sai lệch
Sao mỗi lần đang viết dở bài thơ
Là mỗi lần đụng mặt những nghi ngờ
Là dòng sông bỗng nhiên tắt nghẽn
Là con chim bị rơi vào bẫy rập
Là bông hoa chớm nở đã lìa cành
Là trái cây chợt rụng lúc còn xanh
Là rung động ngắn dần theo nhạt nhẽo...

Và rung động nhạt nhẽo kia, bây giờ đã tắt hẳn. Tôi có thể rán lấp liếm qua mặt bạn bè, chủ bút, người thưởng ngoạn, nhưng tôi không thể tự lừa gạt chính tôi. Xúc động trong tôi đưa hai tay chồm lên nhưng thơ không đưa tay xuống bắt nên rung cảm quờ quạng một lúc rồi thụt về. Cũng như một người nổi hứng hát lên vài câu, lòng đang sướng đê mê, bỗng quên bẵng phần sau của bài nhạc. Anh ta rán ê a thêm một đoạn rồi giật mình nhìn quanh bẽn lẽn, xem thử có ai khác nghe được những lời ngô nghê ấu xị kia không? Nếu tôi cố gắng, cũng có thể làm nốt bài thơ nhưng cố gắng làm gì khi tôi thừa biết, thơ phải tự nhiên xuôi theo dòng cảm xúc.

Dạo nầy, tôi làm thơ nếu không bỏ dở lưng chừng, viết xong cũng phải bỏ. Dù âm điệu có trầm bổng như thơ, dù ý tứ được tung hứng ngoạn mục, dù ngôn từ được đảo lượn, ý nhị, tôi vẫn ngỡ rằng, chưa phải là thơ. Tôi biết nó thiếu một cái gì nhưng không

làm sao xác định được.

Ai đã từng có kinh nghiệm, nhìn thấy một con chim ưng vừa vụt bay lên đã chập choạng rơi xuống, đi ì ạch như con vịt xiêm hoặc một con thuyền đang trôi chợt chậm lại rồi đứng im mặc dù người lái vẫn gồng lưng chèo chống, tất sẽ tự hỏi rằng, tại sao ?

*
* *

Trong đời sống không có gì sướng bằng có được bạn tâm giao để chia sẻ tâm tình, những người lớn tuổi nói như vậy.

Một người khách lịch sự thì không nên nói thật. Một người bạn tốt thì không nên nói dối. Các bạn tôi có đủ mọi tật xấu nhưng tất cả đều dễ thương, đều có thể tin cậy mỗi khi cần nghe những lời nói thật lòng. Bạn tôi có người trẻ, người già. Có người đọc nhiều sách nên am tường thế sự, có người thường dùng kinh nghiệm để suy diễn việc đời. Có người khi nói thích lý luận phân minh, có người nói lang bang chuyện nầy quàng sang chuyện khác nhưng ẩn tích nhiều ngụ ý, có người ít nói, chỉ can thiệp và kết luận.

VỀ SỰ CHÂN THẬT LIÊN HỆ VỚI THƠ, bạn tôi nói, một ông thầy tu chân chính nếu lỡ đường phải giả tướng cướp, cũng chỉ làm tạm thời. Một anh thợ máy nếu phải đổi nghề làm thợ mộc, khó có thể đóng những bàn ghế đẹp. Một người giả làm thơ tất không làm được lâu, tất khó làm những bài thơ hay. Tôi nghĩ rằng, sự việc nầy ít xẩy ra trong thi ca.

Việc thường xẩy ra hơn, không phải là giả làm thơ mà là làm thơ giả. Một ông đại úy thì mặc quân phục, mang huy hiệu và đeo bông mai. Một thiếu nữ thời trang thì mặc áo quần kiểu cọ và son phấn theo mùa. Một vị dân biểu đi ứng cử thì phải có chiêu bài và đọc diễn văn kêu gọi. Nhà thơ không phân biệt chức tước, không biểu diễn thời trang, không có một chỗ nào để ứng cử. Những thứ thuộc về y phục, huy hiệu, thời trang, chức vị... đều tạm bợ và ngắn hạn, sẽ qua đi.

Việc thường xẩy ra hơn nữa là lòng chân thật bị mù quáng. Bạn tôi nói, thơ không thể nào thật khi nguồn gốc là tấm lòng đã không nhìn ra sự thật. Một diễn viên trên sân khấu, mỗi đêm đóng một vai tuồng khác nhau. Nếu thiếu sáng suốt anh sẽ lầm lẫn đời anh với đời người khác. Một nhà thơ không thể mỗi thời là mỗi nhân vật khác biệt nhau. Thiếu chân thật thì sáng tác khó bền vì giả hoặc tưởng thật thì dễ làm, nhưng ngắn và cạn còn thật thì khó khăn nhưng lại sâu thẳm và lâu dài.

Giữa sự thật đi đến sự tưởng thật thì không cách nhau bao xa. Ngược lại, từ tưởng thật đi đến sự thật thì xa lắm. Bạn tôi kể, có ba người lượm được chữ THƠ. Một người lấy chữ T mang vào bên

hông như cây súng lục. Mang lâu ngày, ông đâm ra tin tưởng cái khí giới này có thể giúp ông phòng thân. Đến với đám đông hoặc ở một mình, lúc nào ông cũng sờ nắn, nâng niu chữ T ấy, tưởng chừng như nó có thể giúp ông chống trả với tất cả mọi hiểm họa trong đời sống. Người thứ hai lấy chữ H chống vào dưới nách như một cây nạng. Anh ta tin rằng, người thường chỉ có hai chân nên đứng kém vững, đi kém mau còn riêng anh có đến ba chân, dễ vững chãi và mau mắn đi đến thiên thu, bất tử. Người thứ ba lấy chữ Ơ đeo vào cổ. Cậu ta mạ vàng rồi đính hột xoàn xung quanh, tin rằng, trên đời không còn ai có thể có một món trang sức đẹp quí hơn vậy nữa. Cả ba, không một ai chiếm trọn chữ THƠ.

Năm trước, một người bạn thân đã nói với tôi:

— "Nầy, anh Ngu Yên, gần đây tôi trông anh đã quá ham mê danh hiệu thi sĩ rồi. Càng say sưa nhãn hiệu, anh càng khó sáng tác. Càng núp sau thi sĩ, thơ anh càng mờ nhạt..." Bây giờ, anh bạn tôi đã đi xa, sang tận Mã Lai, ở những hòn đảo nhỏ bé. Nếu anh có được đọc được những dòng chữ nầy, xin tiếp tục viết thư về nhắc nhở tôi, tiếp tục đánh thức tôi.

Hãy đánh thức tôi dậy như một đoạn trong thư anh đã viết, "... Trước kia tôi làm thơ rất thoải mái, rộng rãi, tùy ý thích nhưng từ ngày người ta đã xác định cho tôi là loại thi sĩ nào thì thơ có phần rụt rè, sáng tác có định hướng dự trù. Anh cũng vậy, từ lúc người ta cho tên Ngu Yên gắn liền với thơ cười cợt nhưng mếu máo, vờ vĩnh nhưng thông minh, thì thơ anh đã mất dần đi sức sống. Anh Ngu Yên à, chúng ta đều dại dột lo sợ sẽ mất đi cái giá trị vốn chẳng ra gì. Thi sĩ nào có giá trị gì đâu, chỉ có thơ mới có giá trị..." Cầu trời, nhờ chuyến đi xa mà anh sẽ quên được, anh là loại thi sĩ nào.

Về sự thật, tưởng thật và giả dối trong bài thơ, bạn tôi ví dụ, trên trời chỉ có một mặt trăng, còn dưới đất, trong khắp ao, hồ, sông, lạch, vũng đọng và đại dương đều in lại bóng trăng. Trăng thật và bóng trăng đều giống nhau nhưng trăng thật sẽ còn mãi mãi, bóng trăng sẽ tan biến khi mặt nước xao động hoặc khi đám mây mù che ngang. Dĩ nhiên, các loại đèn nguyệt lồng đều là thứ giả.

Giả và tưởng thật thường đi lại trên những con đường đã có sẵn tên, đã được nhiều người chờ đón để vỗ tay ca tụng. Thật thì đi đường nào cũng vậy, đi vào chỗ không đường cũng được. Thơ vốn là cõi mênh mông.

Về những gì phải thật trong thơ, bạn tôi nói, có gió thì dễ thả diều, có cảm xúc thật thì dễ làm thơ nhưng người muốn chơi thả diều trước hết phải có con diều thật. Muốn diều bay cao thăng bằng phải làm rất công phu. Phải lựa tre rồi vót mỏng cho vừa độ

cong và cân phân nặng nhẹ. Phải biết dùng giấy, dán hồ. Phải biết lựa dây cột nhỏ và chắc chắn. Nếu không dù gió có lớn, con diều bay lên sẽ chao đảo rồi rớt xuống. Cảm xúc không chưa đủ, bài thơ còn cần kinh nghiệm thật để làm chiều sâu. Cảm xúc mới chỉ là xăng nhớt đổ vào kinh nghiệm là động cơ để chiếc xe có thể lăn bánh trên đường. Nếu cảm xúc mạnh là hơi thở thổi vào ống sáo thì kinh nghiệm lớn là âm vang đưa tiếng sáo lên vút tận không trung.

Anh bạn thích lý luận, ví dụ một cách rõ ràng hơn, anh nói, cô đơn là kinh nghiệm ai cũng có. Không thiếu gì thơ diễn tả về cô đơn. Thậm chí có người còn dùng chữ cô đơn làm đầu đề hoặc lập đi lập lại trong bài nhưng nếu không phải là kinh nghiệm thật thì cô đơn chỉ ở trong ý, trong chữ, không ở trong không khí của bài thơ. Chính cái không khí và tinh thần nầy mới làm người đọc rung lên theo tâm trạng người viết.

Khi cô đơn đã dày vò tâm tình, khi cô đơn đã ám ảnh suốt ngày đêm, khi cô đơn đã làm con tim đau đớn thì lời thơ như ánh trăng thật có sức sáng huyền diệu của nó. Đó là linh động của kinh nghiệm. Đó là vì sao người ta thường nói, thơ là kết quả của mang nặng đẻ đau. Anh đọc một bài thơ của Mai thảo:

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy.

Anh nói, nếu cảm xúc thật dẫn đưa thi sĩ làm thơ thì kinh nghiệm thật sẽ làm cho lời thơ phản ảnh tâm tình và cuộc đời.

Dù là một bông hoa tầm thường nhưng khi đã mọc vào thơ bằng một kinh nghiệm thật, nó mang theo hương sắc của nhiều tháng năm mà nhà thơ đã vun trồng. Dù là một cánh chim chợt thoáng qua nhưng đã bay ra từ kinh nghiệm, nó mang theo một mảnh trời, nơi nhà thơ đã lớn khôn. Dù chỉ là một tiếng cười, tiếng khóc nhưng đã được diễn tả qua kinh nghiệm, nó chứa chấp những vui buồn mà nhà thơ mang theo trong ký ức. Khi một người đã vắt kinh nghiệm thành những giọt nước cốt vào mươi dòng chữ thơ thì những chữ nầy tất phải có không gian, thời gian rộng lớn hơn ngôn ngữ hằng ngày.

Bây giờ người bạn ít nói mới lên tiếng kết luận, — "Ngu Yên nầy, tôi nghĩ rằng, thơ vẫn thường đến với anh nhưng có lẽ tại cửa nhà anh đóng kín hoặc tại anh tiếp đãi thơ như người xa lạ. Thơ nó tinh lắm, nếu không thật với nó, nó sẽ bỏ đi ngay...

... Nếu anh làm xong một bài thơ mà thấy bài ấy kém giá trị thì

cứ hỏi thẳng bài thơ, thử cảm xúc của anh có thật không? nhất là kinh nghiệm về điều diễn tả trong thơ có thật không?"

VỀ SỰ SÁNG TẠO VÀ THƠ, bạn tôi nói, không một ai biết rõ nó là gì? nhưng khi sáng tạo đi ngang bài thơ tức thì những thú vị, kinh ngạc, bàng hoàng trỗi lên. Nó có đôi mắt của sự thông minh, một bộ óc vĩ đại, một trí nhớ đầy kiến thức và một kho tàng kinh nghiệm. Khi hạ thấp xuống, nó giống như là một sáng kiến, khi bay cao lên, nó giống như một phép lạ. Nó mang ánh sáng vào thế giới thơ, tức thì những ngôn ngữ ngủ quên hàng ngày thức dậy và ca hát.

Thiếu ánh sáng của nó, những nhà thơ đi qua đi lại trong bóng mờ, vô tình dẫm chân nhau mà không biết, vô ý cầm bút nhau mà không hay. Thiếu ánh sáng của nó, nhiều nhà thơ bỏ cuộc vì không muốn đi hoài trong bóng tối.

Bạn tôi kể, đời trước có người họ Vũ thường cùng các bạn trẻ trạc lứa trong làng dùng đất sét nắn thành tượng voi để chơi. Thấy voi bất động không có gì thú vị. Ông bắt bốn con cua gắn vào chân voi, bắt hai con đĩa trâu, một con gắn làm vòi, một con gắn làm đuôi, tức thì con voi đi ngang đi dọc, vòi đuôi biết ngo ngoe. Đời sau, có người thấy vậy chưa vừa ý, liền tìm hai con bươm bướm gắn làm tai, hai con đom đóm gắn làm mắt. Bấy giờ, con voi biết vẫy tai và đôi mắt biết chớp nháy. Đời sau nữa, có người đặt máy móc vào ruột voi, thế là con voi biết nhảy múa, lăn lộn, làm nhiều trò hơn cả con voi thật.

Từ sáng kiến đến phép lạ, bạn tôi viết trong thơ, "... Anh Ngu Yên thân mến,... Cảm ơn anh đã gửi tặng tôi tập thơ. Đọc xong, lòng tôi không có gì sung sướng, tuy nhiên cũng không thất vọng. Chỉ có một điều tôi muốn chia sẻ với anh , anh có bao giờ thấy sáng kiến và phép lạ trên những xác chết chưa? Ở những nhà đưa tang, người ta có sáng kiến khâu vá, sửa chữa, son phấn, phục sức một xác chết y như một người sống nằm ngủ. Còn phép lạ thì làm cho xác chết ấy hồi sinh, sống lại đi, đứng, ăn nói như chúng ta. Nếu như ngôn ngữ thơ là những xác chết thì thơ anh có nhiều sáng kiến thú vị hơn là sức sống hồi sinh. Tôi hy vọng sẽ bắt gặp những lời thơ sống động và bầu trời phục sinh trong một tập thơ khác của anh..."

Tôi thường gọi điện thoại nói chuyện với một người bạn ở quận Cam. Có lần tôi than vãn với anh rằng, dạo này tôi không viết lách gì được, không làm thơ nổi nữa. Tôi cảm thấy cái gì cũng nhàm chán, đề tài nào cũng bị khai thác dẫm chân, ý tưởng nào cũng nhai đi nhai lại. Anh bạn ấy êm ái hỏi tôi, — "Thế ngày nào Ngu Yên cũng ăn cơm, có thấy chán không? Không ăn cơm vài

ngày có thèm không? Có lẽ anh đang chán những món ăn dọn chung với cơm đấy...

... Cảm xúc và kinh nghiệm là cơm, ăn vừa no vừa khỏe, ăn hoài không chán đâu. Nếu anh biết đổi bữa những ý tứ và ngôn ngữ như đổi các món ăn thì bữa cơm nào cũng ăn ngon miệng... Đừng lầm nhé, các món ăn thêm phải hợp khẩu và thích thú, nếu không chính nó lại làm anh chán ngán bỏ mứa đấy..."

Anh bạn thích lý luận nói, người tị nạn nào cũng có cảm xúc và kinh nghiệm khi nhận được thư nhà từ Việt Nam. Nhà thơ Cao Tần cũng dùng chừng ấy cảm xúc và kinh nghiệm nhưng trộn vào những hình ảnh ý nhị, mới mẻ như "tên hề ốm nặng" mà vẫn phải ra sân khấu, ẩn núp sau "mặt nạ" cười cợt, dù "mắt lệ" ứa đầy, miệng vẫn phải hát những "lời vui".

Thế là :

Thư quê hương như tên hề ốm nặng
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười
Son phấn hân hoan phủ nghìn cay đắng
Mắt lệ đầy miệng hát những lời vui

Thế là khơi dậy được tâm sự chung, giữ được tinh thần xót xa nhưng thi vị và ngộ nghĩnh.

Về sự xuất hiện của sáng tạo trong thơ, anh bạn chỉ chiếc bình rượu mà nói, cả nước rượu bên trong và bình rượu bên ngoài sẽ tạo cho người uống một cảm nhận toàn diện về một loại rượu. Bình rượu cho đôi mắt một cái nhìn định giá. Nước rượu cho chiếc lưỡi thưởng thức hương vị nồng, cay, ngọt, đắng, chua, lạt... và người dâng rượu có thể dùng bình cũ chứa rượu mới, hoặc bình mới chứa rượu cũ hoặc bình và tượu đều mới, không khí chung của một bài thơ cũng vậy.

Thiên nhiên tạo ra bầu trời mùa đông lúc nào cũng xám xịt, âm u rồi bỗng lóe lên một hôm nắng ấm, trời xanh trong vắt, người ta sẽ vui vẻ đón nhận với lòng hân hoan. Còn giữa lúc mùa xuân tươi đẹp, bỗng đổ xuống một cơn mưa dầm, khiến tình người buồn nhũn, mang mang. Một đám tang thì tự nó đã có không khí buồn thảm, phân ưu, chợt một tiếng khóc của đứa trẻ mất mẹ òa lên sẽ làm cho mọi người ứa lệ ngậm ngùi. Khung cảnh của một khu rừng mùa thu tự nó đã làm cho người khách bàng hoàng nhưng khi ánh nắng tà rớt lên cây lá sẽ làm cho lòng khách thêm ngẩn ngơ. Sự sáng tạo xuất hiện trong một bài thơ cũng vậy. Nó làm cho không khí thêm đậm đà, cảm xúc thêm bát ngát, tâm tình thêm thích thú.

Những sáng tạo làm cho đám tang vui nhộn như đám cưới,

rừng thu thêm xấu xí, trời đông lầm lẫn với trời xuân... thì nó có một tên gọi khác: Sự lập dị.

Về khả năng sáng tạo do đâu mà có, bạn tôi kể, chuyện một người họa sĩ chuyên vẽ chân dung. Một hôm, anh ấy có ý định sẽ vẽ khuôn mặt của một thiếu nữ đẹp nhất trần gian. Anh thực hiện một chuyến đi vòng quanh thế giới để tìm một người mẫu đẹp như vậy. Tuy đã đi khắp nơi nhưng anh vẫn không tìm ra người nào vừa ý. Anh liền bỏ ra nhiều năm vào các thư viện, tìm kiếm tranh ảnh và những sách vở viết về một người đẹp. Cuối cùng anh đã vẽ được chân dung của đệ nhất giai nhân. Hồi tưởng lại, anh mới biết anh đã vô tình chọn đôi mắt của vị nữ hoàng Ai Cập, đôi môi của một cô thôn nữ Á Đông, chiếc mũi của một thiếu phụ mà anh đã gặp ở Ba Lê. Anh đã phối hợp với khuôn mặt và mái tóc của nữ thần Hạnh Phúc mà anh đã đọc trong những chuyện thần thoại. Quả nhiên, bức tranh ấy trở thành vô giá và được chưng vào Bảo tàng viện sau khi anh qua đời.

Chẳng một ai biết được sáng tạo trú ngụ ở nơi nào, nó từ ở trên trời xuống hoặc từ trong người ra. Chẳng một ai đoán được đường đi lối về của nó nhưng nó lại chiếm một phần lớn của tài năng vì vậy một người sáng tác muốn có tác phẩm hay phải đi tìm kiếm nó. Kẻ không tìm tất không thấy. Kẻ không mời gọi tất nó không đến thăm. Mặc dù sáng tạo đem ánh sáng đến thế giới bóng mờ nhưng nó không thể soi qua đôi mí mắt của một người đã nhắm kín.

Rồi người bạn ấy nói với tôi, — "... Anh không làm thơ được nữa sao? Anh tự thấy thơ anh dẫm chân vào một lối cụt, xoàng xĩnh, tầm thường? Chán nản không làm thơ trở lại với anh. Hãy tự mình đi tìm chất sáng tạo. Nó không ở xa lắm đâu nhưng nó sẽ không chịu gặp anh hoặc ở chung với anh nếu anh cứ mãi tuân theo những giáo điều. Nó không thích bị giam giữ trong những tấm lòng hẹp lượng..." Thơ phải như thế nầy mới đúng. Thơ phải như thế kia mới hay. Thơ không được như vậy. Thơ không thể có những thứ như thế..."Những câu nói ấy là những lính dữ đứng canh cửa những tâm hồn mà sáng tạo rất sợ phải bước vào".

VỀ NHỮNG BƯỚC CHÂN CỦA THƠ, bạn tôi nói, một người thích đi lang thang chơi để giải trí, khi nào đã thỏa mãn, đã tìm được niềm vui thì không còn muốn đi nữa. Một người khác có tâm sự nên đã ra đi để công bố, rao truyền, khi nào đã thực hiện xong thì muốn dừng chân nghỉ ngơi. Chỉ có người lên đường vì nhu cầu sống, xem việc ra đi cũng như phải ăn, phải uống, phải thở thì người ấy phải đi cho đến cuối đời.

Một người chỉ muốn dựng nhà tranh vách đất thì không cần

đào móng cho sâu, đắp nền cho vững, đúc bê tông cốt sắt xung quanh tường. Vậy thì, cơn gió mạnh thổi đến, căn nhà tranh sẽ ngã nghiêng. Chỉ cần một đóm lửa nhỏ, căn nhà sẽ bị thiêu rụi.

Một người chỉ muốn đóng bàn ghế sơ sài thì không cần phải lặn lội vào rừng sâu núi thẳm để tìm gỗ quí, không cần phải bỏ nhiều thời giờ để cưa, bào, đục, đẽo. Vậy thì gỗ gòn, gỗ thông càng dùng càng cũ kỹ, không tự động lên bóng, lên vân như gỗ lim, gỗ gụ, gỗ cẩm lai. Vậy thì, bàn ghế đóng lỏng lẻo dùng không được bao lâu, dễ sút, dễ hỏng, không truyền được đến đời sau.

Anh bạn ấy hỏi tôi, — "Anh có bao giờ tự hỏi mình, thơ đến với anh để giải trí, để cùng anh nói lên một lý tưởng hoặc để cùng anh chia sẻ sự đòi hỏi của nhu cầu sống? Nếu anh xem thơ là kẻ qua đường thì thơ sẽ xem anh là kẻ qua đường. Nếu anh xem thơ là bạn một thời thì thơ sẽ xem anh là bạn một thời. Nếu anh xem thơ là tri kỷ thì thơ sẽ xem anh là tri kỷ. Nếu anh xem thơ chính là anh thì thơ sẽ xem anh chính là thơ".

Lời nói của bạn tôi cần phải được bổ túc vì một người khởi đầu đi chơi vì giải trí hoặc ra đi có mục đích ngắn hạn nhưng dần dà anh ta thấy được cái đẹp muôn đời, cảm được cái đẹp đã xoa dịu những vết thương bị gai đâm chảy máu, đã lót đường cho anh vượt qua hầm hố, vực sâu, thì anh sẽ tiếp tục đi mãi hướng về phía chân trời đang lố dạng chiếc cầu vồng ngũ sắc.

Về những chuyện xẩy ra trên đường đi, lúc ấy, vừa có được năm ba bài thơ đăng trên báo, tôi liền viết thư hỏi một người quen có tên tuổi đã lâu. Quả nhiên, tôi nhận được hồi âm với vài dòng ngắn ngủi, — "... thơ Ngu Yên tuy có cá tính nhưng còn phải chú ý về cái đẹp..." Từ đó cho đến hôm nay, tôi mãi thao thức với cái đẹp. Nó ở đâu? Nó là gì trong thơ? Làm sao tìm thấy nó?

Tính đẹp trong thi ca, bạn tôi nói, nếu một tâm tình rung động mãnh liệt, một ý tưởng thâm thúy hướng dẫn ngôn ngữ trong một bài thơ tạo nên một không gian như cảnh bình minh rực rỡ trên núi rừng, cảnh trăng tà trên một dòng sông; tạo nên nhịp tim thoi thóp khi nhìn ánh mắt đắm đuối của người yêu, đôi môi nũng nịu trữ tình; tạo nên cảm giác kinh hồn của viên đạn xoáy vào da thịt, cảm ứng phẫn nộ của chiến sĩ cang trường cảm nhận đau khổ của người mất mát... thì tự ngay trong tinh thần của bài thơ, sẽ tỏa ra hương sắc của cái đẹp.

Nét đẹp của bài thơ, bạn tôi nói, một người tốt không phải là không có tính xấu nhưng vì những tính tốt thì lớn còn tật xấu thì nhỏ. Một bông hoa đẹp không phải vì cánh nó màu hồng, nhụy nó màu tím mà bởi vì toàn diện bông hoa tượng trưng cho nét thẩm mỹ. Một lời nói đúng không có nghĩa là không có chỗ sai nhưng vì nó đúng cho đa số trường hợp.

Một lần khác, một bậc lão thành viết cho tôi, "... Những bài thơ hay như những viên kẹo. Khi ngậm vào miệng, nó sẽ tan dần ra để hương thơm mùi vị thấm vào miệng lưỡi rồi lan dần ra cảm giác..." Vậy thì những viên đá dù quí, những viên bi dù đủ sắc màu, những viên ngọc dù mài dũa công phu, cũng không thể tan dần như viên kẹo. Từ đó, tôi tự nghĩ, thơ hay là thơ như thế nào ?

Thơ hay, một anh bạn cũng làm thơ, nói với tôi, — "Những người làm thơ cổ thì ví như những ca sĩ hát cải lương, hát dân ca. Tôi tự ví mình như người hát nhạc tiền chiến. Còn thơ anh thì như người hát nhạc giật, vừa hát vừa nhảy. Hát thế nào cũng được nhưng những bài hát không có âm điệu của quê hương, không có hồn nhạc của dân tộc thì tôi chỉ có thể cảm như nghe một bản nhạc ngoại quốc. Một đám lửa dù sáng khi đã rời nguồn lửa thì trước sau gì cũng tắt. Một bông hoa dù đẹp khi đã bẻ khỏi cành, sớm muộn gì cũng héo..."

Thơ hay, một người bạn văn, viết cho tôi, "...Khi thơ phải tựa vào những thứ khác để đứng thì mất những thứ đó, thơ sẽ ngã xuống. Khi thơ phải nhờ máy phát thanh để lớn tiếng vang xa thì khi máy hư, thơ sẽ yếu ớt và tắt nghẹt. Hay, không do người khác thẩm định mà do thời gian và giá trị của chính bài thơ..."

Đẹp, hay và bắt chước, bạn tôi nói, đẹp và hay không phân biệt những kẻ đi trên đường đã sẵn có hoặc tìm những lối đi chưa có. Dù những con đường đã mang tên Tản Đà, Xuân Diệu, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Tagore, Baudelaire, Eliot, A, B, C... Y, Z, cũng chỉ là những con đường chưa đến tận cùng, trừ phi đường giáp vòng như kinh tuyến hoặc vỹ tuyến. Mỗi người đi đều có không gian, thời gian, cá tính, suy nghĩ và tâm tình khác nhau, miễn người đi sau cố vượt người đi trước, người đi mới để người đi cũ lại ven đường rồi tiếp tục cuộc hành trình của riêng mình.

Con khỉ bắt chước con người mà không biết. Con người bắt chước Thượng Đế mà không biết. Chẳng có gì mới lạ trong vòm trời nầy đâu. Tuy nhiên, bắt chước có một khuyết điểm: biết mà không vượt. Con khỉ tưởng mình là con người. Con người tưởng mình là Thượng Đế. Tự mãn và thi ca giống như nước sẽ dập tắt lửa, kim khí sẽ đốn ngã cây cối, đất bồi sẽ chận nghẹt dòng sông.

Về việc dừng chân ở dọc đường, bạn tôi nói, nếu thiếu cạn đầm, một người lữ hành sẽ dừng lại trước một căn phòng êm ấm, trước một thiếu nữ tựa cửa chờ đón, trước một bữa cơm đầy cá thịt và rượu bia. Nếu thiếu sáng suốt, người lữ hành sẽ quên mình là ai khi lạc vào một thành phố đầy xa hoa cạm bẫy, khi được mời ngồi bệ vệ trên một ngai cao, khi được ban thưởng huân chương, thanh kiếm hoặc một cuốn sổ vàng. Những sự việc ấy xảy ra, bắt nguồn từ lúc lòng của kẻ lữ hành đã tắt dần ngọn lửa đam mê.

Đam mê và ý chí, bạn tôi nói, khi đam mê là con ngựa hoang phi nước đại, chạy lung tung thì ý chí là dây cương để người kỵ mã kềm chế con ngựa cho thuần thục, dẫn lái theo ý muốn, khi đam mê ù chậm như con trâu thì ý chí như cái cày và cây roi để thúc giục con trâu làm việc mỗi ngày.

Đam mê và sáng tác, khi tôi hỏi, người bạn ở quận Cam trả lời, — "Không phải vì thiếu thời giờ, không phải vì đời sống vất vả, một người có đủ mọi lý do để bào chữa khi anh ta không muốn viết nhưng lý do chính nhất là vì lửa trong lòng anh đã nguội..."

Đam mê như ngọn lửa, càng cháy lại càng sáng nhưng một người phải có đủ than, củi để châm vào khi ngọn lửa đã yếu. Hãy đốn củi gánh than trước khi ngọn lửa ấy tắt vì khi nó tắt rồi sẽ mất nhiều thời giờ và công sức để đốt lên lại.

"Lửa đam mê không tự nó cháy mãi; phải được gìn giữ và kích thích..." Anh bạn ít nói, vỗ về tôi như vậy. Quả thật, lời nói của các anh đã làm lửa trong tôi hình như ấm áp thêm.

*
* *

Tôi vừa nhận được lá thư hồi âm của người bạn ở Mã Lai gửi về. Trong thư, anh viết: "... Tôi đang ngồi trong một khách sạn nghèo ở Kuala Lumpur. Buổi trưa yên tĩnh chỉ nghe những tiếng rầm rì của các người theo đạo Hồi giáo đọc kinh, huyền bí và rợn người. Chợt tôi lấy làm tiếc rẻ vì thi ca không phải là tôn giáo để anh và tôi có thể cầu nguyện cho được an lòng trên đường dằn vặt hàng ngày.

Anh có than thở với tôi rằng anh đang gặp sự bế tắc không sáng tác trôi chảy như xưa nữa. Tôi chẳng có gì để khuyên anh. Tôi chỉ có một vài ý kiến muốn chia sẻ với anh. Tôi nghĩ đó là kinh nghiệm chung. Người cầm bút sáng tác nào cũng gặp những giai đoạn như vậy. Bế tắc có khi là một phản ứng tâm lý khi anh thấy những người khác sáng tác quá mạnh. Có khi là kết quả của mệt mỏi, chán nản khi anh cảm thấy văn chương không giúp ích gì cho đời sống thực tế. Có khi là sự tạm nghỉ ngơi, một khúc quanh để chuẩn bị cho những sáng tác có chiều hướng mới. Dù ở trường hợp nào, cũng đừng bỏ cuộc vì đường đi còn lắm nẻo thênh thang.

Tôi ở đây chờ nhận việc, cả ngày không biết làm gì nên đọc sách vớ vẩn. Đọc được một câu chuyện của Henrik Pontoppidan, khá hay, để tôi tóm tắt kể lại cho anh nghe, may ra có giúp được gì cho anh. "Một cậu bé đi chơi núi bắt được một con chim ưng con đem về nuôi dưỡng trong một nông trại. Chim ưng lớn dần lên, chung đụng với đàn gà đàn vịt. Thân thiện với chú cừu, bác dê, nhất là bà đầy tớ Dorothy. Bà nầy rất tốt bụng, mỗi ngày bà ấy mang thịt cá dư đi đổ rác, không quên vất cho nó một vài miếng

còn tươi. Thỉnh thoảng, khi đậu trên hàng rào, cậu chim ưng ngứa cánh cũng muốn tập bay nhưng lần nào cũng vậy, cậu vừa lao mình lên đã rớt đạch xuống đất. Những lần như thế, cậu rất xấu hổ, lủi vào một góc tối, đứng im cả hàng giờ.

Một ngày, cậu chim đã đủ lớn. Thay một bộ y phục màu nâu có điểm xám. Từ cổ lên đến tóc, cậu trùm một màu lông trắng toát. Mắt cậu bây giờ thường phát ra những tia nhìn sắc sảo long lanh. Hôm ấy, mùa xuân có cơn gió nam thổi về ấm áp, cậu chim thấy lòng hứng khởi nôn nao. Trong thân thể; máu như rạo rực, bừng thêm sức sống. Cậu nhón mình lên, như có một sức mạnh nhiệm mầu. Lạ thay, cậu đã đứng trên một nóc nhà cao. Sướng quá, cậu nhón thêm lần nữa, lúc bấy giờ, cậu thấy mình đang dang cánh lượn vòng trên nông trại. Cậu nhìn thấy đồng cỏ mênh mông xa tắp. Đẹp làm sao, dòng sông uốn khúc, con đường quanh co, núi đồi xanh ngắt và chao ôi, mặt trời, mặt trời.

Cậu chợt nghe một tiếng kêu thánh thót, êm ái vang lên từ không trung cao. Cậu nhìn lên, chết điếng sững sờ, một nàng chim ưng vẫy đôi cánh lẳng lơ, đảo lượn mời gọi. Trái tim cậu còn biết gì hơn là vút theo đôi cánh giai nhân ấy. Ngày nầy đêm nọ, cậu đuổi theo bóng dáng yêu kiều kia nhưng chẳng bao giờ có thể đến gần. Cậu vượt qua những thành phố tráng lệ, những thôn xóm tiêu điều, những núi cao ngất trời, những vực sâu không đáy, những sa mạc cháy nắng, những đại dương bao la. Cậu thấy rất nhiều. Cậu hiểu rất nhiều nhưng vẫn không thể nào bắt được nàng ưng kỳ hoặc kia.

Rồi bỗng nhiên, cậu cảm thấy đôi cánh mỏi rã rời, bụng đói cồn cào và hơi thở bắt đầu hổn hển. Cậu tìm một mỏm đá đậu xuống. Lạnh ơi là lạnh, cậu đang đứng giữa vùng bắc cực. Xung quanh chỉ toàn là băng tuyết. Đứng co ro đói lạnh trong đêm, cậu nhớ lại một chỗ ngủ ấm áp trong nông trại, bàn tay phải của bà Dorothy vung ra và những mảnh thịt cá thừa rơi ngay trước mặt. Cậu ứa nước miếng, trào nước mắt rồi gục đầu vào trong cánh để nghe lấy nhịp tim rưng rưng hối hận. Cả đêm dài, tiếng gió rít, tiếng tuyết gào, tiếng cây lá đập vào nhau, tất cả đồng vọng lên lời gọi "Trở về, trở về, trở về..."

Khi trời vừa hừng sáng, nàng ưng lại vần vũ trên cao, cất lên tiếng kêu quyến rũ nhưng lòng cậu đã quyết. Cậu cất mình lao vút lên không trung, nhắm về hướng quê nhà thẳng cánh, không một lời giã biệt. Chẳng bao lâu sau, cậu ưng đã nhìn thấy xa xa những đồng cỏ quen thuộc bao sát theo con đường quanh co dẫn về nông trại.

Rồi đã đến lúc cậu bay lượn vòng tròn trên những nóc nhà thân yêu. Cậu reo lên rối rít vui mừng khi thấy bà Dorothy bên

dưới. Cậu hớn hở tìm cách đậu xuống hàng rào hôm xưa. Người đàn ông đang làm việc trong nông trại nghe tiếng kêu nhìn lên, thấy một con ưng đang định sà xuống bắt cắp gà vịt. Ông chạy vội vào nhà, lấy cây súng săn, nạp đạn rồi tì tay vào khung cửa, nheo mắt nhắm. "Đoành", con chim ưng từ cao rơi xuống như một viên đá. Vài sợi lông nâu còn vương vãi xoay xoay bay trên không trung !

Vậy đó, anh Ngu Yên, mặc dù sẽ không có ai bắn chết anh khi anh bỏ cuộc đi tìm cái đẹp nhưng trái tim của anh sẽ như viên đá kia rơi tõm xuống hố sâu..."

Các bạn tốt của tôi, cảm ơn các anh đã chia sẻ với tôi. Những khi một mình ngồi trước giấy bút, tôi cũng như mọi người viết khác, cô đơn đuổi bắt những ý tưởng rời rạc và những xáo trộn trong tâm tình nhưng may mắn thay, tôi biết rằng, chỉ cần tôi đứng lên, bước ra, nhấc điện thoại là các anh sẽ nói với tôi, sẽ làm ấm áp thêm ngọn lửa trong tôi và tặng tôi những lời thân ái, những tâm tình thật thà. Xin các anh hãy nói nhiều hơn nữa vì bây giờ tôi có rất nhiều thời giờ để nghe. Xin các anh hãy nói nhiều hơn nữa cho trí nhớ của tôi đầy ắp những lời hay ý đẹp. Rồi có một hôm nào, khi tôi phải một mình ra đi, những lời nói của các anh sẽ cùng tôi ca hát cho quên bớt những đoạn đường xa. Những thân tình của các anh sẽ giúp miệng lưỡi tôi nhẹ nhàng trôi chảy thành những lời thơ chân thật. Cảm ơn các anh đã nói và xin tiếp tục hãy nói, hỡi, những người bạn tốt của tôi.

Tháng 2
NGU YÊN

Kính gửi quí độc giả dài hạn.

Trên nhãn địa chỉ dán ở bì thư gửi báo cho quí vị hàng số đầu có ghi số thứ tự trên danh sách độc giả dài hạn. Sau đó là số báo quí vị đặt mua. Ví dụ nếu ghi: 938-13-25 có nghĩa là số thứ tự của quí vị là 938, mua Văn Học từ số 13-25. Thông thường khi báo gần hết hạn, tòa soạn Văn Học có nhắc nhở từ 2 số trước bằng dấu ấn đóng trên bì thư, nhưng có một số quí vị không để ý. Kính nhắc nhở quí vị để kịp thời gửi tiền tái gia hạn.

Như Chi

Ôi những dòng sông...

Một dòng sông bao giọt nước xô nhau
Những giọt nước chẳng bao giờ vướng bận
Những âm thanh khởi từ yên lặng
Có gì đi khỏi ngọn nguồn.

Và mây bay và mây cứ bay
Sông cứ chảy những dòng mê tiếp nối
Mộng cứ diễn những ghét yêu oan nghiệt
Những tấn tuồng trên sân khấu hư vô.

Những hài nhi và những nấm mồ
Vòng lẩn quẩn xoay bánh xe lịch sử
Chiến tranh, hoà bình, dựng xây, đập đổ
Đã âm thầm hiện hữu trong nhau.

Anh có một mình chong mắt thấu đêm thâu
Thấy ánh sáng trong mịt mùng bóng tối
Thấy chân thật trong những điều gian dối
Thấy bình minh nở nụ giữa đao binh.

Thấy tình yêu trong suốt cuộc đời mình
Thấy gần gũi giữa muôn trùng ly cách
Thấy trọn vẹn những gì đã mất
Thiết tha còn, còn mãi giữa nguôi quên...
Tháng 4.88

Hoàng Xuân Sơn

Luân vũ

Tặng Bùi Vĩnh Phúc-Những cơn mưa trở về.

Em đứng làm chi trời nát dột
Mưa ở ngoài trời mưa rất lâu
Mưa lạnh vai người mưa trớt tóc
Tay nhỏ làm sao che ngang đầu
Chân nhỏ làm sao về thăm Mẹ
Thăm đồng lúa chín mùa hoa ngâu
Vàng son dấu bụi mờ năm tháng
Yếm trắng thơ ngây hồn qua cầu
Gió thổi mất em chiều chủ nhật
Chiều trời không nắng mà mưa mau
Gió thổi em đi hồn quấn chặt
Tùng phong trên vai áo đã nhầu
Anh khép ở hờ song ngực thất
Đời buồn đâu dễ nhốt đời nhau
Mưa chạy trên đường mưa chật đất
Anh đuổi theo mưa mấy đoạn tầu
Nghe trong đưa tiễn chùng sắt thép
Nghìn lời chưa nói đủ một câu
Gió thổi em vào khung cửa hẹp
Mưa còn luân vũ nội ngày sau.

Trần Thị Kim Lan

Gió đêm.

— Má ơi, má còn thức phải không ?

— Ừ. Ngủ đi con, mai còn đi học.

— Cho con qua phòng má nói chuyện chút nghe má? Đêm nay con không ngủ được má à.

— Thôi đi cậu, mới mười ba mười bốn tuổi bày đặt ngủ không được.

— Nghe má ?

— Ừ, qua đi.

— Má !

— Gì con ?

— Đêm nay gió quá !

— Ừ. Gió Boston. Ngày trước khi đến đây học, vào mùa đông, đêm má nằm nghe gió rít bên ngoài má sợ lắm.

— Nghe nó sao sao trong bụng mình má à.

— Má biết. Đó là cái cảm giác cô độc, thấy mình bị từ bỏ giữa muôn người, nghe mình nhỏ bé, bất lực trước thiên nhiên. Ngày rời Việt Nam trở qua đây, nhớ đến gió Boston má rùng mình.

— Đêm nay má sợ không ?

— Không.

— Sao má chì vậy ?

— Má tập.

— Tập sao má ?

— Đổi cách suy nghĩ. Má nghĩ gió ngoài kia không làm gì mình cả. Mình ở trong nhà ấm áp, vậy là tốt rồi. Sợ nhiều thứ quá khó sống con à. Gió làm con không ngủ được phải không? Con định nói gì với má?

— Dạ chuyện học. Con muốn học thiệt giỏi. Giỏi hơn hết tụi nó. Giỏi tất cả mọi môn, luôn cả thể thao, âm nhạc. Như vậy người ta mới respect mình.

— Có tài thì được nể. Cái đó đúng. Má thấy con chăm học là được rồi. Tại sao phải lo cho vượt trội hơn bạn bè. Mỗi người có một tài riêng con ạ.

— Má không biết. Tụi Mỹ nó kỳ lắm. Ở trường con thằng giỏi bắt thằng dở hầu hạ. Có một thằng thiệt giỏi bắt thằng Mark bạn con ôm sách cho nó từ lớp này qua lớp khác. Nó hất mặt bảo con cầm áo của nó, con ngó lơ bỏ đi, nó xúi tụi kia không chơi với con. Lúc chia nhóm học chung, con nín thở chờ, nhưng con biết không nhóm nào nhận con vô cả. Tụi nó không có... không có trái tim má à.

— Ấy chết, con đừng nói vậy. Con người ai cũng có tình cả con ạ. Trẻ con chưa biết nhiều, đôi lúc ác. Con không nhớ hai anh em Jimmy để dành tiền cả năm để trả chi phí cho con đi chơi Disney World sao?

— Má không biết đâu má. Thằng Jimmy nó hiểu con, còn tụi này phải thằng nó mới phục, phải chửi thề thật bạo nó mới cho mình nhập bọn, nếu không mình đi đến đâu là chúng nó lảng lảng bỏ đi. Phần thì con không biết nói những chuyện tụi nó thích nghe như chuyện thể thao, ai đấu với ai, ai thua ai thắng, tại sao thắng. Còn chuyện sex thì tụi nó chê con baby. Nếu con ở Việt Nam thì con chưa cần biết mấy chuyện đó.

— Đến một chỗ lạ, thời gian đầu, có khi phải chịu khổ như vậy con à. Dần dần mình mới biết cách đối phó. Để má vào trường con nói chuyện với Bà Hiệu Trưởng về vụ chia nhóm.

— Thôi đừng, má. Tụi nó trả thù.

— Con an tâm. Để má lo. Con buồn lắm phải không?

— Không phải chỉ chuyện đó. Con nghĩ nhiều chuyện khác. Con kỳ lắm, má không hiểu nổi đâu.

— Con thử nói xem má hiểu không? Má hứa sẽ rán hiểu.

— Con nghĩ tại sao con ở đây? Con là Mỹ hay là Việt? Ở trường thầy bảo phải tough, không để ai hiếp đáp. Về nhà má dạy phải nhường nhịn. Nhiều lúc chỉ cần chửi thề lại với tụi nó là xong. Má dặn không được chửi thề. Con nhịn, về nhà đấm tay vào tường cho đỡ tức. Cả nước Mỹ đều chửi thề. Thầy con chửi thề. Sinhviên MIT chửi thề. Sao má cấm con? Con đâu có ham chửi. Nhưng mình làm thinh những lúc như thế không giống ai hết.

— Con không thích thì làm giống người ta làm gì? Chửi nghe kỳ quá con à. Có nhiều người không cần phải chửi thề đâu có sao đâu?

— Má không biết. Khó nói quá.

— Ừ thì má không biết. Nhưng má cho con biết ý má. Trước giờ con cũng tin má nhiều điều. Con suy nghĩ ý con đi, rồi tùy lúc mà đối phó. Con còn lo gì nữa?

— Con nghĩ tại sao có con người? Học cho nhiều rồi chết, uổng công quá! Sống rồi chết, chẳng ra làm sao cả. It... It doesn't make sense, you know. Xin lỗi má, má không cho nói tiếng Anh mà nó cứ

vọt ra hoài. Con nói với má con kỳ lắm. Không biết con có sao không má?

— Con không sao cả. Có lẽ do hoàn cảnh riêng của mẹ con mình mà con ít vô tư hơn những đứa trẻ khác. Nhưng có thể mỗi đêm cũng có nhiều đứa trẻ, nhiều người lớn đều tự hỏi những câu như con hỏi: Ta là ai? Tại sao có sự sống, sự chết?

— Really ? Vậy là con không sao hả má? Thế mà con cứ tưởng một mình con nghĩ ra điều đó!

— Hồi còn nhỏ, trong đầu má lúc nào cũng có những câu hỏi tương tự. Má lại không có ai để nói, và cũng không dám nói với người lớn như con đang nói chuyện tự do với má như thế này, nên má cứ băn khoăn mãi. Cho đến khi, có một lần má đi một mình từ Pháp sang Ý bằng xe lửa. Xe lăn trên đường sắt rì rầm trong đêm. Má nhìn ra bên ngoài, trời tối om, khó khăn lắm mới thấy những ngôi nhà xa xa mờ ảo. Má chỉ mường tượng hai bên đường là những cánh đồng hoang, vì trong không khí thoang thoảng có mùi đất khô và cỏ úa. Má nhìn chung quanh, hành khách gật gù say ngủ. Nhìn thật kỹ những khuôn mặt hoàn toàn xa lạ. Xe lắc mạnh, một người giật mình, sửa bộ ngồi ngay ngắn. Má thèm gợi chuyện, hỏi ông ấy vài câu. Hỏi bằng hai thứ tiếng, ông ta đều lắc đầu. Má không biết tiếng nào khác hơn, đành ngồi im. Ông ta nhắm mắt lại ngủ tiếp. Má còn một mình, lại nhìn ra ngoài. Trời tối đen không một ánh sao. Bên trong dưới ánh đèn mờ, những con người kia không biết má là ai. Trong một thoáng giây, má bỗng chợt thấy một chữ "không" to lớn hiện ra trong tâm trí, rồi chữ "nothingness", rồi chữ "néant". Giá mà má biết nhiều thứ tiếng thì sẽ còn nhiều chữ đồng nghĩa tiếp tục xuất hiện. Lúc đó má chợt hiểu: Ta không là ai cả khi không còn một liên hệ với người khác. Ta không là gì cả khi không một ai biết đến ta. Từ đó má không còn thắc mắc. Má chỉ cố hết sức trong khả năng mình gìn giữ tình liên hệ với bất cứ ai quen biết, trừ khi vì lý do nào đó má bị phủ nhận.

— "Phủ nhận" tiếng Anh là gì má ?

— Ở đây má muốn dùng cả hai chữ "refuse" hay "reject".

— Má nói tiếng Việt hay quá !

— Không đâu con. Má nói thường lắm. Nếu con nghe hay là vì tiếng Việt mình hay, má không biết nói sao cho dở được. Con khen mà có hiểu gì không?

Dạ hiểu chút chút. Má nói nếu không ai biết mình thì mình buồn không có ai nói chuyện. Má thường dặn con phải hiểu bạn và giúp bạn hiểu mình, đừng để mất bạn.

— Con hiểu cũng khá khá. Má muốn khi nào con tự hỏi câu "Ta là ai?" thì con trả lời con là con của má, là học trò của thầy con, là bạn của bạn con, là người hàng xóm của hai ông bà bên cạnh... Tạm bằng lòng như vậy cho đến khi con lớn lên con tìm được một câu trả lời nào

thỏa đáng hơn. Con chịu không? Má chỉ biết có chừng đó.

— Dạ chịu. Nhưng mà như vậy cũng còn buồn. Má không biết chứ đêm lễ Độc Lập ở đây người ta đốt pháo con nghe khổ khổ trong bụng, suốt đêm không ngủ. Con nhớ Việt Nam quá. Con muốn làm người Việt. Ở đây mãi thành Mỹ mất!

— Con muốn làm người Việt Nam thuần Việt Nam như ông bà mình thì phải về Việt Nam sống. Điều đó chưa thực hiện được. Má đã giải thích với con nhiều lần rồi. Con muốn làm người Việt Nam để làm rạng rỡ dân tộc Việt Nam. Chuyện đó ở đâu làm cũng được. Con muốn làm người Việt Nam để phục vụ dân tộc con? Người Việt mình bây giờ đang ở nhiều nơi trên thế giới. Con có cả cuộc đời để phục vụ nếu con muốn. Con không bao giờ thành Mỹ cả. Con là người Việt chịu ảnh hưởng hai nền văn hoá. Má và bạn bè của má sẽ giúp con hiểu về văn hoá của xứ con. Cái chính là con phải biết lựa chọn cái hay của hai nước để học hỏi.

— Con hiểu rồi. Má nói cái đó hoài. Má nói như giảng bài trong lớp. Con chỉ muốn nói là con thấy thiếu thốn cái gì mà không nói được. Những lúc má đi vắng, nhà im lặng quá. Chung quanh người ta đóng cửa không thấy ai cả. Con nhớ chỗ mình ở hồi đó ở đường Yên Đỗ lâu lâu nghe hàng xóm cãi lộn rồi làm lành với nhau cũng vui vui. Với lại người lớn ở Việt Nam thương con nít lắm. Ở đây họ khác. Má dẫn con đến nhà ai người ta cũng chỉ nói: "Hi, con. Sao mập vậy? Sao ốm vậy?" rồi thôi. Họ lo nói chuyện mua bán nhà, mua đồ sale quần áo, máy móc. Chẳng ai thèm để ý nói chuyện với con nít cả. Còn thêm cái nạn mấy đứa Việt Nam ở đây trước, thấy mình chưa biết gì khinh khinh, chơi sao được mà má biểu chơi? Con muốn về Việt Nam vui hơn.

— Má biết con buồn lắm. Ở Việt Nam con là điểm sáng của gia đình. Con là một đứa bé có tình, dễ thương, hiền hậu. Con đến nhà ai họ hàng tụ lại đón mừng vồn vã, hỏi thăm, trêu đùa. Con có đầy đủ tình thương trong gia đình, ngoài hàng xóm. Rồi bỗng dưng không còn gì cả. Ở đây con chỉ có một mình má. Má không thay thế được hết tất cả mọi người. Những người bạn của má phần thì không phải ruột thịt, phần thì quá ít gặp con, nên không có những lưu tâm như con mong muốn. Con cũng không nên thắc mắc về những người bạn nhỏ. Những gì con đã trải qua các bạn đó không được biết. Gặp con họ cũng lúng túng khổ sở như con vậy. Con ở lâu sẽ hiểu bạn con hơn. Má thương con, thấy con thui thủi một mình mà xót xa. Nhưng mà con à, dù sao con cũng còn có má. Học trò của má nhiều đứa không có được một người thân. Mỗi lớp đều có vài ba đứa không nhìn thấy má là cô giáo, chỉ thấy má là "người mẹ", gọi má là "mother" trong giờ học. Chúng nó than với má đủ chứng sổ mũi, nhức răng, chiêm bao, ác mộng. Có đứa đã bỏ học đi "bụi đời" mà tình cờ gặp lại má vẫn gọi

bằng "má" một cách chân thành, trách má không đem về trông nom mới thành hư hỏng. Trong hoàn cảnh này phải bằng lòng với cái gì mình đang có. Con không nên quá tủi thân.

— Tội nghiệp mấy bạn đó quá má há. Hôm đến ngủ với con, anh Hùng nói: "Em chịu khó chỉ anh học đi, mai mốt anh giỏi, anh vô trường giúp lại mấy thằng dở." Ảnh người lai mà giống Mỹ quá, mấy thằng bạn con tưởng ảnh Mỹ thiệt nói tiếng Mỹ lia lịa, làm ảnh ú ớ thấy thương lắm.Con phải cứu ảnh.

— Mười sáu tuổi mới bắt đầu đến trường lần thứ nhất đó con. Lúc này cậu ta viết được cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.

— Ảnh chịu khó lắm. Con thấy một chữ mà ảnh viết đi viết lại mấy trang giấy. Má à, con thấy học cực quá rồi cũng chẳng ra gì cả.

— Con nói vậy nghĩa là sao ?

— Mỗi ngày trên đường đi học về, con thấy nhiều người đàn ông mặc đồ lớn, thắt cà-vạt, xách cặp da, đứng, ngồi trong xe buýt, trông họ nản lắm. Con thấy đàn bà áo quần thật đẹp mà phấn son trôi hết, mắt lim dim mệt mỏi. Không thấy ai vui, ai cũng có vẻ lo lắng rán chịu, chen chúc trong xe. Rồi con lớn lên, học đại học xong, đi làm như họ, cũng mệt mỏi chán chường như họ, con không muốn! Đến nước Mỹ để cuộc đời chỉ có vậy thôi sao?

— Con còn nhỏ con chưa biết. "Chỉ có vậy thôi" mà biết bao nhiêu người ở xứ này không làm nổi. Con đã nhiều lần chỉ cho má những kẻ không nhà nằm la liệt trong công viên, trên đường phố, đến bữa ăn xếp từng hàng dài đi lãnh phần ăn miễn phí, con nhớ không?

— Dạ nhớ. Họ ngồi quanh thư viện Copley đông lắm má. Ngày nào con cũng gặp. Họ xin tiền con hoài. Có nhiều người còn trẻ quá mà sao vậy hả má?

— Vì hoàn cảnh thế nào đó mình không thể biết được. Nhưng có thể cũng có những người nghĩ như con; cuộc đời "chỉ có vậy" thôi thì cố gắng làm gì?

— You got me, Mom.

— Không, má không có ý muốn "thắng" con. Mà chỉ muốn cho con thấy hai con đường lựa chọn đó. Thật ra còn nhiều con đường nữa. Má không biết hết. Má chỉ nói với con điều má biết. Con có thể bỏ học ngày mai rồi đi làm cũng được. Con đi làm thuê lặt vặt. Con học hỏi ngay trong cuộc đời. Người Việt mình gọi là trường đời. Nhưng cái trường đời của nước Mỹ này nó dẫy đầy những chông gai cạm bẫy, thằng con cưng của má mà lọt vô đó thì má hồi hộp từng giây!

— Boom ! lọt vô cái rầm. You're dead ! Hì ! Hì !

— Chết. Coi như chết trước mắt. No guarantee.

— Thôi để con đi học bảo đảm hơn nghe má.

— Con thấy học có thú không ?

— Sure. Biết nhiều cái đã lắm.

— Chọn một việc làm thích hợp với mình cũng "đã" lắm. Con phải có kiến thức căn bản để chọn ngành nghề. Chọn đúng rồi con cứ thế mà vui.

— Dạ con muốn làm cái gì vui vui. Đời má thấy buồn quá. Cứ làm hoài. Má có biết má là workaholic không? Má ghiền làm việc như người ta ghiền rượu. Má phải enjoy life chứ. "Enjoy" tiếng Việt là gì má?

— Là "vui hưởng". Má không được giáo dục phải vui hưởng cuộc đời con ạ. Có lẽ vì thế mà thành thói quen. Vả lại con muốn có một người mẹ bận rộn say sưa với công việc hay một người mẹ buồn rầu than vãn về những khó khăn trong đời sống.

— Con biết rồi. Nhưng má không còn nói chuyện với con như hồi ở Việt Nam nữa. Nhiều khi con không biết má còn thương con không. Má còn thương con không má?

— "Vẫn như xưa không hề phai nhạt!" Sao con hỏi kỳ vậy? Ở đây có nhiều chuyện để lo quá con à.

— Có khi má giống người ở đâu đâu. Con phải gọi hồn má về: "Earth calling Trang! Earth calling Trang! 4, 3, 2, 1" má sợ trái đất nổ cái đùng mới chịu tỉnh lại cười với con.

— Thôi khuya rồi, đi ngủ đi con.

— Con đói bụng. Hồi chiều con còn ớn bữa ăn trưa không muốn ăn cơm.

— Bữa nay trường cho con ăn gì ?

— Shit on the bread !

— Món gì ghê vậy ?

— Món thịt bầm giống như cái người ta tiêu chảy chế lên bánh mì.

— Chắc là món Sloppy Joe. Thức ăn đừng nói vậy không nên con.

— Con đâu có nói. Thầy con nói.Thầy con nói hồi ở trong quân đội thầy con nghe lính nói. Phải công nhận đồ ăn Mỹ dở thiệt! Nước Mỹ coi vậy mà không có cái gì để ăn cho ngon. Con nhớ phở Pasteur, bún ốc chợ Tân Định, nem nướng chợ Phú Nhuận. Bây giờ có sẵn cuốn cuốn chấm tương, yummy! yummy!. Đã má há! Con thèm quá. Má à, chắc không có ai thèm hamburger như mình thèm nem nướng đâu má há?

— Có, con à. Bạn má là Dì Teresa của con mỗi lần ở Ý về Mỹ là tìm đến McDonald ngay. Có lần Teresa xúc động nói với má: "Trang à, mình hiểu Trang lắm. Món ăn của Ý dù sao cũng không khác món Mỹ cho lắm, thế mà có lúc mình thèm một cái hamburger trong không khí tiệm ăn McDonald hay Burger King.

Thèm lắm, thèm ứa nước mắt, thèm đến run người. Cùng một món ăn đó mà không có ở đâu giống ở xứ mình phải không Trang?" Con thấy không, món ăn mà con chê, con cười, chính là một phần hương vị quê hương của người Mỹ.

— Mom Laura của con cũng kể cho con nghe một chuyện như vậy mà con quên. Mom nói ở Ấn Độ rất nghèo. Mom biết là số tiền mua một cái Hamburger và một ly cà phê ở nhà hàng bên đó có thể nuôi sống cả gia đình mà Mom quen biết một vài ngày. Thế mà đôi lúc Mom vẫn cứ ra phố để mua cho được.

— Đó, con thấy chưa? Con không nên chê bai, khe khắc, cay nghiệt với những gì của người khác không giống của mình, nhất là con chưa có dịp thưởng thức những món ngon nấu nướng rất công phu của nhiều gia đình Mỹ.

— Dạ có, con có ăn turkey dinner ở nhà Auntie Kathy. Con thích lắm.

— Con với má xuống bếp ăn cereal đỡ đi. Mai má dậy sớm nấu phở con ăn rồi đi học.

— Cereal này giống như cỏ khô ngâm trong sữa, Kệ, ăn đại, chết bỏ. Sao má mua loại này chi vậy?

— Mình còn nhà quê, phải thử cho biết để lựa chọn con à.

— Sao bữa nay, má cho con thức khuya vậy.?

— Con ngủ không được má ép cũng vô ích. Với lại lúc này hai mẹ con đều bận không có dịp nói chuyện với nhau. Con nghĩ gì phải nói cho má biết để má giúp con. Đừng lo liệu một mình nhiều khi...

— Get stuck.

— Ừ. Má muốn dùng chữ "bế tắc" mà sợ chữ đó lạ đối với con, chưa kịp nghĩ ra chữ nào đơn giản hơn thì con đã biết.

— Thông minh mà !

— Thôi được rồi cậu. Ăn nhanh, đánh răng, đi ngủ liền bây giờ

— Má đưa con đi ngủ.

— Không. Con đưa má. Con lớn rồi. Bế tiếng ồ ồ, râu mọc li ti còn đòi má đưa đi ngủ.

— Con đâu biết. Lúc má nói lớn rồi, con phải làm cái này, phải làm cái nọ. Lúc má nói còn nhỏ lắm chưa được làm điều này, chưa được làm điều kia. Ha! I got you!

— Tại con đang ở cái tuổi vừa là người lớn vừa là con nít. Buồn đó rồi vui đó. Mới vừa thắc mắc về cuộc đời xong lại than đói bụng.

— Thôi má ngủ ngon nhé. Để con ém mền vô giường cho má khỏi té như con. Nhớ đừng thức dậy giữa đêm rồi làm thơ "Tôi ngồi trong bóng đêm. Ôm trái tim mềm mại" nữa nghe!

— Việt, đi ngủ !

— Má !

— Gì nữa ?

— Con thương má lắm !

— Cám ơn con. Đi ngủ đi !

— Việt, má sắp sửa hét con rồi đó !

— Eh, calm down, man. Đừng nóng chứ. Má nghe bên ngoài kìa!

— Gì ?

— Không còn gió nữa.

— Ừ. Tự nó nổi lên rồi tự nó yên. Thiên nhiên mà. Làm gì được nó. Má bây giờ nghe gió chỉ để dạy học trò tả cảnh thôi con ạ.

— Má tough quá !

— Không đâu con. Tuổi già. Xúc cảm cũng đổi theo.

— Má ! Con cấm má nói "tuổi già". Má qua đây bắt chước Mỹ sợ già. Con không thấy má già. Má không bao giờ già. Má không bao giờ chết.

— Con cãi má riết má chết. Đi ngủ đi !

— Má, một câu nữa thôi, OK ?

— Ừ.

— Cám ơn má nói chuyện với con. Cho con hôn má một cái. Cần gì nhớ gọi con, nhất là đừng sợ gió. Con biết má còn sợ chút xíu phải không? Đêm nào có gió to là con thấy phòng má đèn sáng rất khuya!

— . . .

*
* *

*T*rong bóng tối người mẹ nằm yên nghe ngóng: không có tiếng gió, chỉ có tiếng thở đều trong giấc ngủ say Bà thở ra nhè nhẹ cảm nghe một chút an lòng. Bà đã không đáp lời con vì những cơn gió dữ về đêm vẫn còn gợi lên trong lòng Bà niềm xót thương thân phận. Nhưng điều đó đã trở thành thứ yếu. Nỗi băn khoăn to lớn của Bà bây giờ là tiếng lăn trở thao thức, tiếng rên khe khẽ thoát ra từ trái tim non nớt cô đơn của đứa con đang muốn tìm thấy nó giữa muôn người dị chủng.

TRẦN THỊ KIM LAN

Nguyễn Việt Thường

Mẹ, dòng cổ tích sầu

Ngày xưa khi còn bé
Em ưa ngẩng nhìn mẹ
chải tóc bên gương.
Không gian dường đượm mùi hương
Tóc mẹ dài chấm gót chân dịu dàng.
Tóc đen như đêm mênh mang
Và thơm như nước mưa đan giữa trời.
Và em thiếp ngủ trong lời
Mẹ ru câu chuyện ngậm ngùi Tấm xưa...
Tóc Mẹ êm như tiếng mưa
Trải dày trên mặt gối
Trong lời Mẹ, những nàng tiên vô tội
Như ngấn sữa thơm dòng cổ tích đêm sâu.

Em lớn lên trong hơi thở cau trầu
Tóc em cũng dài và đen như đêm không gió
Tóc em thơm mùi nôi cỏ
Cổ tích từ đây thơm lỡng lộng hoa ngâu.

Mẹ già đi, tóc vẫn dài nhưng bạc
Tóc Mẹ bây giờ như ánh trăng
Mẹ búi sau lưng
Thương nhớ hoài vóc hạc
Một đời hiền vật vã với gian truân.

Mẹ để lại cho em dòng tóc mượt
Như mớ tóc nàng Dương Ngọc xưa xa
Chuyện cổ tích cứ chập chờn trên đôi môi em ướt
Khi nửa đêm gọi với trăng xa.

Gởi thương về Mẹ, xưa, dòng cổ tích
Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Lục Vân Tiên.
Khóc đậm đà mối sầu Chim Việt
Bào bọt thương sợi tóc vương trên gối Mẹ hiền.

Đỗ Kh.

Chẳng cần lan can ở Vérone.

Lời toà soạn : *Truyện ngắn* Gaston (Ahmad) Nhi *Văn Học giới thiệu trên số trước đã được rất nhiều bạn đọc chú ý. Nhiều bạn hỏi: Đỗ Kh. là ai? Một cây bút tiếng tăm nổi hứng muốn thử bắt đầu lại từ đầu, lấy một bút hiệu mới để rà lại uy tín và khả năng? Một người từng trải tóc hoa râm thuộc loại phiêu lưu quốc tế "hồi hưu" bằng cách ngồi xuống, thay vì sống thì viết về sự sống? Xin thưa chung: không phải! Đỗ Kh. là một cây bút trẻ tuổi vừa ngoài 30, và lịch sử đã buộc anh làm người lưu vong, lang thang khắp góc biển chân trời. Truyện của anh nhờ vậy mở ra một bầu trời bao la, mang một không khí đặc biệt mà chắc chắn lớp cầm bút trẻ trưởng thành ở hải ngoại như Đỗ Kh. sẽ mang tới cho văn học hải ngoại, làm giàu cho văn chương Việt Nam.*

Văn Học hân hạnh giới thiệu thêm truyện ngắn Chẳng cần lan can ở Vérone *của Đỗ Kh. trên số này.*

*
* *

Buổi chiều ở Bhamdoun cũng như buổi chiều ở nơi khác. Vậy mà, lúc nãy, vào một khúc quanh trên núi, hắn đã chạy chậm lại:

— Ê, mày nhìn coi...

Hắn đảo mắt gặp trên sườn dốc chiếc Daimler Limousine màu xanh đậm đỗ ngược chiều. Cờ Anh Quốc cắm một bên mũi, người tài xế đang loay hoay mở nắp máy. Trong xe loáng thoáng người trên ghế sau, có người con gái mở cửa xuống, vai trần, áo để hở một khoảng lưng.

— Xe đại sứ Anh hư hả, hắn hỏi, hay mày quen với con gái ông...

Ừ, hè về thăm bố mẹ, chắc cũng được lâu rồi chứ sao người ăn nắng đẹp mắt thế này.

— Ai nói mày nhìn gái, Hadi hừ mũi, tao nói mày nhìn cảnh kìa...

Anh này lãng mạn nhỉ. Hắn ngạc nhiên, tưởng Hadi chỉ biết thích lái xe Porsche có đuôi vè đằng sau với người đẹp tương xứng ngồi bên cạnh. Người con gái đã khuất trong kính chiếu hậu, Hadi vẫn rù rì lên dốc. Giọng y chứa chan:

— Không ở đâu có mặt trời lúc lặn đẹp hơn.

Thì ra tự tình quê hương. Câu nói này hình như hắn đã nghe, có nhiều người, ở nhiều nơi. Hắn ậm ừ cho phải phép. Tiểu thư ngoại quốc hỏng xe đứng hát kinh đầu núi Chouf. Không lẽ lại ngoái cổ lại, người con gái chưa kịp thấy mặt mày, chỉ có cái lưng để trần mát cả đường quanh.

Không có ở đâu.

Thì thôi, ở đây, cũng là đẹp đi. Hắn cũng lãng mạn một tí. Ở đây là phương đông, là Levant, hướng mặt trời mọc. Phương Đông của người phương Tây, con đường của gia vị và trầm hương, của đất thánh những đạo quân viễn chinh thời trung cổ, hiệp sĩ ngực đeo thập giá lưng dắt chìa khoá đức hạnh vợ. Levantine, Pierre Loti, nhiều bí ẩn, Byzantine, đầu chải bóng, Brillantine của những phim gián điệp rẻ tiền Ý Đại Lợi, những người đẹp loại B mặc áo đầm dạ hội cạnh những hiệp sĩ của thập niên 60 hút xì gà mang bí số không không bao nhiêu hay những một trăm mười mấy. Sòng bạc, sầu mười ngàn, Ferrari. Rạp ciné Đại Đồng, Việt Long, mười đồng vào cửa khi trốn học, sa mạc, lạc đà, Salah-Ah-Dine, St Louis và cả Lawrence nữa. Những ngọn núi trắng màu sữa, Loubnan, nơi phát minh ra mẫu tự, Phénicie, hội văn hoá Baalbek trên những hàng thành quách (La Mã) cũ còn vẳng tiếng loa (Jericho?) xưa. Aragon năm nào dại dột đến đây diễn kịch bị quần chúng huýt gió nữa. Ừ, Jéricho, con lừa, những người đàn bà múa bụng. Những người đàn bà che mặt nhưng không mặc quần lót. Ở Ba Tư, vào những năm 30, Hoàng Đế đua đòi tân thời ra lịnh cho lính giật những khăn đội đầu của đàn bà ngoài chợ, có người không muốn cho thiên hạ thấy mặt, tốc váy trùm lên đầu, để hở mông mà đi về nhà. Người ta mất mặt, có ai mất mông bao giờ đâu. Ở đây là phương Đông. Bên kia. Như người dân Hy Lạp đưa tay chỉ, bên kia là Á Châu, vịnh con bò cái lội qua, Bosphore, như người dân Tây Ban Nha đưa tay chỉ, bên kia là giặc Maure, ngọn núi của Tarik, Gibraltar. Bên kia bờ Địa Trung Hải, người La Mã gọi là miền đất của những người hạnh phúc, nơi truyền thuyết đặt vườn địa đàng của loài người. Arabies. Người con gái hỏng xe làm hắn nhớ đến Nizan. Arabie, ngày cuối tuần, người Anh ở Aden, phải rủ nhau tổ chức xe thành đoàn đi chật vật hàng trăm dặm để được nhìn thấy cỏ. Giờ ở đây, vào mùa nóng, mỗi chiều người ta lên núi để được mát. Thì cũng là đẹp đi.

Nhưng mặt trời lặn, ở đâu mà chẳng có.

Hắn nói bâng quơ :

— Ở đây, cỏ vàng quá.

Hadi có vẻ phật lòng :

— Mày xuống Békaa chưa, chỉ toàn một màu xanh.

*
* *

Con lộ Quốc Tế là đường lên núi an toàn nhất. Vì là đường chiến lược dẫn đến Damas nên lính chính quy Syrie đóng dọc theo cho đến biên giới. Thỉnh thoảng, thể diện quốc gia bắt buộc, cũng có vài trạm gác của quân đội quốc gia Liban, là những trạm gác hiền hoà nhất, vô tội vạ, chẳng bao giờ hạch sách, bắt bớ hay bắn giết ai cả. Hadi, cậy vào tài ngoại giao bặt thiệp nên đường lớn không chịu đi, chỉ cần một vài xe làm chậm lưu thông đằng trước là rẽ ngang rẽ dọc vào những lối mà y gọi là lối tắt. Hắn thấy kiểu này không an dạ. Ở trên đây xôi đậu, thôn Druze xen lẫn với các làng Ki Tô, ngay cái gọi là Lực Lượng Hoà Giải Ả Rập hay Đoàn Mũ Xanh Hoà Bình của Syrie với xe tăng đại pháo cũng chỉ giữ được an ninh trên trục chính, để lại hương lộ và đường tỉnh hai bên cho đám lính lệ ô hợp của các vị sứ quân miền núi vẫn còn nguyên vẹn uy quyền.

Hắn mù chữ, lại không thuộc địa danh nên chỉ lo nhìn hình ảnh, bích chương. Chỉ độ dăm ba phút, lại sang một lãnh thổ khác, một vùng kiểm soát khác, như một Anabase bất trắc rút ngắn lại trong vài mươi dặm cỏn con. Ngày hôm nay bình yên, cũng may chẳng có ai dựng chặng, ảnh hưởng của các lãnh chúa không phô trương bằng súng đạn trên đường, chỉ là khẩu hiệu, biểu ngữ dán vẽ nhịt nhằng trên phố xá. Mỗi nơi một khác, như phe Sunni thích động viên bằng lời nói dông dài bằng chữ viết ngoằn ngoèo, phái Shia ưa dùng những hình vẽ ngây ngô linh tinh dầu cù là Ấn Độ, người Palestine nhắc nhở bằng di ảnh những Kinh Kha thời đại thì ở trên này, tân tiến nhất là nhóm Kataeb của Cheik Pierre. Chốc chốc, hắn lại thấy chân dung Ông nghiêm nghị nhìn người qua lại. Ảnh kẻ bằng Pochoir, theo mẫu đã cắt sẵn trên Carton, chỉ cần dùng bom sơn xịt lên tường, đường nét gợi lại thứ văn hoá underground của những ban nhạc Rock chưa được biết đến ở Âu châu, đêm xuống đường tàu điện ngầm tuyên truyền tên tuổi mình bằng cái cách hải tặc không trả tiền quảng cáo đó. Medium không biết có là Message hay không, trường hợp này làm hắn chột dạ như xuống Halles gặp Punk Destroy hay qua khu Roquette gặp dân Rock-a-Billy chạy mô-tô đón đường. Lính của Cheik Pierre trước giờ hắn chỉ nhìn ở xa, thân mật được nhờ những tấm ảnh Depardon chụp vào lúc đầu nội chiến, trong đó, êm đềm nhất phải

kể bức hình sau trận đánh những khách sạn. Trong phòng tiếp tân hoang tàn của Hotel St Georges, một anh đảng Bàn Tay ngồi chơi đàn dương cầm, chung quanh lố nhố người vây quanh. Có một thiếu nữ, đoán ra được nhờ thân hình mềm mại, tuy cũng giày saut, quần treillis, súng M16 nhịp nhàng. Bọn người này bịt mặt, không phải bịt mặt hở rốn kiểu ngàn lẻ một đêm mà chụp cả cái bao lên đầu giống như là KKK của Mỹ, mốt học được sau lần nào xem "Birth of a Nation" của Griffith ở trung tâm văn hoá Kennedy. Cô con gái, cũng che mặt nhưng dĩ nhiên không phải đạo Hồi nên hắn chắc thế nào cũng có mặc quần lót bên dưới. Lúc Krutschev sang Mỹ công du, phải coi cái màn trình diễn French Cancan đã bực mình phát biểu: "Thế này là nghĩa lý gì, con người, cái mặt mới biểu lộ được cá tính, còn chổng mông ra thì cái nào cũng như cái nào." Nhưng mông còn đỡ đi, chứ giây đạn thắt ngang lưng quần rằn sáu túi, thì ai mà chẳng giống ai.

Hắn sợ, cũng chỉ là sợ cho Hadi. Lỡ gặp nút chặn, có chuyện rắc rối, chúng lôi ra cho hai ba băng đạn thì làm sao mà hắn biết gài số tay chở xác thằng bạn này về trên đường núi. Chứ còn mình bàng quan, với ai cũng vậy, chả việc gì. Bất quá, nhận là người thuyền nhân đầu tiên được định cư ở đây thì ai chả thương.

— Chừng nào mới đến đây ?

Hắn hỏi Hadi. Đạo quân của Xénophon ngày xưa nhìn thấy biển hò reo từ đồi này sang đồi kia. Hắn chỉ mong chóng ra đường lớn.

— Mày thấy chỗ này, Hadi ra chiều hướng dẫn du lịch, năm kia Joumblat bị giết.

Anh này ưa chú thích lịch sử, bên phải là nhà thờ Đức Bà có hôm thập tự giá gãy đè bẹp một chiếc taxi, còn bên trái là Bưu Điện có bán bánh mì. Một hôm ở Beyrouth y đã chỉ "Ở chỗ này, bữa Do Thái mới gài bom giết hụt Abou linh tinh, cái thằng có vợ làm Hoa khôi Universe đó." Hắn nhìn quanh quẩn, thấy lỗ bom trên đường nhựa chưa kịp lấp nhưng nhìn mãi, chẳng thấy cô Miss Universe này chịu ra ỷ lan can để cho mình coi. Ở đây, nhìn quanh quẩn, vẫn đồi vàng, đường nhựa, cỏ xấu, lại không có cả lỗ bom để mà đánh dấu. Hành trình ngày hôm nay, có cái chết của Kamal Bey để làm Cyrus. Hắn nhớ lại, ngày đọc tin Kamal Joumblat vừa bị ám sát, hắn mới ra vườn tay còn cầm tờ báo nghe thấy tiếng mèo con. Tìm trong bụi có ba con mèo vừa mới đẻ, không biết mẹ ở đâu, một con đã chết rồi, kiến bắt đầu bu. Hắn vốn không thích nuôi mèo, chuyện bất đắc dĩ phải ra tay cứu vớt. Mang vào nhà chăm chút, làm việc thiện lại không đến nơi đến chốn, được vài hôm, chẳng biết sơ xuất chỗ nào, chết mất cả hai con còn lại. Hắn buồn mất việc làm dưỡng phụ. Về sau, ai nhắc đến Joumblat, hắn nhớ mấy

con mèo lại thở dài ân hận. Riết cái buồn đó lây sang đến ông ta.

Kamal Bey là người trầm tĩnh, tướng có giống con mèo thật, thỉnh thoảng mới lộ cái cười diễu cợt trong ánh mắt. Ở cái xứ sở này, trong bấy nhiêu lãnh tụ, ông là người tầm vóc nhất. Thiền sư độc nhất của Liban, ăn chay theo đạo Phật trong khi lại là người cầm đầu giáo phái Druze, sáng lập đảng Xã Hội Cấp Tiến trong khi là lãnh chúa phong kiến vùng Chouf cha truyền con nối. Sơn hà vạch một góc trời ở Mokhtara còn làm thơ văn đoạt giải Lénine hoà bình. Joumblat ở khúc đường vừa qua, chết có như là người chỉ làm thơ Lorca giữa vườn cam Grenade, hay như nhà văn cũng làm chính trị Nour Taraki của A Phú Hãn, sững sờ trong dinh dưới tay người đồng minh Liên Sô.

Hắn "Nam Mô" cho Ông một câu trong bụng. Joumblat cũng chết dưới tay người bạn Syrie, nhưng cái đó hắn cũng chẳng quan tâm. Đã cho ông hai con mèo con làm bạn, hắn chỉ mong sớm ra lộ chính, nơi gặp được quân Syrie trấn đóng là mừng.

*
* *

*N*gười lính Syrie chân tay không, lừng khừng ngó vào xe nhìn hắn một cái rồi gật đầu. Bên sườn đồi cạnh ụ đắp hai chiếc T55 nằm châu đầu vào nhau. Quanh tấm bạt căng bằng vải bố, vài người lính mặc quần đùi đang lo nấu nướng.

Chẳng ai lăm le súng ống cả, mấy khẩu Douchka gác lên trời, ở, hiền hoà quá, có cả khói lam chiều êm dịu nữa. Không bù với Beyrouth những đêm hốt hoảng, đường phố lên lửa ở các ngã tư sặc mùi vỏ lốp, đám thanh niên phất vào người qua lại nòng súng AK giật giờ chỉ muốn cướp cò. Ở đây heo hút cồn mây, đại liên 12ly7 cũng chỉ ngửi trời, không ngại cho sức khoẻ. Hắn mỉm cười tươi chỉ Hadi cái quán bên đường:

— Mày đậu đây mua lon nước, vào đi đái.

Mấy đứa trẻ tụ bàn tin ngưng chơi để nhìn người lạ. Trên này bình thản quá, đêm đang xuống nên bắt đầu thấy lạnh. Hắn thích thú, vậy mà trước không chịu lên, cứ sợ đường đóng với đường mở, kẹt ở lại hay bị bắt bớ. Có gì đâu, hắn khoác áo vào người. Ngay đầu tỉnh một căn nhà cổ lớn bị bom đánh sập có lẽ từ lâu chưa được trùng tu. Nhà đẹp thế lại không chịu sửa, cao ốc hay biệt thự tân thời có dấu vết gì người ta vội chữa lại ngay. Hắn vui trong bụng, ừ, núi Liban đẹp thật, người Ả Rập đi trong sa mạc cồn cát ngàn dặm từ miền trong đến đây mới gặp, còn có cả tuyết mùa đông để mà trượt ski cho gãy chân tội nghiệp. Đợi đến lúc hắn hứng cảnh thì Hadi lại hiểu nhầm, thập thò chuyện khác:

— Rồi lát mày xem, nhỏ này, tao đã nói mày, không có ai đẹp hơn được nó đâu.

Anh này lại có vẻ quá lời nữa, nhất là với hắn lại không ăn nhịp. Không có ai là làm sao. Đào của Hadi cũng đẹp chán, theo nàng vào quán đếm người quay đầu lại cũng đủ có việc làm. Hôm nào không có Hadi, Wadad chở hắn đi chơi là hắn hãnh diện lắm, nhất là gặp xét hỏi, Wadad ngồi phía bên tay lái cười một cái, cả đám quân quan đỏ mặt lúng túng ngay chuyện giấy tờ lục soát. Người Syrie nghe nói nhà quê, ai trên xe chở được đàn bà thôi, tối chạy vòng vòng bật cả đèn bên trong để cho thiên hạ thấy. Hắn chẳng việc gì, được người đẹp lái cho dạo phố, mà vấn đề an ninh lại càng không lo, Wadad có bà con làm lớn trong quân đội Syrie, cục an ninh quân đội hay tham mưu gì đó, người Liban ít ai được có giá như thế, nội ngoại xa gần đến tận quân đội chiếm đóng để mà được nhờ. Wadad vừa đẹp mà tính lại ưa sốt sắng, có tiền, học giỏi mà không kiêu, dễ thương tử tế, hắn tưởng lấy thơ Mahmoud Darwich ca tụng quê hương Palestine để nhại vào trường hợp nàng vẫn còn không đủ. Nhưng thơ là chuyện đàng hoàng không nhại được nghe chưa? Mà quê hương là chuyện cung kính hơn nữa lại đem ví vào gái, đào của bạn, chả ra gì. Hắn nghĩ thế, cũng chỉ vì thấy người mát da thịt mà lại tốt tính tình nên có điều trân trọng mà yêu mến thế thôi.

— Wadad bộ chưa đủ đẹp hay sao, lại giỏi toán nữa, mày còn muốn gì?

Hadi cười chạy tội rất là tình tứ.

— Tao giới thiệu cho mày, nhỏ đó, mày nhìn thấy nó không giỏi toán, mày cũng hết cả sầu đau.

Bạn tốt thật, nhưng hình như trong cái đẩy cho để mà an ủi đó, hắn thấy có gì còn như là dòm ngó, tiếc nuối. Hắn thận trọng không bày tỏ phản ứng gì cả. Hadi giải thích thêm.

— Tóc vàng mà mắt xanh.

Thì vậy. Ở đây phải thích tóc vàng và mắt xanh, dĩ nhiên nếu là người bản xứ thì lại càng quý, chứ người Bắc Âu, Na-Uy hay Thụy-Điển thì thích thích thôi chứ ai quý làm gì. Hắn nhớ lại đoạn trong một phim tài liệu của Jocelyne Saab, chị này, lúc quay cảnh bãi cát bờ biển ở Liban có vài cô qua lại, chị hứng lên chú thích trên phim "Ở đây, đàn bà đẹp nhất phía bên này bờ Địa Trung Hải." Phía bên này bờ địa Trung Hải, chỉ có ở đây đàn bà mới mặc G-String ra nằm bãi phơi nắng, hay ít ra cũng chẳng ai dùng khăn che mặt nên cái đẹp mới được biết đến chứ còn chưa chắc. Lượt là, văn minh chải chuốt thì phải công nhận nhưng cái đẹp đó là cái đẹp theo quan điểm Tây phương thôi, chứ trùm chăn đen cưỡi lừa bàn chân chai nứt vì sỏi đá, con mắt huyền bí đông phương cũng đẹp vậy, ai biết đẩy vào đâu. Được cái, chính Jocelyne Saab, tóc rối bù, ngồi uống café cắn nắp bút hút Marlboro ở ngoài Rauché hắn thấy

cũng đẹp lắm, nó thơ mộng, lại vừa văn minh cấp tiến nữa, xiêu lòng, hắn cũng không muốn bắt bẻ làm gì. Nhưng thử hỏi, đàn bà, kể ngay cả những người có xấu đi chăng nữa, ai mà không đẹp, việc gì mà phải xếp hạng nhất nhì.

*
* *

Buổi chiều ở Bhamdoun lúc tàn cũng nhá nhem như là ở nơi khác. Zéna, tóc có vàng cũng không óng ả màu mặt trời vào lúc này được để mà ta hướng dương. Hắn nhìn kỹ, như người cầm trên tay món hàng được mời mọc quá ân cần. Mặt trước, mặt sau. Ở trên núi, lại vào đêm, không lẽ Zéna lại mặc đồ tắm. Mắt có xanh, thì đã sao. Zéna có vẻ đẹp của người Ý, trông như lai, gầy nhưng chắc chắn, có đường nét. Hắn cân nhắc, hay ở chỗ nào mà *tuyệt thế nhi độc lập* với lại *nan phùng khai khẩu tiếu*. Ngồi xe Vespa chạy vòng quanh bùng binh thì thế nào cũng có mấy cậu Lồ nhàn rỗi huýt gió. Tan trường nào thì cũng được vài cô như thế, ngồi café nơi qua lại những người đẹp như vậy gặp được mấy lần, nếu không lật tạp chí thời trang ra thì cũng thấy. Hắn thấy vô duyên như bị bắt chấm thi hoa hậu ở truyền hình. Hay là tại không đủ ánh sáng? Ngoài hiên không bắt đèn, hắn bước ra góc nhìn xuống núi, để cho Hadi lăng xăng với Zéna và cô bạn nữa tên Iman.

Họ chỉ có năm người trong căn nhà bé, kiến trúc theo lối cổ truyền. Ở miệt dưới, hắn không bao giờ được thấy những ngôi nhà như thế. Beyrouth, nghe nói dạo trước ở từng năm còn nhìn thấy biển bây giờ phải ở đến từng mười. Ngay Bhamdoun còn vậy, người ta xây chung cư nghỉ mát lộng lẫy, thứ văn minh bẩy tám từng, phô bày gạch hoa và cửa kính lớn. Wadad lúi húi quạt lò than nướng thịt, thỉnh thoảng lại rưới rượu lên, ánh lửa bùng lên một khoảng hồng trên mặt.

— Nhà này cũ lắm rồi, ông chú của ba tao lúc từ quan bên Jordanie về đây dựng để nghỉ hưu với bà vợ người Anh.

Hắn nhìn vào phía trong, phòng khách lù mù chẳng có gì bày biện, không còn đâu có dấu tích của vị đại thần những bộ lạc Bédouin từ thời chưa an trị, một tấm hình đeo mã tấu để trên tường hay một tấm thảm dệt của miền biển chết. Trong góc nào, biết đâu, bà vợ còn để lại cái giỏ đan với vài cuộn len vẫn còn mùi thuốc dán của một công trình dang dở.

— Ông Bà không có con cái, về tay gia đình tao nhưng chẳng ai chịu ở, mẹ tao lên núi cũng ở trong building ngay đằng sau kia. Chỉ có tụi tao, chừng nào muốn yên mới sang đây.

Đây là chỗ thỉnh thoảng để người trẻ tình tự với nhau, thích nhỉ, hắn đốt thuốc thả khói về thung lũng, không thấy nhà cửa, đèn

đuốc gì trước mặt. Đêm xuống ở vùng quê, đã tối là tối om. Chỉ cần quay lưng lại, bên kia là cao ốc, trên này có cả khách sạn, hộp đêm, rạp ciné chiếu phim X, xe bỏ mui, thanh niên thiếu nữ với gọi nhau ngoài đường. Hắn quay lưng làm gì. Đằng trước, dạo trước, ở miền núi này, thân phụ của gián điệp Kim Philby sau khi làm quân sư cho Quốc Vương Saudi cũng về đây nghỉ hưu. Ông còn mang theo vài ba cô kỹ nữ Ả Rập gì đó, hình như vậy. Người con, sau khi chuyện gián điệp đổ bể ở trong nước, cũng sang đây một thời, đội lốt đặc phái viên của báo Observer, ngồi uống Gin rầu rĩ trong Bar của khách sạn Phoenicia rồi một hôm biến mất sang Liên Sô. Qua bên đó chắc còn rầu nữa, đã lạnh hơn, chưa chắc gì đã có Gin, mà công trường Đỏ, có đỏ được bằng bên dưới kia con phố Đỏ Hamra. Hắn hỏi:

— Khách sạn nào ở Beyrouth có hồ tắm đáy trong bằng kính, ở bên dưới đặt Bar để ngồi uống Long Drink nhìn người ta bơi lội ở trên?

Chuyện lãng xẹt, Đại thế Giới với đời Bảy Viễn, thế hệ Wadad nào có cần biết đến cái lãng mạn rẻ tiền vào cửa của thủa ấy. Tên Nasser nàng nghe cũng như là một anh kép già mơ hồ nào hình như có được quần chúng ái mộ lắm thì phải. Đâu phải là kẻ ngoài bốn mươi mà thở than ngắn dài với hắn về cái không khí đặc biệt của kinh kỳ đặc biệt miền Cận Đông này những ngày trước chiến tranh. Wadad sốt sắng:

— Mày muốn đi tắm hả, xuống dưới tao dẫn đi, Summerland hay là Long Beach Club, tụi tao có thẻ quanh năm.

Hắn mắt hứng vì chuyện hiểu nhầm. Đã có lần nàng nhất định đòi đưa hắn ra biển, vào lấy cả quần tắm của anh em ra để hắn lựa chọn, hắn phải khất mãi mới được. Kể thì nằm bãi hắn cũng thích nhưng lưng dài vai rộng chẳng đến đâu, sợ người ta để ý ở chốn ăn chơi. Đi với Wadad thì không có gì mất mặt cả, Hadi chỉ có xoa dầu nắng cho nàng mà tiếng đồn ầm ĩ rằng sinh ra đời dưới một ngôi sao tốt. Hắn nói chơi:

— Rồi mày có cho tao xoa dầu không ?

— Ừ thì mày xoa dầu cho tao chứ sao, nàng thành thật.

Hadi cũng buồn cười, đã không biết thế là hên, còn láo liên những tận đâu. Hay là Zéna cũng chỉ gần thước bảy, không được gần thước tám như Wadad, đỡ tốn dầu. Cái điệu y đẩy đưa Zéna cho hắn, có vẻ như là mượn cớ để đứng đây nhìn kia. Hắn đang thất tình, cám ơn bạn, cũng chẳng cần ai an ủi.

Được cái, tuy đẹp hơn khối người, Zéna lại không có cái trò chải chuốt vênh váo. Hay là, đến cái mức nhan sắc đó, nàng khỏi phải để ý nữa. Một lát, thân mật rồi hắn mới biết tại sao Zéna có cái vẻ phóng đãng không cần đến diêm dúa nữa. Trò của nàng là

trò nổi loạn. Nàng ỉ ôi hàn huyên màn con tim đòi sống. Lúc ở Pháp, hè nghỉ học, Zéna có lần đi làm bồi dọn bàn, dĩ nhiên chẳng phải vì mưu sinh cần thiết mà để chọc gia đình chơi.

Người đệ tam thế giới vốn ky làm việc gì phải bưng chén tách, cái này ta biết rõ, kiểu con sen thằng ở ấy mà, tai tiếng lắm. Ràng bó sau cánh cửa nhà, nhất là thứ cửa dày đạn bắn không sứt, nàng không thích. Cái xã hội quanh quẩn này, mỗi phòng bày một cái đàn dương cầm, những con đường lá me khuôn viên Đại Học Mỹ ở Beyrouth, luân lý hồi giáo với lại Party trên sân thượng có hồ bơi, Zéna không chịu nổi. Nhưng nàng cũng không muốn cầm AK đu xe pick-up về miền Nam mà giải phóng đất Palestine trong tinh thần quốc gia chủ nghĩa Ả Rập. Chiến tranh, Zéna cũng chán, răng nàng đều, không phải để cắn chốt lựu đạn tuy là hắn mường tượng cảnh nàng bò, quần Jean bó giữa gạch vữa ngổn ngang chắc là cũng thích mắt. Đằng này, Zéna muốn thoát ly hẳn, đoạn tuyệt, đi trên đê Yên Phụ để gió chiều thổi vào tóc rối bời của nàng. Zéna thật tình, chỉ muốn bỏ xứ mà đi.

*
* *

Kể thì, cái dân tộc gì chỉ ưa than thở, nào là đầy ải nhất nhân loại, quê hương đau khổ nhất trái đất, mà lại không phải lỗi chúng tôi đâu, Syrie bá quyền, Israel đế quốc, Palestine phá hoại, Liên Sô ngấm nghé, Pháp bỏ rơi, Mỹ phản bội, nào có phải lỗi chúng tôi, ôi giòng giống ôn hoà, văn minh ba bẩy ngàn năm Phénicie sáng lập ra nào là chữ viết và cả giấy, mực nữa, tai ương toàn người lạ và chủ nghĩa ngoại lai xâm nhập vào trút bỏ lên đầu. Luận điệu này, hắn có nghe rồi. Và cái dân tộc nức nở, quê hương rền rĩ đó, xã hội phô trương ích kỷ, gia đình đạo đức nửa vời này, Zéna bỏ mà đi là phải.

Hắn uống được vài ba chén, nhìn nàng co duỗi chân trên ghế vài ba bận, bắt đầu hết thấy ghét nữa. Hadi và Wadad đã ra riêng một góc thì thầm, Iman từ nãy giờ chẳng nói gì, để mặc Zéna tâm sự. Duỗi vài lần nữa, nhiều khi hắn dám thấy thương, hay là tại hắn uống rượu kém? Mấy cô lấm lét mà lễ giáo, làm quen ưa điều tra học vấn với gia thế hắn hay bực mình. Thà đua đòi tập sống đi, không đến đâu, cũng còn hơn đua đòi lim dim bằng cấp với tương xứng. Một đằng hắn làm gì có, đằng này, hắn còn phụ hoạ vẽ vời được. Mà các chị kia khó khăn, nhiều khi giờ có dài đâu, làm sao cao cẳng được bằng Zéna. "Phi cao cẳng bất thành phu phụ." Hắn nói nửa chừng:

— Bữa nọ mua vé rồi, tao sắp phải giữ chỗ sang Ý.

Không biết sao, thất tình đâu có dễ an ủi thế, nhưng có Zéna bên cạnh, mười lăm ngày ở Monte Cassini chắc chẳng buồn đâu.

Hắn đưa đầu lại gần nhìn nàng cho kỹ. Ừ, chẳng buồn đâu. Trong bóng tối, Iman tự nhiên lên tiếng:

— Tao cũng sắp về Ý.

Hắn ngạc nhiên. Hắn có gặp Iman vài lần trước với đám đông bè bạn, cũng chỉ qua loa chào hỏi không để ý, lần này ở đây cũng vậy.

— Tao đâu biết mày ở Ý.

— Tao học ở Ý.

— Tao tưởng mày học Beaux Arts với bọn kia.

— Không phải Beaux Arts ở dưới. Beaux Arts ở Florence. Mày sang Ý đi đâu?

— Tao chưa biết. Vé tao về Rome.

Hắn mua vé đi Ý là tại vì dạo ở Hamra thấy quảng cáo bán rẻ. Thì cứ sang Ý, bên đó đời sống lại rẻ nữa. Nhưng không lẽ lại nói ra hoàn cảnh kinh tế. Hắn ra tuồng nghệ sĩ cho có vẻ lịch sự.

— Không biết đi đâu, tại sao không đi Ý, rồi sang Ý đi đâu chẳng được.

Có Iman can thiệp vào chuyện này lại càng dễ, hắn có dịp để mà nạc mỡ hỏi Zéna.

— Mày đi không ? Qua Florence với Iman, bằng không đi Rome với tao.

— Đi Rome làm gì ? Iman cộc lốc.

Hắn hơi ngượng vì không thấy Zéna có phản ứng gì.

— Tao đâu biết. Đi thăm mộ Keats. Đi xem Coliseum. Hắn lúng túng. Mày biết không, tao không được đọc Gibbon, tao đi xem Coliseum để thấy tận mắt chỗ Bruce Lee hạ Chuck Norris trong phim "Mãnh Hổ Cuồng Long".

Câu pha trò vô duyên, không thấy ai nói gì. Trời tối quá, lò than còn mấy cục cháy dở hồng hồng, có ai cười ngạo hắn trong bóng tối hắn cũng chả thấy. Lỡ rồi.

— Thôi tụi bay hai đứa về Florence đi, rồi tao sang chơi với.

— Tao đâu có học ở Florence. Zéna giờ mới nói. Gia đình tao làm sao cho tao đi.

Nàng im lặng như để tang chuyện không vui. Hắn thì không vui hẳn. Tưởng mày đã có nghề rửa chén, lau chùi bàn ghế rồi đâu biết sợ. Hắn tự thẹn với lúc tưởng tượng chuyện tình kiểu Tchékov trong thành phố dưỡng bịnh với những quận chúa Nga bỏ chồng và nhà thơ ho ra máu. Mẹ, Monte Cassini. Zéna làm như nhớ ra, chợt thở dài.

— Thôi, giờ tao phải về nhà.

Nàng đứng dậy, gọi Hadi ra đưa. Hắn lại tẽn tò trong bụng. Tưởng Zéna ít ra cũng ngủ đêm ở đây chứ. Tối cũng phải về nhà mà cũng bày đặt bụi đời. Iman vẫn ngồi im trong bóng tối.

*
* *

Lúc Hadi trở về đến nơi thì súng đột nhiên lách cách trước sau đâu đó một vài nơi. Có tiếng người lao xao gần nhà. Wadad rảo ra ngoài hỏi han gì với ai rồi vào bảo:

— Thôi cũng tối rồi mình vào nhà đi.

Nàng đóng cửa sổ lại cẩn thận. Họ ngồi trong căn phòng khách bé có tí ánh đèn vàng vọt trong góc. Tiếng AK lại nổ chan chát ngay cạnh. Hắn nghe chỉ thấy bắn đi, không có ai bắn lại nhưng cũng không vững bụng. Mấy hồi. Sao lại không thấy ngưng. Hình như dăm ba khẩu bắn một lượt chứ không phải một anh buồn bắn ma.

— Có gì đâu, mấy đứa gác dan ở đây đó.

Hadi cười đào hoa như mọi khi. Chắc y còn nhớ lại lúc đưa Zéna về xe. Hắn nhìn Iman. Mặt nàng vẫn bình thản như giọng nói hắn nghe trong bóng tối lúc nãy ngoài hàng hiên. Như chờ đợi đã quen vậy, chờ đợi súng ngưng bắn, chờ đợi về Ý học trở lại, chờ đợi mà cũng chẳng có gì quan trọng. Như chẳng cần chờ nữa. Được rồi, ở Florence hả, nhưng giờ không có Zéna sang bên đó với thì làm sao? Đâu có Zéna đâu. Zéna ở Ý đi ngang thế nào cũng phải có người hoa tay múa chân. Mấy anh Lồ mà. Iman thì lại khác. Đi qua chắc chẳng ai ngoái cổ lại, mà có ngoái lại nhìn thêm chắc cũng chẳng phải để ngợi khen. Iman cao, chắc cao còn cả hơn Wadad nữa, và to thì hơn nhiều. Nhưng tướng Iman không hẳn đàn ông, thân hình không thô kệch nhưng có lẽ lại quá nhiều nữ tính vụng về, để làm vợ, làm mẹ điển hình, vệ nữ Willendopf của những nhóm người thợ săn bán khai tiền sử chứ không phải là vệ nữ Milo cân đối. Hắn nhìn mặt nàng, hiền hoà nhẫn nại như một Madonna, có bé nhỏ kỳ cục trên cái khung quá khổ của đôi vai, bộ ngực, cặp đùi. Nhưng mà, thật ra, đàn bà không có ai xấu cả, chỉ có những người làm bực mình. Mà nhiều khi, càng đẹp lại càng bực mình hơn.

— Thôi, tụi tao đi ngủ. Wadad bá vào cổ Hadi nhìn hắn rồi nói với Iman. Có gì mày lo hộ tao.

Họ vào phòng rồi, hắn ngồi vớ vẩn với điếu thuốc cho có chuyện. Tiếng súng đã hết ở gần, còn vài viên lẹt đẹt ở phía xa ra. Mấy thằng ngoài kia bắn gì vậy như bắn đuổi ai. Hắn định hỏi Iman nhưng ngại bị cho rằng là nhát. Núi Liban, cụ thân sinh ra Kim Philby và bốn cô múa rốn. Phương Đông đây. Levant, lại còn Florence:

— Thôi, để tao sang Ý lại Florence chơi với mày nhe.

Iman không nói năng gì, nhìn hắn gật đầu.

— Hay là mình đi chung, rồi xuống Florence với nhau cho tiện.

Chừng nào về phố mình lại Alitalia giữ chỗ luôn.

Iman vẫn không nói gì, như là chấp thuận. Xuống Florence cũng được, cần gì Monte Cassini với lại lan can, hoàng oanh buổi sáng ở Vérone.

— Tao nói thật đó. Hắn hỏi tiếp: Giờ làm gì, mày muốn đi ngủ chưa?

Iman gật .

— Ở đây có mấy phòng ngủ ?

— Hai phòng, Iman nói.

Hắn ngưng lại, nghe tiếng động từ phòng Wadad và Hadi. Lần này, hắn hơi quay người đi, tránh không nhìn thẳng vào nàng nữa, nói hơi nhanh:

— Vậy thôi tao với mày vào ngủ ở phòng kia.

ĐỖ KH.

NHA Y SĨ
DƯ THỊ MỸ LAN
GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

Hà Trung

Về một cành huệ mới đó đã gãy trong sân chùa.

Cành hoa đó, không một lời trách móc
như cỏ chung tình, cúi rạp dưới chân chim.

Xưa trống vắng, tôi có bao giờ biết
mảnh tinh-cầu-tôi lây lất bay.
Chạm mãi thinh không,
vỡ mà không vụn.
Đợi một mảy tin yêu
hoá hiện kiếp người.

Ngày em đến...
Không !
Không có một nơi nào để đến ! Ngày em qua trong một thoáng hương trầm, cùng nhân loại chắp tay, tha thiết vọng về phân ly, nén thở, nước mắt trào, tôi lơ láo nhìn loài người rồi thây kệ !
Ngắm một nét cung từ dịu mát dưới mi em.
Em đứng trong sân
lá vẫy tay mừng.
Nắng đọng lại trên bờ môi trái cấm.
Một sợi tóc vương, cho hiền thêm áo trắng,
tôi ngập ngừng muốn hỏi em là ai.

Em ở đâu mà lạc xuống đây
lỡ gió đong đưa có rụng rời?
Mây nước nơi này thưa thớt lắm,
lỡ trời đại hạn cháy trong tôi!

Em nói...
(chừng như để nhắn tôi)
Em cười ! (cho nhẹ những ngày mai?)
Ngày mai em sẽ đi xa lắm /
Em sẽ không nghe tiếng thở dài !

Chỉ có vậy!
Mảnh thinh không một thoáng
qua khỏi đây ! Qua đó? qua đời?
Em cúi mặt nghĩ gì trong héo úa?
Em muốn nhắn gì sau nhánh lá tả tơi?

Em muốn nhắn em là loài huyễn thể
sẽ tan theo bọt sóng cuối chu tuần?
Vẫn rạo rực nương một cành hoa trắng,
tôi hỏi thầm em có nhớ tôi không.

Giây phút đó
một tinh cầu vỡ vụn
mảnh rơi nằm khắp những lối em đi.
Giờ nhớ lại muốn về muôn kiếp trước
hỏi cho tới cùng : ai ẩn hiện trong thơ ?
3.4.88

Đào Trung Đạo

Junk Mail.

Truyện ngắn

*T*ối thứ sáu ngày.... (không nhớ rõ) tháng 8 năm 1990, khi kiểm đống thư từ gửi tới P.O. Box 999 trong cả tuần — tôi có thói quen làm công việc này vào tối thứ sáu — tài liệu sau đây trong đám junk mail được tôi chú ý nhất:

1.000.000 CỔ PHẦN HẠNG A
ĐÀO TRUNG ĐẠO, INC., TỔ HỢP CHUYÊN NGHIỆP
CHỐNG LÃNG QUÊN
(Đầu tư dài hạn)

MỤC TIÊU TỔ HỢP : CHỐNG LÃNG QUÊN.

Trước 30 tháng 4 năm 1975 Tổ hợp không bán cổ phần cho quần chúng, hoạt động chỉ giới hạn trong thân hữu ở cả hai bên vĩ tuyến 17. Hiện nay Tổ Hợp đặt cơ sở chính ở Saigon, và các văn phòng ở Paris, Warsaw, Madrid, Berlin (Âu châu), Toronto và Vancouver (Canada), Sidney (Úc châu). New York và California (U.S.) (Địa chỉ văn phòng để liên lạc sẽ được cung cấp bằng máy điện toán tùy theo địa chỉ người nhận).

Mục tiêu hoạt động của Tổ Hợp rõ ràng, trước sau như một, là nhằm sản-xuất những sản phẩm chống-lãng-quên mà mặt hàng chính là thơ và văn chống lãng quên. Những mặt hàng khác hầu hết cũng đều có liên hệ tới chữ viết vốn được coi là khí giới muôn đời chống lại những kẻ đang *chơi trò lãng quên* trên toàn thế giới, đứng đầu là những lãnh tụ Đảng và Nhà Nước các xứ cộng sản cũng như những nhà độc tài ở Á Châu, Phi Châu và Châu Mỹ La-tinh.

LỊCH SỬ TỔ HỢP.

Thành lập ngày 5 tháng 8 năm 1940, Đào Trung Đạo, Inc., là một tổ hợp có cung cách làm ăn lương thiện và thông minh, có tổ chức tinh vi khoa học đặt cơ sở trên tương quan sản xuất có mẫu số chung là những người đã bị lường gạt, bóc lột, hay sát hại linh hồn bởi những kẻ không sản xuất, hiện giữ chức vụ chủ sòng đầu nậu và lũ hồ lì trò chơi lãng quên. Từ khi thành lập cho đến cuối tháng 4/ 1975, Tổ hợp hoạt động tà tà, đôi khi sắp phải tuyên bố Chương 11 rồi lại cố gắng ngóc dậy, đứng thẳng, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến (vững chắc) cà nhắc tương tự như bước tiến lên xã hội chủ nghĩa và tù cải tạo vác tre nứa cây rừng ở Việt Nam.

Ban đầu, Tổ hợp chỉ gồm hai sáng lập viên là Thị Lộ, vị thành niên, đại diện bên nữ giới và Chu Mạnh Trinh, lúc đó đã ngoại tứ tuần, bên nam giới. Vị đại diện sáng lập viên nữ giới còn vị thành niên, chiếu theo luật nước Bảo hộ Đại Pháp, Tổ hợp phải chờ đợi hơn năm năm mới chính thức được cấp giấy phép hoạt động (Toà Thị Chính Hải Phòng) với danh xưng: Đào Trung Đạo, Inc., Tổ hợp Chuyên nghiệp Chống Lãng Quên. Việc truyền lại chức chủ tịch sáng lập viên theo qui tắc cha truyền con nối chứ không theo kiểu truyền chức Chủ Tịch của Đảng Cộng sản. Kể từ buổi đầu thành lập là một Tổ hợp có cổ phần hạn chế, 33 năm sau những tế bào giống nòi của những sáng lập viên và công ty mới kết hợp và phát triển tạo được một cơ sở chính đặt ở Saigon mà Chủ tịch và nhân viên văn phòng điều hành chỉ là một cá nhân độc nhất nếu không ngồi ngủ gật trước "Hiện tượng học về Tinh thần" của Hegel thì cũng lang thang đàn đúm với bọn nhà văn nhà thơ hậu-hiện-đại từ châu Mỹ La-tinh (Carlos Fuentes, Julio Cortazar, Gabriel Garcia Marquez) từ Mỹ (Thomas Pynchon, William Gaddis, William Gass, Joseph Mc Elroy etc...), từ Ý (Italo Calvino) và hai tài viết phái nữ hàng đầu là Angela Carter của Anh quốc và Monique Wittig của Pháp sang thăm thủ đô của ánh sáng và bóng tối, vẻ đẹp của sự lầm lẫn ở Á châu là Saigon.

Trong giai đoạn phát triển về mặt chuyên nghiệp, tìm tòi khảo cứu, Tổ hợp không sinh lợi một đồng một kẽm nào. Khi công trình nghiên cứu đã thành tựu vào khoảng năm 1972, Tổ hợp nhận thấy sinh hoạt chính trị và văn hoá lúc đó không thuận lợi: sự xuất hiện đông đảo của những nhà văn nhà thơ tàng hình ở Miền Bắc nhấp nhô những người sử dụng chữ nghĩa không-chịu-chết "liều mạng" ở Miền Nam, những lãnh tụ quần xà lỏn ở Hà nội và bọn lính tây hùng hục vừa nhét bạc vào túi áo khỉ trong lúc nhảy đầm hoặc làm tình vừa đọc diễn văn chính trị ở hầm tối hoặc ngoài bãi đá bóng ở Saigon — cho nên không kèn không trống Tổ hợp tự tuyên bố với chính mình ngay lúc đang khoả thân trong bồn tắm tư gia tại Hunting Village, San Juan Capristano, California, là sẽ tạm ngưng

gây lợi tức (vô hạn định?)

Tháng 2 năm 1985, nhân dịp Jacques Derrida sang UC Irvine, California làm bốn buổi thuyết trình về "ký ức về Paul De Man", vị này có thảo luận với đại diện Tổ hợp ở Hoa Kỳ nhằm đi đến việc xáp nhập Viện Đại Học Triết Học Thế Giới (hiện đặt cơ sở ở Paris, có chương trình nghiên cứu và giảng huấn gồm những đề tài về mọi lãnh vực văn hoá mà hiện không một nơi nào trên thế giới (dám/sợ hãi) đề cập, hoặc chính thức chấp nhận trong các công trình nghiên cứu hoặc giảng huấn, chẳng hạn, khả tính làm chấn động, đẩy vào hạn chế, gây sự xụp đổ cho tất cả mọi lý thuyết, học thuyết triết lý và chính trị của tiểu thuyết, và Tổ hợp Chống Lãng Quên làm một. Việc này bất thành vì buổi họp vào ngày thứ bảy tuần thứ nhất của tháng 5/ 85, vắng mặt vị đại diện của Tổ hợp (vị này thay vì đi họp lại đang có mặt tại Pavillon of the Stars, Hollywood Park vào ngày Kentucky Berby, đánh cá ngựa). Khoảng 11 tháng Sáu sự xáp nhập bất thành của Viện và Tổ, nhờ tiền lời bản dịch Việt ngữ (in ở hải ngoại, lưu hành Samidatz ở trong nước) ngoại hạng tài tử thứ *"Nhục bờ đoàn"* và tiểu thuyết *Terra Nostra* của Carlos Fuentes, Tổ (từ nay gọi vắn như thế cho tiện) hoạt động lại với hy vọng sẽ phát triển mạnh nhờ số vốn đủ ăn (mua) cơm tháng Sáu Voi trong ba tháng.

GIÁ CỔ PHẦN — 100 MỸ KIM.

Tổ tha thiết mong số đông đảo quần chúng (trong nước, hải ngoại) nếu thấy "động lòng" (hoặc ngứa ngáy khó chịu vì thực sự mình đang vùng vẫy, sa lầy trong trò chơi "để sao đời đừng lãng quên mình", hoặc đang ôm bụng cười lăn đến chảy nước mắt khi thấy thiên hạ chung quanh, đặc biệt là các lãnh tụ Đảng và Nhà nước ở Việt Nam đang điên rồ cuống quít vì sợ bị lãng quên sau khi đã xập bẫy được 50 triệu dân vào trò chơi lãng quên) hoặc thấy mục tiêu của hội đáng yêu vô chừng, xin liên lạc tức khắc, và mở ví (bốp) mua cổ phần của Tổ, giá mỗi cổ phần là 100 Mỹ kim, số cổ phần có thể mua không giới hạn (phải ghi rõ chữ Mỹ kim để tránh sự hiểu lầm của đồng bào ta trong nước về ý nghĩa dấu $ e rằng quí vị này khi quyết định mua cổ phần có thể lại trả bằng tiền gánh Hồ Chí Minh thì Tổ sẽ sạt nghiệp.

Riêng đối với cổ phần viên ở trong nước, số tiền 100 Mỹ kim cũng có thể trả tượng trưng bằng ba lon bo bo và một lít rượu đế cất bằng khoai mì (để tránh sự khó khăn có thể gặp tại Bưu Điện các xứ tiền tiến, kí hiệu riêng cho bo bo xin ghi *Nghẹn/ Tuôn-ào* và cho rượu đế khoai mì là *VN Vodka.*).

Để minh bạch về người đứng tên Tổ *ĐTĐ&ĐTĐ* cũng chỉ là một cổ phần viên giống như mọi cổ phần viên khác, không có bất

cứ một đặc quyền đặc lợi nào về các mặt quyết định, tài phán chia lợi nhuận, truy tố trước luật pháp các kẻ xấu cũng như tư hữu tài sản của Tổ.

Dưới đây là một trích dẫn tài liệu tài chính hiện lưu giữ tại trụ sở Trung Ương ở Saigon và các văn phòng địa phương (có thể tham khảo toàn bộ tài liệu vào giờ giấc thuận tiện)

Kết toán tài chánh ngũ niên (Unclassified)

	1986	1987	1988	1989	1990
Tiền lời	10000	20000	30000	40000	50000
Tiền lời còn lại sau chi phí	10000	20000	30000	40000	50000
Tổng số nợ	0	0	0	0	0

Những con số ở bảng trên không bao gồm hiện giá một máy chữ điện tử Brother X50, tư liệu sản xuất, và quĩ điều hành phát triển cũng như tiền túi tiêu vặt của sáng lập viên.

Về điều kiện mua cổ phần, ngoài việc phải trả bằng Mỹ kim, những người muốn mua cổ phần thiết yếu phải hội đủ các điều kiện sau đây:

1. Trong quá khứ, hiện tại và trong tương lai, không có một liên hệ nào với chứng bệnh tâm thần sợ hãi bị lãng quên, không có một hành xử (behavior) bệnh hoạn nào như: ảo tưởng quá khứ vàng son, tính Đảng/ tính giai cấp, tàng hình bằng chữ viết, một mình nói một mình nghe trong đám đông như người mê sảng, vô tiền nhân, tư tưởng xiêu tán, bị lôi cuốn mê hoặc bởi nền văn hoá truyền hình, trí thức tạp chí, quỉ ám giả dạng chân chất, vân vân và vân vân. Tài liệu chứng minh sức khoẻ tinh thần có giá trị duy nhất được chấp nhận nếu có chữ ký của Shirley McLaine, đệ tử đích truyền ngành Quá Khứ Trị Liệu.
2. Đọc và hiểu được tính hư hư thực thực của hủy tính rong phần "Mục tiêu" và "Lịch sử" của Tổ. Đó cũng là yếu tính của bản viết cận đại.
3. Hàng năm tham dự (một giây) cuộc hội thảo "Thế giới không tương lai và tương lai của tiểu thuyết " tại chòi canh lịch sử được dựng lên tại địa điểm *X* Nam hải, phía tây Hoàng Sa, cách đất liền 300 hải lý.

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT & TIÊU THỤ SẢN PHẨM.

Tổng quan về sản xuất của Tổ: từ sau đúc kết những thành

tựu về nghiên cứu vào năm 1972, Tổ nhận thấy quyết định đi vào sản xuất là một can đảm trí tuệ tượng trưng tiêu biểu nhất của thời đại mình và sản phẩm có cơ may bán được ngoài thị trường. Nhưng vì khâu sản xuất tuy đã tốt nhưng khâu vận động và đưa sản phẩm tới tay giới tiêu thụ còn yếu kém cho nên Tổ quyết định chỉ bán ra một năm một bài thơ cho một người tiêu thụ và người sở hữu sản phẩm này có quyền tự do ấn và phát hành vô giới hạn để bán hoặc tặng không cho những người tiêu thụ còn giữ được ký ức bình minh.

Từ năm 1988, Tổ đi vào sản xuất lớn với cơ sở sản xuất chiếm diện tích 200s.f trong đó phân nửa diện tích này để kê bàn viết, bàn máy chữ và máy điện toán bỏ túi, giường ngủ. Văn phòng liên lạc lưu động đặt trên chiếc xe Toyota Corolla 84. Giờ làm việc từ 10 giờ sáng đến 2 giờ đêm Chủ nhật. Mặt hàng chính đã sản xuất nhằm tới giới tiêu thụ hàng loạt đặt cơ sở trên nguyên tắc Cấp số cộng (sản xuất) — Cấp số nhân (tiêu thụ) là những khảo luận, tiểu thuyết, truyện ngắn mang nhãn hiệu "Mega-Words".

Để thống nhất với khâu sản xuất, Tổ quyết định mở rộng màng lưới tiêu thụ bằng một hợp đồng phát hành, ký kết với cơ sở Phát Hành Thế Giới ở New York, N.Y., và một số nhà phát hành bản xứ ở khắp các thủ đô thế giới.

MỘT VÀI ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN.

Văn học cận đại & Vượt ngã tư khi đèn xanh

"Tôi không cho rằng những khái niệm (về văn học hậu-hiện-đại) còn đang "ở trong không khí" nữa... đúng ra tất cả chúng tôi cùng thấy mình, cùng một lúc tại nhiều đô thị khác nhau, đang ngừng lại trước đèn đỏ lưu thông. Khi đèn đỏ tắt đèn xanh bật lên, tất cả chúng tôi đều đã băng qua đường" (Steve Katz, Anything Can Happen, 1983).

Văn (truyện)

Những nhà văn khoảng trước năm 1960 là những người trả lời câu hỏi; Tôi có thể diễn giải làm sao được cái thế giới (cõi) này trong đó tôi là một phần tử? Và ở trong thế giới đó tôi là gì? (Câu hỏi tri thức học; một số nhà văn quán lệ hiện nay vẫn còn ở trong câu hỏi này).

Phần đông những nhà văn hậu-hiện-đại nay đang trả lời câu hỏi: "Thế giới (cõi) nào đây? Cái gì đã xảy ra trong những cõi đó? Những mảnh nào của nhiều cái ngã, cái tôi khác nhau của tôi đã tham dự vào? (Câu hỏi hữu thể học).

	Tiểu thuyết là "rừng chữ" với những mê lộ chia nhánh bất tận, là hiện thực và huyền thoại trộn lẫn, là bản viết làm cho cái chết ngừng lại *(Maurice Blanchot: L'Arrêt de Mort.)*
Thế giới cõi.	*Ở* số nhiều, đã tưởng có thật (đã có) rồi bị gạch bỏ đi. Hoặc bị xô sát đụng chạm, đan kết, giáp mặt như hàng xóm láng giềng, hoặc được dự phòng bằng trí tưởng. Cảnh giới của một cõi vùng mập mờ biên giới, vùng Oz của quyền hành hai bên không minh định.
Bản văn (một thí dụ)	KACUNAE LACUNAE CHỐNG LẠI BẢN VĂN CHỐNG LẠI NGHĨA CHỮ LÀ VIẾT BẠO ĐỘNG BÊN NGOÀI BẢN VĂN TRONG MỘT BẢN VIẾT KHÁC HĂM HE ĐE DỌA LỀ KHOẢNG CÁCH KHOẢNG CHIA KHÔNG NGƯNG NGHỈ HÀNH ĐỘNG LẬT ĐỔ (Monique Wittig, Les Guérillères, 1979)
Văn chương	Sản phẩm thành của một quá trình điện-hoá và lao động, là chữ in trên trang giấy mới lạ như lần đầu nhìn thấy, xô đẩy sóng hiền sóng dữ trên trang giấy nhằm xóa bỏ mọi giới hạn (kể cả của Quyển Sách) và đem lại hạnh phúc/trí tuệ cho người đọc (tiêu thụ).
Tác giả/ Người đọc	Hoàn toàn tự do ra vào các cõi. Không giống một ai đang sống hay đã chết.
Lợi nhuận	"Lời quê chắp nhặt dông dài — Mua vui cũng được một vài trống canh" — Nguyễn Du.

DANH SÁCH CỐ VẤN (thu gọn)

Mỗi dịp trước khi Đại hội Tổ nhóm họp, các vị sau đây thường được tham khảo ý kiến:

1. Jorge Luis Borges (thôi chức cố vấn từ sau 1986—đã chết), thủ thư, bẽn lẽn, độc thân đến ngoại lục tuần nhưng vẫn mơ

đời đôi lứa, ưa làm thơ khi tản bộ trong *Khu Vườn với Những Ngả Đường Chĩa Đôi.* Tổ luôn luôn phải gởi giấy hối thúc vị này lập gia đình, văn kiện đề nghị hỏi vợ cuối cùng Tổ gởi đến cho Borges vào cuối năm 1985 có kèm hình cô dâu tương lai là nữ ca sĩ Madona) gây tác dụng tiêu cực/ tích cực đến nỗi vị này sung sướng quá độ đi thẳng từ thư viện không ghé qua tiệm rượu "Ông già bật ngửa" mà tan vào *mê lộ.*

2. Carlos Fuentes : nhà văn Mễ Tây Cơ, được Milan Kundera cho là thiên tài tiểu thuyết hàng đầu thế giới, tài viết văn đã đảo chính cả văn học hiện thực trưởng giả lẫn văn học hiện, thực xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy khi sang chơi California vẫn bị đối xử tương tự một "beaner" lao động lậu ở đây. Khi Tổ gởi tặng vị này những sản phẩm mới ra lò hàng năm, Tổ thường hay nhận được điện thoại khẩn cấp (rất nhiều lần) nhưng trước sau chỉ vẫn hai câu hỏi:

1) Viết về cái gì thế?

2) Có ngửi được không?

3. John Barth : hay riễu các vị phê bình văn học tà tà tả tả ở vài Đại học Mỹ bằng cách cứ mỗi lần thấy các vị này ngu muội là tự thưởng 100 chai rượu vang thượng hạng rồi ngồi vào bàn viết đùa vui thỏa thích với chữ nghĩa. Vì tật ưa uống rượu quí, Tổ không trả lương vị này, nhưng khi nào thấy vị này "khỉ" quá Tổ lập tức gởi biếu VN Vodka chính cống cất bằng củ mì tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Josept McElroy : trẻ nhất trong các vị cố vấn. Khi sang California thích đi câu cá lóc với Richard Brautigan, nhưng lại nhất quyết chỉ ăn cá lóc nướng trui kiểu Việt Nam. Khi Tổ gặp khó khăn về vấn đề kỹ thuật "Hệ Thống" thì chuyên viên nhiệt tình cơm nhà vác ngà voi được Tổ chiếu cố không ai khác ngoài vị này. Vì có kiến thức vững vàng về sinh học nên Josept Elroy ăn cá lóc nướng trui cứ đòi cho bằng được mắm nêm Miền Nam và chuối chát khế xanh.

CƠ MAY & NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT.

Nếu như quí vị nhận được lời mời mua cổ phần của Tổ hợp Chống Lãng Quên, xin quí vị hiểu rằng đây là một cơ may lịch sử triệu năm mới có một lần, không hèn mọn như cơ may đưa dân Miền Nam xập bẫy lãng quên 10.000 năm mới có một lần như Anh Sáu Thò-Lò từng tuyên bố. Có điều cũng xin quí vị mạnh dạn chấp nhận rằng nếu có may ắt hẳn sẽ có rủi.

Câu chuyện về sự rủi/may sau ngày 30 tháng 4 năm ai mà chẳng biết. Nhưng *thấy* được cái gì xảy ra ở đằng sau giải đất cong cong hình củ khoai quay lưng ra Thái Bình Dương là quê hương

của chúng ta đó thì kiến thức sử học, triết học, và khoa học chẳng thể nào phân biệt được cái hư hư thực thực ẩn dấu ở đằng sau đó. May ra chỉ có sự hiểu biết bằng tưởng tượng khám phá của nhà văn là thấy được nỗi hiu quạnh và sự lãng quên của một cõi vùng quê hương nay đang nằm ngoài lịch sử từ sau khi thời gian lịch sử Việt Nam đã bị thời gian lịch sử cọng sản làm ngưng lại. Trong tiếng nổ tàn khốc của những trái hỏa tiễn từ nhiều ngả hướng vào đời sống Saigon đêm 29 tháng 4/ 75, trên những nét mặt ngơ ngác ảm đạm đọng cứng u uẩn như một lớp mặt nạ của đoàn âm binh bỗng nhiên đã ở đấy một sớm tinh sương. Trong mùi xăng Liên Xô khét lẹt và mùi rừng rú bán khai chết chóc xông tỏa bủa vây, toàn thể mọi đời sống từ nay đã bị cắt lìa. Từ sau một ban đêm và một buổi sáng đó, quê hương chúng ta đi vào nỗi hiu quạnh trăm năm, cái cõi (thế giới) bé nhỏ đó đã bị lịch sử gạch bỏ, đi vào lưu đầy. Và cũng chính lịch sử đó, một mai sẽ bị nỗi hiu quạnh, trăm năm kia trả thù, lại cũng là một lịch sử bị bỏ rơi, bị quên lãng, đi vào một kết thúc. A ha! Sự rủi/may nằm ngay ở cái kết thúc đó. Từ nay đời sống chỉ còn là một nắm mơ trong quạnh vắng, mơ giấc mơ của những người đã chết.

Nhưng xin đừng quá bi quan ! Vì còn trí tưởng tượng lịch sử của nhà văn như đã nói ở trên. Trí tưởng tượng đó sẽ đặt cho cái lịch sử của nỗi hiu quạnh kia một dấu hỏi thật lớn, theo cái cách ta hỏi một thực tại mà cho mãi tới nay còn chưa được nhận biết.

Xin được lấy một thí dụ nho nhỏ nhưng điển hình, là cái màn "phục hồi" đang diễn ra hư hư thực thực trước mắt mọi người. Đó là một trò chơi được sáng chế bởi những đầu óc ảo tưởng bệnh hoạn vốn bị ám ảnh bởi sự lãng quên. Sự tác hại của trò chơi là một tác động qua lại giữa kẻ cai trị chủ sòng và người bị trị suốt đời thua cuộc. Dĩ nhiên là những kẻ suốt đời thua cuộc này bị đẩy vào bóng tối ngay sau khi đã trắng tay cho nên dù có nguyền rủa mỏi mồm rồi thì cũng đành thỏa thuận hoặc lầm bầm "kệ cha chúng mày". Nhưng cái tác động dội ngược lại bọn cầm trịch trò chơi thì thật đáng sợ. Làm cho chúng càng điên lên. Ảo tưởng và thực tại, quyền hành và sự bị lãng quên càng ngày càng quyện chặt, nở phồng lên như mây bão trùm kín cả Lăng Bác.

Trò chơi lãng quên cũng có thể diễn đi diễn lại mà vẫn có người xem. Các anh thua cuộc sau một thời gian bị đẩy vào bóng tối có thể lại được lôi ra ánh sáng nhờ cái "nước son" chưa đến nỗi quá tệ dù nội tạng đã hao mòn suy xụp kề ngày nắm tay Diêm Chúa. Chẳng hạn như mấy anh văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, trí thức Nhân văn Giai phẩm nhất thời chót dại chống lại Cách Mạng, phá thối trong lúc người ta đang xây dựng quyền hành. Xin quí vị cứ nhìn thấy tấm hình trong tờ *Tàng Hình* của Việt kiều yêu nước ở Paris

thì thấy ngay (nếu quí vị chịu khó xem hình lộn ngược) các anh này đã được "phục hồi" như thế nào sau khi Đảng đã đánh cho thành tàn phế. Bước đi loạng quạng khắp khểnh, thân hình mòn rũ tóc tai loà xoà. Nhưng quả thực mắt họ vẫn sáng, vẫn lấp lánh đất trời. Những đôi mắt đó, những bước chân ra vào tù ngục đó đã làm xụp đổ mọi quyền hành. Một sự thắng trận trong thảm kịch. Nhưng cũng phải nói ngay là "Đừng có tưởng bở" vì chúng ta đã xem hình lộn ngược!

Vậy cũng xin đừng tưởng bở nếu quí vị có lỡ móc ví mua cổ phần của Tổ. Trong làm ăn buôn bán kẻ thực tế bao giờ chẳng là người khôn ngoan. Và người khôn ngoan khi thấy cơ may là phải tận dụng nó bằng cách mua càng nhiều cổ phần càng tốt. Và khi đã mua được trên 51 phần trăm cổ phần rồi thì quí vị có thể tùy tiện thảo ra Nhiệm Vụ Trước Mặt của Tổ. Đời sẽ không lãng quên quí vị.

Ngày mai, ngày mai chữ nghĩa được phô diễn trên giấy trắng mực đen đó của quí vị sẽ được gởi đi khắp mọi nơi. Và cũng như tài liệu quí vị vừa đọc qua này, số phận nó rồi cũng sẽ xuôi dòng đám junk mail chờ đợi được bánh xe máy cán (lịch sử) hoá kiếp bọt bèo.

ĐÀO TRUNG ĐẠO

SÁCH NHẬN ĐƯỢC

Trong tháng qua, Văn Học đã nhận được những tác phẩm sau đây: *Đêm Chong Đèn*, tiểu thuyết của nhà văn Hồ Trường An do Văn Khoa xuất bản giá 10 MK; *Yêu Em Mùa Xuân* tập thơ của Trịnh Gia Mỹ do Làng Văn xuất bản; *Dốc Nguyệt Trào Sông* của Nguyễn Tử Hanh do Đông Tiến xuất bản; *Sau Lần Cửa Khép* tiểu thuyết Nguyễn Ngọc Ngạn do Văn Lang xuất bản ; *Lưu Vong Hành* tập thơ của Trần Nghi Hoàng do tác giả xuất bản; *Tù Ngục và Tâm Thức Lưu Đày* tập thơ của Nguyễn Ngọc Thuận do Văn Nghệ xuất bản giá 6 MK; *Muôn Kiếp Cô Liêu* tiểu thuyết của Mai Kim Ngọc do Văn Nghệ xuất bản giá 14 MK; *Ngựa Nản Chân Bon* tập truyện của Nguyễn Mộng Giác do Văn Nghệ tái bản lần thứ ba, giá 9 MK; *Những Đợt Sóng Ngầm (Mùa Biển Động tập 1)* của Nguyễn Mộng Giác do Văn Nghệ tái bản lần thứ 2 giá 7 MK; *Bão Nổi (Mùa Biển Động tập 2)* của Nguyễn Mộng Giác do Văn Nghệ tái bản lần thứ 2 giá 8 MK; *Mùa Biển Động tập 3 (cuốn thượng)* do Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất giá 12 MK; *Quê Nhà* tập truyện ngắn của Ý Lan do Quê Mẹ xuất bản; *Thơ Viết Giữa Đường* tập thơ của Hà Thúc Sinh do Tân Văn xuất bản giá 7 MK; *Một Đêm Thứ Bảy* tập truyện của Mai Thảo do Tổ Hợp Miền Đông xuất bản giá 8 MK.

Thường Quán

Hương mùa ẩn tích

Hương mùa xa vắng không dấu tích
Hè muộn màng rụng ngợp ngực trời
Khi ngã bên bãi cồn tịch mịch
Biển khô cát đuối lặng im hơi
Dấu chân miền cũ em để lại
In nguyên mười ngón lệ sông ngòi
Con nước u trầm hoa tím trái
Trời xanh sa rừng bíu móng son dài
Của mộng qua nghìn đêm bóng tối
Trăng từng khuya khuyết khoé môi rời
Của sao đã rụng sa trầm mãi
Tôi nằm trên mút biển riêng tôi
Gọi tiếng của lời sông thôi nói
Biển thôi cười phố hội thôi xuân
Đáy mắt cạn cát rã mòn ruỗng gỗ
Hoa héo khô trên đá nát nhàu môi
Gió thổi đêm khô không sương ôm vào ngực sấp
Tự bao giờ lay lắt bóng hình khuya
Hương mùa ẩn tích bên bìa thời gian-
không bao giờ nữa.

Nguyễn Thị Thanh Bình

Que diêm kỷ niệm.

Khi tôi bước xuống thành phố đó thì trời cũng vừa bắt đầu những thoáng mưa — Những thoáng mưa mong manh làm ướt sũng nỗi cô đơn rộng lớn trong hồn tôi, tự hỏi mình đang đi đâu và về đâu đây — Đi đâu, về đâu từ đây sẽ không còn một cứ điểm của yêu thương, cũng không còn tìm thấy màu mắt buồn và đẹp của người mẹ hiền và cũng không còn có quê hương.

Phi trường Baton Rouge nằm đìu hiu, im vắng như khuôn mặt của một ngày vừa hết. Nhìn lại mình với mớ hành lý trên tay vỏn vẹn chỉ có một cái bị nylon đựng dăm ba giấy tờ của cơ quan thiện nguyện U.S.C.C., mẫu I-94, tấm hình phổi...; đặc biệt là chồng thư dày của bè bạn và những người cùng cực ở trại tỵ nạn nhờ gởi giùm, tự nhiên tôi bỗng mỉm cười xót xa. Dầu sao thì mình cũng là đứa con gái may mắn trong muôn trùng người người nơi đó. Có may mắn thì mới hội đủ những điều kiện (có nên gọi là những điều kiện xót xa hay không?), nào là con gái của một quân nhân có công với đất nước, một thân một mình, thêm vào đó điều kiện không có thân nhân ở ngoại quốc và hứa sẽ là người học trò gương mẫu khi định cư v.v... Như thế đó và tôi được ưu tiên trong hàng loạt đơn xin nằm đợi chờ chút tình người nơi đó. Nơi đó, Songkhla, nơi mà tôi đã sống với vết thương suốt đời ung mủ, rỉ máu trong tâm trí, với những ám ảnh đục ngầu như hai mắt của bọn hải tặc hoài đời không gột rửa được.Tưởng là tôi đã cúi đầu chấp nhận hết như những giọt nước mắt đã vắt ra thành những giọt máu khô trong cơn bão loạn. Chấp nhận vì không thể làm gì khác hơn trước sự gầm gừ thô bạo của con thú. Dù sao thì tôi cũng đã đánh liều đời mình vào chuyến đi này thì mọi trường hợp, mọi giông tố đã có thể thổi đến khi hai tay tôi đã không còn một thứ khí giới nào để kháng cự. Kháng cự, chống chọi phải chăng là một khích động mãnh liệt trong lòng những tên thú đội lốt người này,

và vô ích như vòng tay của gã đàn ông đã là những vòng đai dày kín bủa vây của một định mệnh bưng bít. Rồi thì tôi cũng đã được dựng đứng lên trong im sửng hay trong những xốc xếch rách nát. Dựng đứng lên trong buổi chiều thật tím đã rớt xuống hôm đó, như những ân xá trong bản án tử hình đáng ra đã phải bị giết chết đi và quăng xuống biển như những người bạn cùng chuyến đi đã giận dữ phản kháng, đối chọi.

Tôi đứng lên khỏi chiếc ghế của phi cơ và đầu óc thì vẫn không hết những nghĩ ngợi mông lung. Trước mặt tôi hiện ra một căn phòng khá rộng với thật đông đảo trong dáng chờ đợi và những đôi mắt đảo nhanh tìm kiếm . Khá rộng hay vì hồn tôi mênh mông mà tôi thì quá bé nhỏ. Đột nhiên tôi thấy mình ngờ nghệch như cô bé nhà quê mới lên tỉnh với hai mắt ngác ngơ, ngơ ngác nhìn dáo dác vùng không gian trước mặt.

Một người thanh niên thật trẻ với nụ cười mới gặp đã như thật thân thiện từ lâu chợt chạy lại gần tôi:

— Có phải Trân Sa đây không ?

Tôi luống cuống mở tròn hai mắt ngu ngơ, hai mắt nai tơ đã to lại càng to... hơn:

— Dạ... sao ông, sao... anh lại biết tên tôi?

Người thanh niên mỉm cười dịu vợi :

— Xin lỗi tôi quên giới thiệu ngay. Tôi là Thu Miên, tôi là "Social Worker" cho hội Catholic Charities; tôi có nhiệm vụ đến đây đón cô... à đón Sa, xin gọi tên cho thân thiện nghe cô bé.

Một thoáng bực mình phần thì tôi không hiểu rõ vì Miên nói một câu tiếng Việt mà dùng tới một loạt chữ tiếng Anh, phần thì tôi thấy mình như nhỏ bé lại trước tên gọi "cô bé" của Miên. Ngỡ tưởng mình đã già dặn hẳn ra từ những ngày phải lao đầu bước xuống cuộc đời nơi quê nhà, nơi mà người anh đầu lòng của tôi đã phải chết không nhắm mắt, chết nghẹn ngào, chết oan khiên, chết hận thù trong ngục tù cải tạo và nơi đời sống đã hiếp đáp, bóp nghẹt dần tình một cách phẫn nộ, nơi đời sống là những tầng cuối địa ngục trần gian, là nỗi-chết-dài hay nói đúng hơn là nỗi thoi thóp, hấp hối, thấp thỏm trong một bầu không gian hụt hẫng dưỡng khí, thứ dưỡng khí cần thiết để người ta đờ đẫn sống. Người dân Việt ở bên nhà bây giờ cứ như những đứa bé thèm thuồng những viên kẹo hy vọng và ngày qua ngày cứ phải gặm nhấm làm viên kẹo tan dần, tan dần đi... Không đành lòng nhìn thấy đứa con gái mình với dáng vóc gầy rạc ma nữ mỗi ngày mỗi gầy rạc thêm, gia đình đã vội bán nốt tất cả những đồ đạc quí còn lại trong nhà để tìm đường cho tôi làm thuyền nhân. Hai thằng em trai tôi đứa làm thân ma rà dưới lòng đại dương, đứa may mắn hơn, kinh hoàng rục xương trong trại tù ở Đồng Găng chưa biết

bao giờ được thả ra. Chuyến đi đã có những đoạn kết thật bất ngờ, thật không có hậu nhưng không phải là tôi đã trích nó ra ở một đoạn văn tiểu thuyết, như thể nó đã là một hiện thực khổ đau của cuộc đời và cuộc đời tự nó phải chăng cũng chỉ là một cuốn trường thiên tiểu thuyết dài bất tận và tưởng chừng không bao giờ ngưng nghỉ, một cuốn tiểu thuyết đầy linh động với đủ hỉ nộ ái ố... đã khai tử thằng em trai tôi ở những trang đầu. Bây giờ phải mở lại lòng mình như mở lại những trang tiểu thuyết buồn phiền, tôi như nghe lại ở đâu đó trong ký ức những loang lỡ đắng thắt, những hoang phế đổ nát mất mát như trái tim mình là thứ Tháp Chàm vô cùng quạnh quẽ. Thuyền đã nổi trôi, đã bấp bênh như phận nước quê nhà cũng nổi trôi bấp bênh... nhưng thuyền đã ghé bến tự do, đã nhìn thấy thứ thiên đường tưởng chừng không bao giờ còn là những chân trời xa tắp ngoài đời kiếm tìm và không bao giờ còn được bắt gặp, lui tới. Mọi sự tưởng có thể kết cuộc gãy gọn, trơn tru, êm đẹp như thế — Gãy gọn, trơn tru và êm đẹp đến nỗi người ta trong chuyến đi của tôi đã quên bẵng sự tàn bạo độc ác của "người đối với người là con chó sói". Người ta đã quên đi phải dìm thuyền xuống hay đập vỡ thuyền ra khi đến bờ đến bến, có lẽ vì thế mà bọn hải tặc hay bọn ma đầu ma giáo đã túm cổ lại những con người thèm khát tự do như thèm khát hoà bình thật sự không bao giờ có trên quê hương, túm cổ và ném trả họ về lại với con thuyền nổi trôi như phận nước... khi đã tàn nhẫn lấy mất bộ máy của chiếc thuyền không may đó. Biển vẫn chảy đời biển, cá Salmon vẫn mỗi năm vượt trùng dương sóng mạnh trở về nơi chôn nhau cắt rún, nên tuy chèo lái hụt hơi vẫn chỉ còn lại dăm ba tay bơi giỏi còn sống sót sau những thử thách gian lao. Chiếc thuyền hình như cuối cùng gần trở về được nơi người ta đã sinh trưởng và đã phải kiếm đường bỏ đi, đã đụng phải một vài mỏm đá nhỏ cũng đủ vỡ tan những đời nghẹn ngào, như sự nguyền rủa của quê hương đã nổi cơn giận dữ những con người vong quốc xa rời nó.. Còn tôi, tôi đã thoát khỏi hai mắt hờn tủi của quê hương như những lời gọi nuối, đã ra khỏi quê hương và chỉ biết nhìn lại nó như những chiếc bóng vừa tuyệt vời, vừa chua xót thương đau. Tôi đã "may-mắn-hơn", được con thú vồ chụp lấy mình ngấu nghiến một cách đói khát và cuồng bạo như ngàn năm bị đày ra hoang đảo thiếu vắng đàn bà. Mà mình đã là đàn bà đâu, tôi là con gái nếu định nghĩa để phân biệt rõ ràng biên giới của đàn bà và con gái chỉ cách nhau có một đêm, đêm động phòng hoa chúc, hay một giờ: khôn ba năm, dại một giờ; một truy hoan lầm lỡ như một sự dấn thân tự nguyện hay cưỡng bách thì cũng chỉ có một giờ, một giờ là xong hết một đời người con gái dưỡng nuôi ngọc ngà trân quí, một giờ hay một ngày đời trăng mật hay chỉ một phút một giây là những sợi tơ trời mỏng

mảnh sẽ vỡ tan như "không gian như có dây tơ, bước đi sẽ dứt, động hờ sẽ tiêu". Vậy mà không những tên thô bỉ này không "động hờ" mà còn đập nát thân tôi ra từng mảnh. Tiếng vỡ của pha lê, của thủy tinh hay tiếng vỡ của hồn mình thì cũng chẳng nghĩa lý gì những giọt máu hồng trân quí ấy. Tình yêu, tôi mỉm cười xót xa, vậy mà đã có lần tôi nhớ mình đã nghĩ tình yêu, đôi khi không phải chỉ là một sự cọ xát của một tâm hồn với một tâm hồn mà hình như muốn cảm nhận đúng mức những rung động cảm tạ của tình yêu . Đôi khi phải có những biểu tỏ của thân xác, của sự cọ xát một thân xác với một thân xác để tan ra trong nhau và để biến nhau thành một hữu thể duy nhất, tôi là anh và anh cũng là tôi, hai chúng ta tuy hai mà cũng là một là thế. Nói như thế không có nghĩa là tình yêu thực sự của những người đàn ông liệt dương hay những người đàn bà lãnh cảm sẽ mất hết những biểu tỏ thiết tha và chìm đắm, họ sẽ chỉ có thể cảm thấy giá trị của tình yêu trong những hạn hẹp vì cảm quan què quặt. Thứ "l'amour platonique" vẫn là thứ tình yêu đẹp vì "loài người vốn là cây sậy biết tư duy" và phải nói thêm vì thế "nhiều rắc rối" nhất, rắc rối đôi khi cũng làm thành những cái đẹp lắm, cao thượng lắm trong đời sống, như những cái người ta chưa bao giờ đến được, hưởng thụ được thì người ta vẫn còn hoài những mơ tưởng thật ảo mộng, thật tươi mát trong nhau... Tình yêu và tình dục nếu là những hoà hợp, hoà đồng hoà tấu thì sẽ cấu tạo những âm thanh tuyệt mỹ của thứ tình yêu ở giai đoạn thăng hoa, nhưng nếu chỉ nghiêng về một phía, nhất là phía tình dục không thôi thì con người sẽ không những chỉ giống những con vật thời tiền sử mà còn giống cả những con vật bất cứ ở một thời văn minh nào. Tôi vừa nghĩ đến hai chữ tình yêu và mỉm cười xót xa, có phải tôi vừa bị xáo động, xáo trộn trong những hung hãn của mấy con thú thi nhau thay phiên cấu xé, và tôi đã vừa chợt nghĩ vậy là từ đây người ta đã tước mất của mình thứ khí giới cao quí nhất để tôi có thể đem bảo vật trân quí ấy của đời mình dâng hiến trọn vẹn và linh thánh hơn cho tình yêu. Đã, đã hết. Đã, đã rách nát. Không còn nguyên vẹn như bài thơ toàn hảo để mang hai cánh nhỏ của chim tình yêu đến hót ca, tình tự, ban tặng cho người mình yêu trong một ngày đời thần tiên nào đó tôi hằng thêu dệt ước mơ, hay chỉ còn là vọng tưởng, Đã, đã đánh đổi thật lớn lao của cả cuộc đời thần tiên con gái cho chuyến đi đầy khốn nạn mà vẫn phải tự dỗ dành, an ủi là mình may mắn lắm.

Rồi tôi vụt thở dài, lại buông một câu hỏi thật ngớ ngẩn chưa từng có, như thể đầu óc và hồn trí mình đang ở chín tầng mây và thân xác mình lại phải hiện hình trước mặt Miên.

— Rồi... rồi anh Miên chở.... Sa đi đâu ?

Miên giải thích cặn kẽ hơn và đổi cách xưng hô ngay:

— Việc làm của anh là lo cho những thiếu niên tỵ nạn chưa đủ tuổi vị thành niên không có thân nhân ở Mỹ có được nơi ăn chỗ ở đàng hoàng. Anh đã kiếm cho Sa một "foster-parent" khá giả mà nhà họ chỉ có một đứa con độc nhất nên muốn bảo bọc lo thêm cho Sa để cậu con trai của họ còn có thêm được chị em. Sa hiểu không? Anh sẽ đưa Sa về nhà họ bây giờ. Hồi nãy họ định đến đây đón Sa luôn nhưng phút cuối họ đổi ý vì muốn dành cho Sa một ngạc nhiên thích thú ở nhà họ, vả lại họ muốn Sa gặp anh trước... để mình nói tiếng Việt với nhau dài dòng hơn mà không sợ ai khó chịu, để Sa bớt có cảm tưởng cô đơn lạc lõng ngay phút giây đầu tiên trên đất Mỹ.

Tôi bàng hoàng xúc động, bỗng nhiên tôi thấy gần gũi với người thanh niên tên Miên này hơn, gần gũi trong những ấm áp của người cùng có chung một quê hương, một niềm đau nhược tiểu thì phải. Dù sao tôi cũng vừa mới gặp anh ấy lần đầu mà thôi. Đột nhiên tôi buồn vô cớ và đặt với Miên những câu hỏi ngu ngơ khác.

— Bộ người Mỹ họ tốt với người mình như thế sao anh? Ba mạ Sa hồi 75 cũng tìm đường bỏ nước mà đi trong cơn khủng hoảng chạy loạn tản cư này nọ, nhưng khi đến địa điểm hẹn người ta xô lấn chen chúc đạp vào nhau để leo lên cho được những cao ốc lớn để chờ máy bay Mỹ đến bốc, cuối cùng ba mạ Sa thấy người ta bị những người lính Mỹ nóng nảy xô mạnh đẩy té nên bỏ cuộc quay về. À, mà sao gia đình bố mẹ nuôi tương lai của Sa chỉ có một đứa con? Người ngoại quốc họ ích kỷ thích hưởng thụ và ít thích con cái lắm sao anh Miên?

Miên cười, lần nào thì cũng cười trước những nhanh nhẩu nhưng ngu ngơ của tôi. Gì cũng cười, gì cũng "hì".

Miên cười làm lệch cái kính trắng gọng đen phải lấy tay sửa lại cái kính nằm "nghiêm chỉnh" hơn trên sóng mũi:

— Ừ thì đời sống ở đây là vậy. Đa số thì toàn là những người đàn bà tranh sống, thích đòi bình đẳng với nam giới, nam nữ bình quyền, vì thế họ mải mê lao đầu vào công danh địa vị việc làm đến một lúc ngỡ ngàng quên mất vai trò của người phụ nữ trong vấn đề gia đình con cái. Thật tình thì người ta cũng không nên đòi hỏi họ nhiều quá, những thiên chức làm mẹ hay "nội tướng" thì cũng chỉ có thể ôm được một vai. Người đàn bà Việt Nam qua Mỹ nếu phải vừa lo chạy cơm áo như người đàn ông thì người ta cũng không thể ôm đồm được vấn đề nội trợ, con cái gia đình...; và cũng phải được thông cảm tối đa, phải được đức lang quân cùng họ "sát cánh" những công chuyện nhà cửa v.v... Những người đàn bà Mỹ hiếm hoi con cái cũng vì thế, chạy theo công ăn việc làm đến một lúc tuổi già báo động... và qua ba lăm thì lại nghĩ không nên sinh đẻ

không tốt. Cặp bố mẹ nuôi của Sa cũng thế, cuối cùng họ phải "thuê" một người đàn bà "khấu đẻ" làm cái máy đẻ giùm họ, cho cô ta chừng mười ngàn mang nặng đẻ đau trong chừng chín tháng mười ngày tính ra mỗi giờ chưa bằng một phần của lương tối thiểu, anh nói đùa vậy cho vui nhưng thật tình người ta còn phải bỏ tiền lo giấy tờ cũng mất tất cả vào khoảng hai mươi lăm ngàn là có được một... mụn con do tinh trùng người chồng ham muốn "lên chức bố", nhưng vợ mình "nín đẻ" phải lấy trứng cấy vào thân thể của người đàn bà khác tự nguyện làm cái máy đẻ thuê.

Tôi cười... thật vô duyên với Miên, người con trai mới gặp mà đã nói chuyện như pháo nổ. Đúng tôi là đứa con gái vô duyên và... lắm mồm thì phải. Mới gặp đáng ra thì tôi phải e lệ thẹn thùng mới dễ thương như con gái, phải ngu ngơ lúng túng đặt thật nhiều câu hỏi nếu cần để ngồi lắng nghe chàng biểu diễn trổ tài múa may hùng biện, phải giả vờ ngây thơ... như mình cũng chỉ là cô bé nhỏ nhoi tội nghiệp trước mắt chàng to lớn vững chải thông minh, phải khờ khạo loay hoay xoay tròn ly nước hay chỉ làm gãy vô số cây-tăm-vô-tội trên bàn rồi lẩn thẩn nghịch ngợm sắp xếp lại thành tên mình tên tôi, vì dĩ nhiên không nên sắp xếp tên chàng nếu chỉ mới gặp nhau lần đầu, không thì chàng lại nói mình có vẻ đa tình và... không thực thì nguy to. Và nhất là phải giấu diếm, phải giả vờ vụng về không được lanh lẹ bày ngay cho chàng trò chơi sắp xếp và đố nhau những cây tăm... Phải như thế để chàng thấy chàng thật quan trọng, thật vĩ đại như một... người che chở được người khác, mặc dù tôi biết làm như thế là mình vong thân với chính mình, là một sự tự nhiên đương nhiên với người con gái khác nhưng với tôi thì có thể trái ngược lại, tôi không thích che giấu cảm xúc mình và tôi thích nhanh nhẩu nói ra ngay những giao động, những ý nghĩ vừa qua thật mau của lòng mình.

Lần này tôi cười với Miên vì mấy chữ Miên dùng, Miên nói thật tự nhiên, chữ "máy đẻ" Miên cứ nhắc đi nhắc lại hoài làm tôi cười xót xa chứ không phải cười ngây thơ... "vô số tội". Cũng may là mình đã chưa làm cái máy đẻ, cái máy đẻ cho chính mình trong những ngày bão loạn ấy, nếu có mệnh hệ gì thì không biết tôi có đủ can đảm để từ khước là cái máy đẻ Thượng Đế đã giao phó sứ mệnh đó cho đàn bà mà thôi không? Hay tôi lại phải làm kẻ sát nhân bóp chết đứa con định mệnh của chính máu mủ xương da mình hoà lẫn? Càng nghĩ tôi càng ớn người, đã chẳng có những đứa con gái không may đã phải cưu mang đứa con của tên hải tặc hung tàn hay phá đi cái bào thai vô tội, vô lý trong bụng mình đó sao? Tôi cười nhưng nụ cười của tôi tắt ngấm ngay và tôi nói như khoả lấp:

— Buổi tối ở đây đèn đuốc tưng bừng huy hoàng quá anh

Miên ạ, làm Sa tưởng tượng đến những buổi tối cúp điện như cơm bữa ở quê nhà mình. Điện ở đây, nội đêm sơ sơ Sa cũng có thể nghĩ chắc nước Mỹ xài điện một đêm bằng cả dân nước mình xài điện cả năm.

Thu Miên cười, nụ cười không được tươi sáng lắm. Buổi tối trên đường lái xe đưa tôi về nhà người bảo trợ, tự nhiên tôi thấy hai mắt của Miên sáng như hai tinh cầu rực rỡ cũng bỗng tối buồn lại:

— Ừ, chắc Sa nói đúng. Anh cũng có thể tưởng tượng nếu thất tình chạy lòng vòng đếm từng ngọn đèn đường hay những cột đèn và gọi thất thanh tên của người mình yêu chắc gọi hoài cũng không hết vì nhiều quá, gọi hoài mình cũng chỉ tổ khản hơi thôi phải không Sa? Sa hãy coi anh như một người anh, người anh tinh thần của Sa. Ở đây, đời sống bên ngoài có vẻ tưng bừng và rạng rỡ lắm nhưng ở bên trong cũng lắm ơ hờ và chán chường làm sao đâu. Mai mốt ở lâu Sa sẽ thấy. Anh cũng qua đây một thân một mình, lúc đầu cũng rán sống với người bảo trợ một ít lâu rồi cũng phải tự lập thân. Đời biết ai thương mình Sa ạ. Dù sao thì Sa là con gái, Sa phải rán sống ngoan trong nhà bố mẹ nuôi này, Sa mà như thế nào đó thì họ sẽ tiếp xúc với anh, sẽ đòi đẩy Sa đi và anh sẽ phải kiếm cho Sa một gia đình khác và kiếm một cậu bé hay cô bé khác thế chỗ Sa cho họ. Nhưng mình là người Việt Nam, làm gì mình cũng sợ tai tiếng chung cho cộng đồng người Việt, phải không Sa?

Miên nói, nói nhiều lắm nhưng tai tôi có còn để ý gì nữa đâu. Đầu óc tôi đang trôi lềnh bềnh trong những đám rong rêu của kỷ niệm. Nhớ Việt Nam và gia đình thật nhiều, tôi thấy buổi tối loang ra như những giọt nước mắt đen vĩ đại.

*
* *

*C*on nhỏ đó tên là Trân Sa, nổi tiếng xinh và 'chuyên' làm khổ con trai ở đây", tôi vẫn nghe mấy đứa bạn cùng trường kháo nhau như vậy.

Miên thì bảo tôi có hai mắt đen tròn như những hạt nhãn tàu lay láy ở vườn quê nội của anh ấy. Hôm nay hết so sánh hai mắt tôi với nhãn lồng, Miên nói:

— Hai mắt của Sa như nhận chìm hồn của người nhìn xuống một cõi nào đó, thật mê hoặc... và vì thế nên anh cứ phải như người mộng du mỗi lần gặp Sa về.

Tôi chớm chớp mắt :

— Sao ai cũng nói mắt Sa buồn hết á. Có phải như thế để báo trước một thứ định mệnh buồn rầu đang chờ chực Sa sau lưng trước mặt không anh?

Miên cười, đưa tay hất nhẹ mấy cọng tóc ngây ngô phủ dài

trước trán:

— Sao Sa lại nghĩ vậy? Không phải như Sa nghĩ đâu, thường thì những đôi mắt đẹp phải có vẻ buồn buồn mới hay chứ.

Miên vừa nói vừa nhìn say đắm khuôn mặt của Sa trông nghiêng ảo mỵ , đẹp như một giấc mơ và kiêu kỳ như một nàng công chúa. Nhiều lúc Miên cũng không biết trong cái đầu nhỏ bé của Sa chứa đựng những gì mà lúc nào Sa cũng có vẻ buồn bã vô cùng.

Một lúc khá lâu không ai nói với ai một lời nào, hình như cả hai đang đeo đuổi một ý nghĩ riêng tư nào đó. Một lát sau, Miên nói:

— Còn một hai tuần lễ nữa lễ quốc khánh ở đây, anh đề nghị Sa đi thi hoa hậu áo dài đông phương, thế nào Sa cũng được chấm giải nhất cho mà xem.

Sa chớp chớp hai hàng mi :

— Anh cứ nói vậy, lại còn nhắc đến ngày lễ này nữa, anh làm Sa nhớ nhà muốn chết. Ở Việt Nam bây giờ đến ngày 30-4 "người ta" tổ chức tưng bừng lắm nhưng bà con mình làm sao quên được ngày quốc hận này phải không anh?

Miên gật đầu xúc động :

— Anh không cố ý làm Sa buồn đâu. Anh cũng giống Sa, cứ đến gần khoản thời gian này là anh buồn thấm thía, thế nào rồi mình cũng phải được về lại quê hương chứ Sa.

Sa buồn buồn :

— Vừa rồi đọc báo Sa thấy những người lính viễn chinh Pháp đã chết từ lâu lại còn được mang hài cốt về lại quê hương họ, còn mình vẫn còn sống nhăn răng mà phải lơ ngơ ở đất nước người,thật xót xa phải không anh? Ở đây Sa lại chẳng có ai ngoài anh, ngoài tình yêu duy nhất anh dành cho Sa. Bạn bè thì cũng chả có lấy một đứa thân tình, hình như người mình có vẻ ganh tị nhau từng chút một,từ công ăn việc làm đến từng chiếc xe đẹp, nhà cửa sang trọng. Để làm gì và tại sao,Sa cũng không hiểu, chỉ có điều Sa thấy rõ phi lý nhất là người Việt Nam thiếu tinh thần đoàn kết không như những dân tộc khác. Cha mẹ thì vừa bận rộn đi làm để đuổi theo những cám dỗ vật chất, vừa ơ hờ trong việc tập tành cho con mình nói tiếng mẹ đẻ và một cách nào đó khuyến khích con mình chỉ nhuần một thứ tiếng Mỹ cho lưu loát. Cứ nhìn những người Tàu ở Việt Nam là Sa thấy tủi cho phận nước mình. Cho dẫu họ có làm dân viễn xứ ở nước mình từ đời ông, đời cha đến đời con đời cháu họ vẫn biết viết và nói tiếng Trung hoa, nào tiếng Quang Thoại, Quảng Đông, Triều Châu, v.v..., đó là chưa kể họ còn viết và nói tiếng Việt Nam sành sõi không thua gì người Việt. Mà sao Sa đâm ra dữ dằn quá phải không anh?

Miên hấp háy mắt sau cặp kính cận :

— Nãy giờ anh ngồi yên nghe Sa nói hay lắm chứ. Anh đề nghị Sa làm cô giáo dạy tiếng quốc ngữ cho một lô em tinh thần của anh, mấy đứa nhỏ đó ở nhà của người bảo trợ mới một, hai năm bây giờ đã bắt đầu yếu dần khả năng dùng chữ tiếng mẹ đẻ của mình.

Sa cười nhẹ :

— Hôm nào đó anh đi coi mấy cô thiếu nữ thi hoa hậu Việt Nam trong mục trả lời câu hỏi với các giám khảo thì thấy rõ.

Miên như chợt nhớ điều gì :

— Mấy cô cậu choai choai bây giờ thật chán.

Vừa rồi báo chí Mỹ lại đăng tải nhiều vụ về mấy băng du đãng du thực Việt Nam trong cộng đồng tỵ nạn, trong đó có nhiều cậu dưới tuổi vị thành niên đã vào khám Mỹ.

— Sa có nghe ở Santa Ana mới đây có anh chàng trẻ Việt Nam thắt cổ tự tử trong tù khi chờ ngày ra toà xét xử bản án rõ rệt hơn. Anh chàng này không biết có phải vì sợ toà tuyên án tù chung thân khổ sai lâu năm mà tự tử hay vì quá hối hận và chán chường, trước khi chết anh ta viết tên cô bồ tên Lan Anh gì đó trên tay với câu tỏ tình mùi mẫn "anh yêu em", nghe giống tiểu thuyết nhưng chuyện thật à nha.

Miên chợt nhìn Sa say, hai mắt chàng hốt dưng buồn và cô đơn như những giọt rượu nhỏ còn sót lại ở đáy cốc.

— Không biết mai mốt Sa bỏ anh thì anh sẽ sống ra sao?

Sa có vẻ mơ màng :

— Nếu Sa bỏ anh để lấy một người nào đó thì anh sẽ buồn lắm phải không? Nhưng nếu mình phải xa nhau vì một ý nghĩa nào khác cao đẹp hơn... thì chắc lúc đó anh sẽ thấy Sa lúc nào cũng dễ thương hoài, anh nhỉ?

— Sa vẫn còn muốn đi tu ?

Hai tai Miên đã bắt đầu lùng bùng không còn nghe thấy rõ:

— Ngày xưa... những ngày vào ở nội trú một tuần được người nhà lên đón về một lần vào cuối tuần, Sa vẫn thấy các chị nhà tập, mấy bà soeurs dễ mến và đòi gia đình cho đi tu hoài nhưng ở nhà cứ nhất định giữ Sa lại vì hồi đó Sa quá nhỏ. Có thể ở nhà sợ Sa khổ vì Sa ốm yếu hoặc sợ ơn Thiên Triệu chưa thực sự nổ lớn trong lòng Sa, nhưng Sa biết con đường mình ao ước sẽ đi qua. Bây giờ Sa lớn rồi, Sa gặp anh nên Sa phải có một sự chọn lựa dứt khoát. Có chọn lựa dứt khoát, là có đau khổ có mất mát nhưng Sa tin rằng Sa sẽ lấy lại bình an sau đó. Sa sẽ cầu nguyện cho anh, cho mọi người thân thương của Sa, cho Việt Nam... Anh không thấy đời Sa lúc đó trôi xuôi an lành và thánh thiện hơn sao?

*
* *

Vậy là đời sống của tôi lại bắt đầu chuyển qua một khúc quanh mới. Những ngày, những tháng đi theo đoàn người chí nguyện để săn sóc từng em bé vàng võ, èo ọt trong những viện mồ côi ở một miền hẻo lánh Ấn Độ, tôi đã có cảm tưởng như mình đang mò mẫm trên con đường đi có gót chân linh thánh của "Mẹ Teresa", người đã đoạt giải Nobel hoà bình thế giới năm nào. Rồi qua những ngày phục vụ tại trại tị nạn, tôi thấy như được khơi động lại chính hình ảnh của riêng mình đã sống, đã khóc cười với những người bạn Việt Nam nơi đó. Tất cả như có một mãnh lực thu hút tôi vào những ước mơ trong sáng nhất — Những ước mơ không có trong xa hoa, trong giả tạo hay trong những cuốn hút đam mê của tình yêu mà tôi đã chối bỏ trốn tránh để chọn nơi mình đang đi như một tình nguyện cô đơn.

... Và bây giờ, những lúc ở nhà nguyện trở về, tôi vẫn có những buổi tối loay hoay chạy trốn hình ảnh cuối cùng của Miên với hai mắt buồn trong những vòng tròn khói thuốc lãng đãng và mong manh , đôi mắt hơn bao giờ hết lại chợt hiện về trong tâm tưởng như những xót xa hờn tủi. Tự nhiên rồi tôi muốn viết một điều gì đó, một bài thơ nhỏ "Nơi Em Ở" vọng từ những cõi hun hút sâu kín nhất của hồn mình như thể trong tôi vẫn còn nhiều lãng mạn không thể ngồi yên mãi trong dòng tu kín:

"Hãy vào đó mà tìm Em
Nơi em ở
Không phải là ốc đảo hoang vu không người qua lại.
Cũng không phải
Là thành phố rộn ràng đông người sớm mai
Hãy vào đó mà tìm Em.
Nơi Em ở
Không phải là căn nhà trắng với hàng bông giấy đỏ.
Cũng không phải
Là túp lều dã chiến đã dựng lên vội vàng bỏ ngỏ
Hãy vào đó mà tìm Em.
Dù xa xăm ngàn lối
Hãy vào đó mà tìm Em
Dẫu tình xưa đã lỗi
Và khi con đường dẫn đến nhà Em chợt lạ lùng quá đỗi.
Hỡi anh, hãy vào đó mà tìm Em
Khi mưa đã dứt những đường răng nở trắng hay những thoáng chóc làm ngại ngùng đêm tối
Thì cũng vào đó mà tìm Em
Nơi Em ở
Không phải là đỉnh cao với trăm đường gió lộng
Cũng không phải

Là vực thẳm buồn với thâm u ảo mộng
Em đã bảo và anh cũng hơn một lần đứng hỏi giữa trời không
Con đường nào dẫn đến nơi Em ở
Hay con đường nào dẫn đến đường tim Em
Thì hãy vào đó mà tìm Em
Dẫu môi Em đã biến thành thạch tím
Hãy vào đó mà tìm Em
Dù nắng thiên đường có vỡ thành tơ phím
Và khi con đường dẫn đến nhà Em chiều bỗng xuống lặng im
Hãy vào đó và tìm Em, hỡi Anh!
Nơi Em ở
Không phải là cung điện nguy nga với triều thần đứng mừng
Em trên ngai vàng nữ sắc
Cũng không phải
Là khu rừng xinh xắn của nàng công chúa chợt choàng thức dậy
Hãy vào đó mà tìm Em
Nơi Em ở
Không phải là mộ tối với trăng tàn lá đổ
Cũng không phải
Là nhà tù lứa đôi với tình sầu thiên cổ
Hãy vào đó mà tìm Em
Dẫu hanh vàng nắng cuối
Hãy vào đó mà tìm Em
Dù tình yêu mê muội
Và khi con đường dẫn đến nhà Em chuông giáo đường đã rung lên từng hồi bối rối.
Bởi thiên đàng ở đâu
Nếu không phải
Là ở trong nỗi hạnh ngộ của hai ta mãi mãi."

Phút giây tôi bỗng thấy mình yếu mềm đi, nhưng hình như niềm mong mỏi và nối tiếc đời để trở về lại với ngày tháng vu vơ cũng không còn dội lên thầm lặng trong tôi như những ngày mới đến đây.

Bà mẹ bề trên Bernadette cho người đến gọi tôi vào văn phòng có chuyện gì. Vừa thoáng thấy tôi ở cửa, soeur Bernadette nói ngay:

— Có phải con có người anh bà con tên Thu Miên không, anh ấy vừa gọi con xong nghe nói để nhắn gì về tin gia đình của con ở Việt Nam. Đây là số "phone" mới, anh ta muốn con gọi lại ngay cho anh ta. Nếu cần thì con gọi liền bây giờ cũng được.

Tôi hơi váng vất nhưng vội giấu ngay thái độ lúng túng của mình trước đôi mắt hiền từ nhưng có vẻ sâu sắc, tinh ý của bà mẹ

bề trên.

Tôi vừa cúi đầu định chào soeur Bernadette và định trả lời một câu gì đó nhưng môi tôi tự nhiên biến thành thạch cứng lúc nào không hay.

Một lát thì soeur Bernadette bỗng đưa tay chỉ chiếc ghế gần đó.:

— Con ngồi xuống đó đi, Mẹ có chuyện cần nói với con. Thật tình lúc nãy Mẹ chỉ muốn dò xem thái độ của con ra sao thôi. Hình như con có điều gì lúng túng muốn nói với Mẹ thì cứ nói, con đừng ngại gì cả vì Mẹ lúc nào cũng sẵn sàng thông cảm với con.

Tự nhiên tôi vụt nói nhanh :

— Thu Miên không phải là anh bà con của con. Anh ấy là người... yêu cũ của con nhưng...

Bà soeur Bernadette đột nhiên cắt ngang :

— Con ngoan lắm, con đã không nói dối Mẹ. Đó là điều Mẹ muốn nghe vì thật ra thì Mẹ đã biết hết rồi.

Vừa nói, soeur Bernadette vừa đẩy tay mở hộc ngăn kéo gần đó lấy ra một chồng thư dày. Nhìn bì thư màu trắng nho nhỏ với nét bút ngỗ như mơ hồ lãng đãng, bay bướm nhưng thân quen trên tay soeur Bernadette là tôi nhận ra ngay tác giả của chồng thư này là ai rồi:

— Đây chồng thư này Mẹ đưa cho con, con đọc đi và chọn lựa con đường con muốn đi. Dĩ nhiên sớm muộn gì thì con cũng đi qua giai đoạn thử thách này, con phải xét kỹ xem lòng con muốn gì. Lý do Mẹ giữ chồng thư này lâu nay không đưa vội cho con không hẳn vì Mẹ muốn giúp con quên hẳn mối tình đầu này nhưng Mẹ thấy con không có vẻ gì là đến đây với Mẹ để tìm quên. Con đã tỏ ra rất gương mẫu trong mọi hành động, và điểm đặc biệt Mẹ thấy rõ bây giờ là con rất thành thực với Mẹ. Điều này, chứng tỏ là con đã tự làm quyết định dứt khoát cho riêng con nên con chẳng còn gì để che giấu Mẹ. Bây giờ là thời gian con có thể trở về đời một ít lâu để trắc nghiệm lại lòng mình lần cuối trước khi nhận lãnh con đường con sẽ vĩnh viễn vui sống.

Soeur Bernadette vừa nói vừa trao tận tay chồng thư dày của Miên cho tôi.

Tôi bỗng chớp mắt rất nhẹ và một thoáng cảm động về người đàn ông đã yêu tôi thật đầy lòng, thật dài lâu. Nhưng tôi biết mình sẽ không khóc được, dù biết đâu những giọt lệ nhỏ lần cuối cùng sẽ giúp tôi xoá tan hình ảnh của Miên trong tưởng nhớ một cách nào đó.

Rồi tất cả bỗng chao lượn, tình yêu như có đôi cánh nhỏ tự ý chấp cánh bay cao xa tít, như những cánh chim trắng trong buổi hoàng hôn vừa xuống, quạnh hiu...

Nguyễn Thị Thanh Bình

Huỳnh Liễu Ngạn

Vòng hoa cho Hư vô

1

(Có cơn mưa móc nào rớt xuống trong lòng tôi
buổi chiều tháng Tư
có hư vô trôi qua mười năm trên dòng cuồng lưu bất tận
Có người ly hương gảy khúc đàn dạo bên bờ con sông
thời gian im tiếng
Gửi một ánh trăng rằm lên nửa cuộc đời phiêu bạc giang hồ
đành đoạn ra đi
Còn ai để nói lời chia tay để nghe hương cau đầu xóm
ngây ngất mùa thu
Hay vĩnh ly bóng nhạn cơ cầu mái tranh đơn chiếc
Mẹ ơi mẹ ơi
Khóm lau bờ sậy nương rẫy khói chiều con xa quê quán
Buổi sáng mơ hồ lưu đầy tức tưởi
Mẹ ơi con xa quê nhà năm này năm khác
Xin gửi cho con liếp chái sân sau vườn khuya tiếng cú
Nhắc nhở cho con bóng đêm mưa đổ dột chái hiên nhà
Bởi Mẹ biết rằng
Đời chẳng hơn gì một tiếng kêu thương).

2

Ngày mai xôn xao trong tâm tưởng người về
Này em
Có ai theo đó mà bông mười giờ đã nở
Này tháng giêng tháng chạp
Có tháng nào cho ta được tịch lặng
khỏi những triền phược đắn đo.

3

Chợt nghe tiếng lá rơi ngoài ngõ
Hay vẫn là hư vô
lảng vảng
trên con đường hoa lựu ngày xưa
lại đem tới
gửi gắm
đôi lời ray rứt
phiền muộn như mỗi ngày trôi qua
mải mê làm quên đi thực tại
u buồn cũng vừa ập đến thiết tha.

4

(Có cơn giông gió nào đổ xuống trong lòng tôi
Buổi chiều tháng Tư
Có em tiễn anh ra tận phương trời mây sa xuống thấp
Có em tiễn anh
tiễn anh
bóng lá xương khô bên xóm đợi chờ
Hò ơi vắng tiếng lục bình tấp bụi bờ mô
Phương em đò ngang vắng khách
Đò dọc vắng người
Chợ chiều vắng tiếng
Còn nghe tiếng khóc canh thâu vút qua khe chái
Nhức nhối trăm bề gừng cay muối mặn
Hò ơi
Khi đi Mẹ có dặn rằng...)

5

Hôm nay
Mấy kẻ lãng du chợt nghĩ
Một mảnh hồn vừa dạt đâu đây
Ai mang lòng trắc ẩn
để quên đi sự sống đã quá màu mè.

Ngu Yên

Đôi chim Mai Hoa.

Tôi, ngày và mặt trời
Cả ba tỉnh giấc nhìn mưa rơi
Mưa thức suốt đêm rồi.

Sớm chủ nhật, nằm lười trong mền, đốt một điếu thuốc, nhìn ra cửa sổ. Màu trời xám. Mưa trắng xoá. Gió từng đợt tạt mưa vào mặt gương vang lên những trận kêu náo nhiệt. Đêm qua, tôi vừa thức vừa ngủ, trằn trọc, mơ màng, khi mê khi tỉnh. Những lần như vậy, tôi biết ngay, đó là triệu chứng của một cái gì bất ổn.

Những giọt mưa thẳng chôn xuống đất
Những giọt mưa nghiêng gõ cửa gương
Mắt nhìn nước vẫy
Tai nghe gọi
Bỗng chạm đáy hồn vọng thê lương.

Hiểu ra :
Tiếng nước trên gương cửa
Phù phiếm chưa bằng nhịp máu tim
Biết ra :
Giọt nước vào cát bụi
Mặt đất trăm năm vẫn im lìm.

Những đời rơi thẳng vào tịch mịch
Những sống rơi nghiêng thành tiếng vang
Giọt nước về đâu khi mưa tạnh
Hay thoáng phiêu du rồi ngỡ ngàng ?

Hình như, chỉ chờ khi cảm giác bất ổn làm cho tinh thần yếu ớt, tức thì những cảm nghĩ bi quan chồm lên, nhận chìm tôi vào chán nản, yếm thế. Tôi vùng vẫy, chống trả bằng cách tìm hiểu, cái gì bất ổn? Đốt điếu thuốc thứ tư, rồi đốt điếu thuốc thứ năm. Chịu,

cái gì đó linh cảm mơ hồ quá.

Ngoài hiên, một con chim sẻ đậu trú mưa, xù lông, rụt cổ, đứng im lặng. Tôi quan sát con sẻ. Nó hầu như bất động đã khá lâu. Có lẽ, nó đã chớm già vì toàn thân lông màu nâu. Lại điểm một ít trắng ở trên đầu Ai cũng biết chim sẻ già không bạc lông nhưng tôi vẫn muốn giữ nguyên cảm tưởng đầu tiên chợt thoáng qua như vậy. Trên đời, có thứ gì là không thể xảy ra?

Con sẻ già nhác cánh
Nếu mưa kéo dài mãi mươi ngày
Bạc lông, còn muốn bay ?

Lông bạc. Lông trắng. Đúng rồi, tôi sực nhớ lại đôi chim Mai Hoa treo ngoài phòng ăn. Đích thị rồi. Không chừng đây đúng là điều bất ổn đã làm tôi mất ngủ đêm qua.

Chồm dậy vội vã ra ngoài xem đôi chim. Đúng như đã nghĩ. Đôi chim này đã sống với chúng tôi gần một năm nay. Thường ngày, trước khi đi làm, tôi vẫn thay nước, châm thức ăn và huýt gió trò chuyện với chúng. Chiều về, sau bữa cơm, tôi thường kề miệng gần lồng chim, huýt cho chúng nghe một đoạn nhạc mà tôi ưa thích. Mới đầu, đôi chim sợ hãi bay nhảy tứ tung rồi dần dà làm quen, lắng nghe, tỏ vẻ chào đón những âm điệu rừng núi dồn dập của "Sơn nữ ca". Hai đứa con nhỏ phục tôi sát đất vì ba của chúng biết nói chuyện với chim.

— Ba ơi, ba đang nói gì với chim vậy ?
— Ba đang kể chuyện trên rừng.
— Ba mét cho tụi nó biết tên của con được không?
— Ừ, huýt chuýt chuýt.
— Tên con nữa.
— Huýt chù chù.
— Ba bày cho con nói chuyện với chim đi ba.
— Ừ.

Ngày nào, hai đứa con của tôi cũng chu miệng tập huýt sáo. Chúng thổi phì phì chưa thành tiếng. Những khi lỡ phun cả nước miếng ra ngoài, chúng chọc nhau, cười nắt nẻ. Vợ chồng chúng tôi nhìn nhau, lòng sung sướng không thể tả. Hạnh phúc có khi thật đắc đỏ, có khi thật rẻ rề. Mỗi con chim chỉ đáng giá bốn đồng chín mươi chín xu.

Nghe nói hạnh phúc là... Nghe nói hạnh phúc thì...
Tưởng tượng : Hạnh phúc thật lạ kỳ.

Cảm nghiệm : Hạnh phúc như giày dép
Lót đời an ủi bước chân đi
Đến khi nhắm mắt

Cởi giày dép
Hạnh phúc còn gì lúc phân ly ?

Trong chiếc lồng nhỏ hẹp, tôi hầu như quen thuộc những cách nhảy chuyền cành, cách mài mỏ vào nang mực, cách uống nước, cách bóc hạt ăn lõi, cách đập mái của chúng, huống hồ chi bộ lông. Đúng như tôi nghĩ. Con chim mái của tôi có bộ lông xám, mắt viền vàng, mỏ và chân màu hồng cam. Con chim mái này cũng rất giống nhưng có thêm hai đóm trắng ở giữa cổ.

Chiều hôm qua, tôi đã cảm thấy có gì hơi khác. Đôi chim không rủ rê nhau nghễnh tai nghe điệu sáo quen thuộc hoặc chuyền qua chuyền lại, hót lên vài tiếng chia sẻ. Đáng lẽ, tôi phải thấy ngay bộ dạng nhớn nhác, sợ hãi của con chim mái. Đáng lẽ, tôi phải biết ngay sự im lặng ủ rủ của con chim trống. Đáng lẽ, tôi phải hiểu ra nét mặt khác thường và cử chỉ bối rối của vợ tôi.

Tôi hiểu vì sao nàng không muốn nói cho tôi biết. Hôm ấy, vô tình đi ngang qua một tiệm bán thú vật. Thấy những con chim Mai Hoa để giá đặc biệt: bốn đồng chín chín thay vì mười đồng mỗi con. Chúng tôi lựa hai con và một chiếc lồng nhỏ, vừa để làm quà cho hai đứa con, vừa để kỷ niệm ngày này, cách đây mười hai năm chúng tôi thành vợ chồng.

Đôi chim này luyến ái nhau quá sức. Bị nhốt trong chiếc lồng hẹp, xa cách đồng loại, chúng chỉ còn có nhau. Xoắn xít vào nhau để chia sẻ vui buồn, có lẽ như vậy. Vợ chồng tôi thường theo dõi đôi chim đùa giỡn tình tự mà vui lây. Nhiều lúc, tôi bắt chước con chim trống rỉa mỏ con chim mái. Hót vu vơ rồi bất ngờ vỗ lấy nàng thọc lét. Khi có người lạ mặt nhìn vào lồng đe dọa, chúng nép sát vào nhau. Khi buồn bã, chúng cạ đầu. Khi vui mừng, chúng hồn nhiên nhảy nhót. Hạnh phúc của chúng trở thành hình ảnh hạnh phúc của chúng tôi. Tôi hiểu được, nếu một con chim sổ lồng hoặc chết đi, nàng sẽ cảm sợ vu vơ. Linh cảm của người đàn bà rất bén nhạy, nhất là dính líu đến những chuyện tình ái.

Tôi quyết định sẽ giả lơ làm như không biết. Tôi sẽ không nói gì, làm gì để nàng có thể nghi ngờ tôi đã khám phá chuyện con chim. Tâm hồn nàng mong manh và yếu đuối. Một bóng chim nhỏ bé cũng có thể che đời nàng thêm âm u. Tôi nhất định sẽ giả lơ. Một mai, khi quen mặt, đôi chim sẽ tình tự bình thường. Rồi con chim mái sẽ biết hót hoà theo "Sơn nữ ca". Mọi việc sẽ qua đi. Nghĩ như vậy, tôi cảm thấy thoải mái và khoan khoái.

Rón rén trở vào giường nằm. Ngày chủ nhật còn quá sớm. Tôi không muốn để nàng thức dậy thấy tôi đứng trước lồng chim. Thật ra, chỉ cần nàng nhổ đi hoặc cắt mất hai đóm trắng nhỏ trên cổ chim thì thật khó cho tôi phân biệt giữa con mới và con cũ. Cuộc đời nhiều khi rất tinh vi, gài một chút sơ sót như vậy.

Bất chợt, tôi giật mình. Toàn thân nóng ran. Không lẽ một con chim lại có thể là điều bất ổn hay sao? Mất một con chim nhỏ làm sao có thể khuấy động linh cảm khiến tôi khó ngủ cả đêm? Những ý nghĩ dấy lên xôn xao. Tôi khó chịu trở mình qua lại. Hay con chim chỉ là một điềm báo trước cho việc gì ghê gớm sắp xảy ra? Nhổm đầu định ngồi dậy. Tôi muốn thoát ra trạng thái xáo động, lấy lại sự tỉnh nhưng kịp giữ mình nằm im vì tự cảm thấy lố bịch. Tôi trở mình qua lại, tìm một thế nằm cho đỡ bớt khó chịu.

Tôi làm vợ tôi thức dậy. Nàng choàng một tay lên người tôi, bật giọng hốt hoảng:

— Người anh nóng quá.

Nàng tung mền, ngồi lên, sờ tay lên trán tôi.

— Anh bị sốt rồi. Để em đi lấy thuốc hạ sốt.

Nàng vội vã xuống giường. Đi ra phòng ăn.

Có lẽ tôi đã nhuốm bệnh. Lấy tay tự sờ lên trán, trong ngực. Cảm giác hơi nóng. Hơi nóng thì chưa phải sốt. Nếu tay tôi đã nóng, sờ vào người đang nóng thì hơi nóng có nghĩa là nóng lắm. Hoặc tôi bị sốt là vì tay nàng lạnh. Có lẽ tôi muốn bệnh thật vì cảm cúm thường làm người ta khó ngủ, khó chịu, không bình thường, bất ổn. Mười hai năm nay tôi chưa hề bị cảm. Tôi ghét bệnh. Bệnh không làm gì được. Tôi còn nhiều việc phải làm.

Dễ gì anh nhuốm bệnh
Dễ gì anh ốm đau
Chẳng qua hơi khó chịu, mệt mỏi, nhức đầu
Bất ổn trong người đã chắc gì cảm cúm
Không chừng vì sống đã quá lâu.

Đừng lo lắng nhiều
Anh sẽ không sao
Chẳng qua nhiệt độ lên hơi cao
Nóng lạnh bất thường sao gọi là nhiễm bệnh
Không chừng vì bốc nhiệt chiêm bao.

Anh không uống thuốc, không xức dầu, không ngủ riêng
Bệnh sầu chỉ đợi mỗi thuốc tiên
Chữa tận căn nguyên sinh chán nản
Mới khỏi thăng trầm thắng bại vẫn tự nhiên.

Nằm nghĩ làng chàng mất thời giờ
Chóng mặt nhìn đời hư ảo như mơ
Để anh ra chống trời dù nản lòng chết đứng
Rồi sống mơ hồ khi lãng đãng bên thơ.

Tôi đi ra ngoài phòng ăn. Mặc cho vợ tôi nói thế nào cũng không chịu uống thuốc, không chịu xức dầu, không chịu vào nằm

nghỉ. Ngồi bó gối trên ghế. Lòng khá thoải mái. Tôi đã tìm ra cái nguyên do sinh ra sự bất ổn. Tôi nghĩ như vậy. Sáng chủ nhật đã gần tám giờ.

— Em à, cho anh ly cà phê. Làm sẵn ăn sáng cho con. Tụi nó cũng sắp dậy rồi.

— Dạ, anh ăn sáng luôn không ?

— Không. . Mới đó mà tết đã được hai tuần rồi.

— Anh à, nghe nói đầu năm mà có điềm xấu thì cả năm xui xẻo lắm phải không? Năm nay, năm tuổi của anh, anh phải coi chừng đó.

Nàng thật tội nghiệp. Mất con chim mái đâu phải con chim trống. Chuyện xui xẻo nếu có sẽ xảy ra cho nàng. Hay một người nhút nhát, đa cảm, tin dị đoan như nàng lại can đảm chấp nhận điềm xấu để tôi được bình yên. Tôi chợt cảm ra hình ảnh người vợ đuối sức bấu lấy vai chồng bơi qua dòng sông nước lũ trong truyện "Anh phải sống" của Khái Hưng. Sức nàng yếu dần. Bờ sông vẫn còn xa. Dòng nước vẫn chảy xiết, ác nghiệt đẩy lui, nhận chìm sức cố gắng vùng vẫy của chồng nàng. Mắt nàng mờ dần, sợ hãi nhìn ra những đứa con côi cút, mai này không cha không mẹ. Những đứa con thơ dại khóc lóc, kinh hoàng, đau đớn bên xác mẹ cha tím bầm, trương nước. Có một người phải sống. Tay nàng lỏng dần, tuột khỏi vai chồng. Nước thịnh nộ dâng lên. Nàng chỉ kịp thấy người chồng quay lại, chới với, kêu gào, cố chụp lấy tay nàng nhưng sóng nước đã chen vào giữa, xô đôi bàn tay ra xa từng khoảng ngắn tuyệt vọng, từng khoảnh khắc xa xôi. Tôi rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Tình thương quả thật là kỳ lạ.

Tôi thật là lẩn thẩn. Cái gì xui tôi nghe đến chuyện vớ vẩn như thế này? Tôi cố gắng lý luận để tự mang mình ra khỏi âm khí của linh cảm dị đoan. Óc tưởng tượng hoang đường khi tâm tư ủy mị không mấy khác một tâm hồn chắc phát trước niềm tin mê tín. Bất chợt, tâm trí tôi sáng ra. Đúng là con chim mái đã chết. Nàng không bao giờ để nó sổ lồng bay xa tôi. Tôi chợt khựng lại vì kịp phác giác mình sắp tưởng tượng một chuyện thương tâm khác.

— Xui gì mà xui. Tết năm ngoái, nhà anh Hiển chết con chó vậy mà đâu có gì xấu. Vợ ảnh còn thoát tai nạn tông xe. Con ảnh lại được học bổng vào đại học. Người ta nói, mất của thế mạng, vật đi thế người. Trong nhà có súc vật chết là điềm hên đó.

Vừa nói vừa cúi xuống tìm bao thuốc. Tôi biết nàng đang nhìn vào mặt tôi. Miệng tôi tuy nói trơn tru nhưng ánh mắt tôi chắc chắn ngập ngừng. Nàng sẽ biết tôi nói thật lòng hay không khi nhìn ra ánh mắt ấy.

Khi tôi ngẩng lên, giả bộ lim dim đôi mắt, thở phào hơi khói đang nghẹt trong buồng phổi. Bên ngoài, mặc dù mưa đã tạnh

nhưng bầu trời vẫn phủ màu u ám.

Khi còn bé
Tập viết chính tả
Học đánh vần hai chữ "Tình thương"
Thuộc ý nghĩa
Trả bài theo thầy dạy
Tan học về
Chữ bỏ lại sân trường.

Mấy mươi năm trong đời khôn lớn
Chữ "Tình thương" gặp biết bao lần
Nói đúng giọng
Viết không sai nét
Quá quen rồi lòng không chút phân vân.

Chợt có hôm
Nhìn lui dĩ vãng
Nhìn xung quanh hiện tại tương lai
Chữ "Tình thương" bỗng nhiên khó hiểu
Mơ hồ như ngoài nghĩa đúng sai.

Chữ "Tình thương"
Đời vang trong lời nói
Đời tràn đầy trang sử sách văn thơ
Đời trao đổi trên cán cân tình cảm
Đời hàm hồ trong xử thế mập mờ.

Mấy mươi năm chữ "Tình thương" gặp gỡ
Chết lạnh vẫn khi ý đã vô tình
Hôm nay gặp
Chợt cả người rúng động
Đưa tay sờ
Chữ nóng hổi giật mình.

NGU YÊN

Xuân Vũ-Lê Mỹ Hương

Phạm Duy muốn nói gì với những trai gái của thế kỷ 21 qua 10 bài Tâm Ca mới mang tên "RONG CA"

Trích Phần 5 : Phạm Duy, Nhà Tư Tưởng
trong quyển NỬA THẾ KỶ PHẠM DUY

Thật là sung sướng cho mỗi người trong chúng ta khi đọc hay nghe NGÀN LỜI CA của Phạm Duy. Tưởng đâu một ngàn lời ca đã là một cống hiến hiếm có trong văn học nghệ thuật Việt Nam, dừng lại ở con số ngàn. Nhưng không, ngàn chưa chịu chẵn mà ngàn "lẻ"... 10. Trong vòng có mấy tuần lễ, Phạm Duy đã viết 10 ca khúc, trước tiên định đặt tên là "lão ca", nhưng rồi sau đó cụ Phạm không chịu nhận cái già nên đổi là RONG CA! Ả, ra cái con dế hát rong ngày nào ở Việt Nam ta quen nghe tiếng gáy ở mô rạ đồng quê nay đã xây tổ ở cái "bệ phóng" Thị Trấn Giữa Đàng, vẫn còn đi hát rong khắp địa cầu và lại có thêm 10 tiếng hát to, hát nhỏ mới mẻ cho người đời.

Phạm Duy là một người có một nếp suy nghĩ kỳ lạ, chuyện to bằng trời anh chỉ nắm trong tay (ta chào trái đất xinh xinh -- như hòn bi -- giữa trời), vật nhỏ li ti lại hoá nó thành mênh mông sâu thẳm (giọt mưa trên lá), chuyện nghiêm chỉnh của những tay cà vạt cổ cồn anh lại khinh thị chửi thẳng (đ.m. mày là ba thằng tướng cướp, vì sợ nhau nên chia nhau địa cầu), cây cỏ vô danh anh biến thành ý nhị có linh hồn (cỏ hồng, lá rụng đường chiều...), cái chết đáng sợ cho mọi người thì anh cho là cái chết mặn mà, đậm đà v.v... Ngót 70, Phạm Duy đang ở hoàng hôn của cuộc đời mình, nhưng anh không chịu "chạng vạng" như cụ Phan Khôi than thở:

Tiếc đời gần chạng vạng
Nắng được thì cứ nắng...

Cụ Phạm Duy thì lại cho rằng nắng chiều là nắng đẹp nhất, đẹp hơn cả nắng bình minh như mọi người thường nghĩ. Có phải chăng vì vậy mà trong nhạc phẩm của anh có rất nhiều bài về "chiều"; CHIỀU VỀ TRÊN SÔNG, LÁ RỤNG ĐƯỜNG CHIỀU – đặc sắc nhất là bài NƯƠNG CHIỀU, một bài hát mô tả miền sơn cước bất hủ -- và rất nhiều tình tiết khác về "chiều", Phạm Duy đã nhìn thấy nắng chiều là huy hoàng nhất. Cuộc đời con người cũng thế, tuổi già là tuổi chẳng những đáng kính nhất mà là còn quý báu nhất, vì nó kết tinh biết bao chuyện trong một ngày đời, thời khắc giao hoà giữa Âm và Dương mà nắng sớm, nắng trưa không có.

Quả thật, sau khi đọc lời ca của 10 ca khúc trong RONG CA, tôi thấy cái nắng chiều Phạm Duy thật là rực rỡ. Tuổi già nói về tuổi trẻ đầy đủ và sâu sắc hơn cả tuổi trẻ tự nói về mình. Trong nghệ thuật cũng vậy. Ở trong những khúc ca rong của con dế hát rong này, ta thấy một người đàn ông đã sống một ngàn năm tục lụy nay thoát phàm, đứng trên mây nhìn xuống chúng sinh, nhưng đồng thời ta cũng thấy một con người bình thường ham sống, đã già rồi mà vẫn còn muốn trẻ lại, đã chết rồi mà còn muốn hoá sinh trở lại kiếp người. Để làm chi ? -- Để yêu!!!

Phạm Duy : Tình Yêu.

Không phải tình yêu đôi lứa mà thôi, mà còn là tình yêu con người, tình yêu Tổ Quốc, tình yêu cái Đẹp, cái Thực, cái Lành, tình yêu đối với cả ngọn cỏ vô danh trong vườn. Tình yêu của Phạm Duy 70 vẫn nồng nàn như Tình yêu của Phạm Duy 20-30, nhưng nó thoát tục hơn. CỎ HỒNG không giống như HOÁ SINH. Ở CỎ HỒNG, độ nồng làm cho cỏ xanh rực hồng, ở HÓA SINH thì:

Người tình (già) còn nhớ tuổi son
Cúi xuống hôn bông hoa thật gần
Nghe suối vẫn reo trong hang rì rầm
Người tưởng nghe tiếng em thì thầm...

Tình yêu vẫn được Phạm Duy đặt ở trên cao (đồi và núi) nhưng ở CỎ HỒNG thì người tình trẻ:

Mời em rũ áo nơi đô thành !
... Giương đôi tay ôm thân tròn ơn mưa móc,
... Mơn man làn tóc rối mềm.
... Đồi choáng váng, rồi run lên
... Rồi vươn lên vì ta yêu nàng !

Còn ở HOÁ SINH thì người tình già :

... Tuyết đã tan trên vai mỏi mòn

Giữa đám mây xanh xao chập chờn
Nhìn mặt trời thoi thóp hoàng hôn
... Xuống lũng sâu, leo qua ngọn đèo,
Về một miền phơn phớt cỏ cao.

để rồi :

... xuống núi vui chơi.
Rồi lại từng thế kỷ sau
Cứ hoá sinh... theo !

Ta thấy ở Phạm Duy một ông tiên, một nhà tu hành, một triết nhân ngẫm nghĩ và ước muốn về cuộc tình đã qua:

Người trở thành cây mùa Đông
Lá úa rơi vun cao cội nguồn
Nhưng cuối bước đi trăm năm một lần
Đầu cành khô bỗng hoa nở tràn.
... Người tình (già) vào cuộc tử sinh
Sống chết lung... linh !
Thành người tình trẻ ngây
Sẽ đứng lên mê say từng ngày
Cất bước Xuân đi...

và :

... hẹn với người tình leo thế kỷ chơi !

*
* *

Người tình già ở đầu non kia bỗng trẻ lại như cành khô bỗng có hoa nở tàn. Người Tình xuống núi chơi, rồi hẹn sẽ về thăm...

... Hẹn em nhé ! Năm 2000 sẽ
Hai bên cửa hé, cho anh trở về
Từ ngày đi, theo cuộc tỉnh mê
Trăm năm nhỏ bé, trăm năm bộn bề.
Hẹn em nhé !
Kể chuyện nghe, những thoáng chia ly,
... Ngày xưa đó, chia tay vội vã
Trăm năm rộn rã, say sưa một mùa.
Nào ngờ đây, trong cuộc được thua,
Trăm năm vật vã, trăm năm hận thù...
Ngày cũ đã qua rồi, nhưng còn ngày tới ?
... Hẹn nhau sẽ nâng niu ngày tới,
Năm 2000 với trăm năm thật dài.
Được gọi tên : thế kỷ nào đây ?
Trăm năm tình ái hay trăm ngậm ngùi ?

Hỏi em nhé :
Cuộc tình ta mãi mãi đơn côi ?
Hay cuộc tình đôi mãi mãi yên vui !

Dự đoán của nghệ sĩ là tới năm 2000, **hai bên cửa hé cho anh trở về** nhưng trước khi về, anh phải hỏi em một câu và xin em trả lời. Anh tin em, anh tin rằng cuộc được thua sẽ không còn là chuyện nặng tim đau đầu nữa, nhưng xin em cho biết hai **cánh cửa hé** của em có phải thật là **hé mở cho tình yêu không**? Anh chỉ về để yêu em chứ không để hận thù. Sau những **thoáng chia ly** mà đời anh đã chịu, để sống cả một **thời tìm tự do, tóc mau ngả, tim sớm già**... anh mong hai cánh cửa hé mở đó là cửa Tình Yêu, chứ đừng là cửa gì khác, Phạm Duy, như đã nói ở trên, có phép tóm thâu vũ trụ vào trong một giọt mưa, bây giờ đã nhìn thấy tương lai rập rờn đâu đó, cửa hai bên mở hé vào năm 2000. Lịch sử vào năm đó là hai cánh cửa hé. Cái tương lai có lẽ là tươi sáng này rất phức tạp đã được Phạm Duy gom đặt vào chỉ ở hai cánh cửa hé. Chữ **hé** trong ngôn ngữ Việt Nam thật hay và ý nhị vô cùng, ở đây lại càng ý nhị.

*
* *

Phạm Duy cũng mô tả thế kỷ này qua một ca khúc: MỘ PHẦN THẾ KỶ. Một vật vô hình (thế kỷ) được nhà nghệ sĩ vẽ nó ra thành vật hữu hình (nấm mộ). Ta hãy đọc suốt bài ca đó như sau:

Người đi trong mùa Đông
Lòng bâng khuâng như làn sương,
Theo người phu đi dọn xác chiến trường.
Người phu sau thời gian
Một trăm năm đã gần xong,
Anh bình tâm đi lượm xác trên đường.
Những xác úa một thời
Có bóng dáng triệu người
Phiêu diêu nơi Thế Chiến Một, Thế Chiến Hai.
Hết Thế Chiến, lại là
Anh em trong một nhà
Lấy chém giết để giải hoà trong quốc gia.
Người đi trong muà Đông
Đội khăn tang, mang tình thương
Theo người phu đi đào lỗ bên tường.
Người phu trong chiều buông
Lòng hân hoan, chôn mộ xong,
Nghe mùa Xuân đang rộn rã tới gần.
Nghe bên nấm mồ,
Có tiếng đàn trẻ nhỏ
Lưng trâu bẻ ngồi,

Đang cùng nhau hát chơi,
Mai đây, nấm mồ,
Một nụ vàng sẽ hé...
-- Hoa ơi, tên gì ?
Có phải hoa hướng dương ?
Vùi sâu trong mộ chung
Hoặc vùi nông trong mộ hoang;
Anh hùng rơm hay Chủ Nghĩa phi thường,
Vùi chôn bao lầm than
Một trăm năm, bao trẻ em,
Mang bộ xương, theo Thần Đói lên đường.
Những ác chúa từng miền
Những xác ướp bạo quyền
Chôn ngay đi, vứt chúng vào hố lãng quên.
Vứt Phát Xít vào mồ,
Ném Mác Xít vào mộ,
Hãy lấp kỹ cả tội hèn trong chúng ta,
Người đi trong mùa Đông
Đội khăn tang, mang tình thương
Theo người phu đi vùi hết mộ phần.
Rồi tan trong mộ sâu
Một thây ma mang buồn đau,
Thế kỷ sau, sẽ dùng bón hoa mầu.
Đi qua nấm mồ, sẽ thấy ngọn cỏ mềm
Cho êm cõi đời, cho tình nhân ngã lên,
Khi trên nấm mồ còn nở rộ bông hoa mới...
-- Hoa ơi, tên gì ?
-- Hoa Tình Yêu đó em !

Trong nấm mồ của thế kỷ này, có xương máu của cả loài người và có khá nhiều máu xương Việt Nam. Người phu lượm xác và đắp mộ kia là ai? Là anh, là tôi hay là một cái thây ma đi chôn xác đồng loại xong rồi thì cũng tan luôn ở trong mộ sâu?

Dưới mộ còn chôn những gì nữa ?

– Phát xít, Mác xít...

... những cái mà những gã anh hùng rơm luôn luôn khoa trương cho là :

-- chủ nghĩa phi thường.

Còn những thứ gì nữa ?

-- Những ác chúa từng miền,
Những xác ướp bạo quyền,
(và) Những tội hèn của chúng ta (nữa).

Đó là nội dung của **mộ phần thế kỷ** với hình ảnh người phu đi nhặt xác và lấp mộ. Nhưng lẽo đẽo theo sau người phu đó, còn một

nhân vật khác, đó là:

Người đi trong mùa Đông
Đội khăn tang, mang tình thương,

... mà tôi muốn thấy người đó không chỉ mang tình thương mà thôi, anh còn:

... mang vết thương !

Người mang đầy vết thương trên mình đó là ai? Để sau khi theo người phu đào lỗ bên tường nghĩa địa, vùi xong hết mộ phần rồi thì lại biến đi luôn, biến vào trong mộ chăng? Để sau này trở thành thứ bón hoa mầu? Đó là hồn ma của những dân tộc bị hi sinh, trong đó có dân tộc Việt Nam, bởi chủ nghĩa Phát Xít lẫn chủ nghĩa Mác Xít. Hai danh từ Xít gần đồng nghĩa này đã được Phạm Duy cho cặp kè với nhau rất có ý nghĩa, vì hai cái "xít" này đã làm tổn hại sinh mạng nhiều nhất trong thế kỷ. Riêng ở Việt Nam thì nó dằng dai đẫm máu ngót nửa thế kỷ. Chợt nhớ tới câu của nhà văn hào Mỹ Henry Miller nói với dịch giả Nguyễn Hữu Hiệu khi anh đến thăm và tặng ông ấn bản "Di Chúc Của Một Người Việt Nam" của Nguyễn Chí Thiện: "Hà Nội bây giờ còn tệ hơn Phát-Xít" (Thời Tập–1977).

Đâu phải chủ nghĩa phi thường? Cũng đâu phải là đỉnh cao đỉnh gì trí tuệ mà chỉ là những anh hùng rơm. Đúng vậy, con Bò xe của thế kỷ này (như trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine) vẫn còn phải tốn thêm một nụ cười cho anh chàng Mười Ếch vỡ phèo bụng.

Sau khi đắp mộ xong, anh phu nhặt xác nghe tiếng trẻ thơ và thấy một nụ vàng sẽ hé. Đám trẻ giương mắt nhìn nhau hỏi: "Hoa gì?" -- Đáp: "...?"

Câu đáp đã có từ lâu, nhưng Phạm Duy chỉ đánh một dấu hỏi:

-- Có phải hoa hướng dương?

Có những kẻ sống vì kiêu căng mà chết cũng vì kiêu căng -- như anh chàng Mười Ếch kia -- lúc nào cũng tương ra những mẫu mực, khuôn đúc cho con người chui vào:

... Nếu là đá, phải là đá kim cương
Nếu là hoa, phải là hoa hướng dương
Nếu là người, phải là người cộng sản !

Vâng, phải là người cộng sản -- cho những kẻ không hiểu gì về Mác Xít. Vâng, cái người cộng sản đó đang dắt "quê hương vô nơi lầm than", đang đưa đất nước tới một nơi mà, cũng một người cộng sản to nhất Việt Nam phải kêu lên: "Hiện giờ đất nước ta đang ở đáy vực thẳm chứ không phải bên bờ vực thẳm nữa." Vâng cái người cộng sản đó đã chạy đi vay nợ khắp địa cầu mà không

vay được, vì những năm qua, lời cũng không trả nổi, nói chi trả vốn. Và ngay chính cả những đồng chí cộng sản cũng xin vái cả mũ rồi!

Cái dấu hỏi của Phạm Duy còn hàm xúc hơn bất cứ câu trả lời rành mạch nào. Hay đúng ra nhà nghệ sỹ này thấy không cần phí một dấu nhạc quý của mình. Nhưng ở cuối bài, sau khi đã phơi nắng cái "hoa hướng dương" lơ lửng đó chơi, thì anh:

Đi qua nấm mồ, sẽ thấy ngọn cỏ mềm
Cho êm cõi đời, cho tình nhân ngã lên
Khi trên nấm mồ còn nở rộ bông hoa mới...

(Bây giờ thì không phải một nụ vàng sẽ hé, mà là **nở rộ bông hoa mới**).

Nhạc sĩ lại hỏi :

-- Hoa ơi, tên gì ?

Và đáp ngay :

-- **Hoa Tình Yêu** đó em !

Chúng ta thấy được trái tim nhà nghệ sĩ. Nó đẹp đẽ chừng nào. Tuy nói về một đĩ vãng đau buồn, nhưng bản chất của Phạm Duy là chiến đấu để vạch đường đi lên, đi tới, cho nên trên nấm mộ vẫn rộ lên bông hoa mới, trên cái chết vẫn mọc lên tương lai, trên u buồn vẫn ánh lên niềm hi vọng, cũng như:

Đầu cành khô bỗng hoa nở tràn...

Có cần gì phải là người cộng sản mới biết nhìn biết sống? Và hoa hướng dương đâu phải là tượng trưng cho các loài hoa, vậy cớ chi hễ là người thì phải là người cộng sản? Người cộng sản ngày nay chưa chắc đã còn yêu cái "chủ nghĩa phi thường" đã tạo nên "những anh hùng rơm" kia!

*
* *

Trong 10 bài RONG CA, Phạm Duy hiện lên như một nhà tư tưởng đã thu ngắn một trăm năm lịch sử trong vài chục dấu nhạc của bài MỘ PHẦN THẾ KỶ. Còn trong bài NGỰA HỒNG sau đây, Phạm Duy đã vẽ lại con đường lịch sử của một dân tộc anh hùng bằng vó ngựa của một con chiến mã, xưa ngang dọc mà nay đã mất hết thời oanh liệt và trở thành ngựa kéo xe.

Ngựa Hồng

Ngựa Hồng xưa kia cùng bậc chinh nhân
Bách chiến nơi sa trường đời.
Ngựa Hồng hôm nay cột vào yên cương

Cong lưng kéo chiếc xe thôi !
Đường đời quanh co chật chội,
Bụi bờ quanh năm lấy lội,
Cỏ hèn đã úa từng cội...
Ngựa Hồng đi quanh thành cổ tan hoang,
Đi quanh miếu cũ rêu phong
Ngựa Hồng khiêng bao nặng nề trên lưng
Vó bước phong sương ngập ngừng,
Ngựa Hồng long đong, trụi bờm, se lông,
Cong lưng, vó bước mông lung,
Ngựa rừng phi qua ngọn đồi
Động lòng thương cho đồng loại
(Bỗng đâu) Ngựa rừng hí tiếng mời gọi :
Ngựa Hồng ra đi đường dài mênh mông
Như khao khát mấy Thu Đông
Ngựa Hồng quay lưng đưa chân đá vỡ
Yên cương, thong dong lên đường thoát thân.
Cỏ nội xanh tươi thơm tho đón gió,
Sương rơi trên muôn hoa ngàn ngát hương.
Ngựa Hồng không ai che đôi mắt nữa
Trông ra hai bên con đường rất xa...
Ngựa Hồng vương lên phi qua lỗ bé
Trôn kim -- thong dong đi vào cõi không !

Cái chi tiết Ngựa Hồng phi qua lỗ bé trôn kim là một chi tiết có một không hai trong Văn học thế giới và Văn học Việt Nam mà tôi đọc được. Một chi tiết thần kỳ. Nó làm người đọc sửng sốt một cách thú vị như trẻ con được xem tiên đấu phép lần đầu. Nó vừa cụ thể lại vừa trừu tượng. Không thể có mà lại có. Nó làm cho lông bờm Ngựa Hồng bay phất phơ, đẹp vô cùng, như trong trường hợp Chung Khúc VIỆT NAM VIỆT NAM so với toàn bộ Trường Ca MẸ VIỆT NAM.

Trở lại từ đầu bài hát, ta suy ngẫm ra cái ngụ ý của tác giả. Có lẽ nhiều bạn đọc cũng có cùng một ý niệm như tôi: Phạm Duy mượn chú Ngựa Hồng để nhắc lại lịch sử oanh liệt của dân tộc, từng có những chiến công vang lừng thế giới. Nay vì đâu Ngựa Hồng chỉ còn biết cong lưng kéo chiếc xe? Xe gì, chở ai, chở những gì? Và kéo xe đi đâu? Đi tới đâu, trên con **đường quanh co chật chội** với **bụi bờ lấy lội**, dưới chân chỉ thấy đầy **cỏ hèn đã úa?** Ngựa đi quanh **thành cổ tan hoang**, đi quanh **miếu cũ rêu phong**, đi quanh thành lũy pháo đài và nơi đền thờ chinh nhân hiến hách, mỗi một hòn đất còn in vó Ngựa Hồng, mỗi một viên đá còn mơ màng bóng dáng Ngựa Hồng xưa.

Ngựa Hồng, tiền thân của chiến mã có nghĩ gì không? Thân

anh hùng xưa, nay chỉ là ngựa kéo xe hèn hạ, bị cột vào yên cương do ai giật dây điều khiển bằng hàm thiếc tra ngang mồm, bằng roi nẹt vun vút trên lưng và bằng mớ cỏ khô treo đong đưa trước mặt, mắt lại bị che, chỉ thấy những ổ gà dưới chân. Nhưng bỗng đâu tiếng hí ngựa rừng mời gọi. Ngựa Hồng thức tỉnh thân nô lệ, đưa chân đá vỡ yên cương trói buộc bấy lâu và thoát thân. Lưng hết cong, mắt hết che, Ngựa Hồng tung tăng giữa cỏ nội hoa ngàn...

... Ngựa Hồng vươn lên phi qua lỗ bé trôn kim
Thong dong đi vào cõi không !

Lỗ bé trôn kia mà Ngựa Hồng phi qua đó, phải chăng là cái **chủ nghĩa phi thường**? Là sự kiêu ngạo kinh niên của chú ngựa kéo xe trên con đường lầy lội? Bây giờ nó cần phải biết...

...quay lưng, đưa chân đá vỡ yên cương,
(để) thong dong lên đường thoát thân.

Có thế và chỉ có thế thì cái lỗ bé trôn kim kia sẽ trở thành cửa Vũ Môn cho cá vượt để hoá Rồng.

Trong một lá thư gửi cho tôi cách đây 10 năm, Phạm Duy đã viết: "Cái lăng kính của các ông Hồ, Chinh, Đồng, Duẩn quá nhỏ bé nên không thể nào nhìn được vũ trụ và nhân sinh một cách sâu sắc. Tôi (Phạm Duy) có cái lăng kính của tôi..." Quả thật Phạm Duy nhìn vũ trụ và nhân sinh bằng cái lăng kính made by Phạm Duy. Lãnh tụ cộng sản nhìn bọn đầy đọa dân tộc mình như những bực sư phụ nhìn cái chủ nghĩa phi thường phép tiên. Những anh hùng rơm lại được đúc thành tượng đồng cắm vào rốn dân tộc mình, nhìn khăn tang trẻ thơ ra ngọn cờ chiến thắng, nhìn những tài phiệt như những ân nhân sẽ ra tay cứu độ dân tộc mình. Những kẻ mà Phạm Duy đã bảo: "Không, chúng chỉ là bọn cướp", và đã chửi đổng bằng bài tục ca:

Đù mẹ mầy ba tên
Là ba thằng tướng cướp
Vì khiếp sợ lẫn nhau
Nên mới chia nhau địa cầu.
Đù mẹ cuộc đao binh
Cả ba đều né tránh
Rồi bắt người rất ngoan
Chết oan mang tội tình
Đù mẹ cả bọn mày
Gặp nhau đây với đó
Chia chác nhau chuyện này
Chia chác nhau chuyện nọ,

Đù mẹ cả lò mày
Lừa nhau đem võ khí
Xui chúng tao hành nghề
Nghề giết người, bay thuê! (1972)

*
* *

Mười lăm năm sau, thay vì ba, chỉ còn hai tên tướng cướp gặp nhau đây đó, chia chác thứ nọ thứ kia. Phạm Duy nhìn qua bộ mặt nhẵn bóng của chúng, thấu suốt tim đen của chúng từ lâu. Một bọn khác thì xum xoe... Phạm Duy nhìn ra cả lò chúng nó mà bật ra một:

Ngụ Ngôn Mùa Xuân

Có hai thằng mù đánh nhau ngoài ngõ,
Cả hai thằng đều sứt trán, sứt tai,
Có hai thằng câm cãi nhau giữa chợ,
Cả hai thằng đều rát lưỡi, bỏng môi.
Có hai thằng mù đã câm, lại điếc,
Có hai thằng điếc ngồi nghe nhạc Tầu,
Nhạc Tây, nhạc Mỹ, nhạc Nga...
Có hai thằng mập đánh nhau thì chết !
Cả hai thằng bèn cất võ khí đi
Có hai thằng kia gờm nhau quá độ,
Cả hai thằng bàn ký kết làm ngơ,
Bắt hai thằng gầy đánh nhau hộ nó,
Bắt hai thằng yếu cùng nhau giải hoà
Bằng xương, bằng máu, thịt, da...

Có khi mù này đánh lui mù đó
Hả hê về nhà, mắt ốc ngước lên !
Có khi thằng câm thắng cơn cãi lộn,
Hả hê về nhà ú ớ, mừng rên !
Có khi thằng mù, gã câm, thằng điếc
Gác chân, tự đắc, ngồi trong chòi nghèo
Buồn thiu, mà ngỡ lầu cao !
Có nghe gì chuyện nước tan, nhà mất !
Chẳng nghe được gì tiếng khóc, tiếng than !
Có đâu nhìn ra mầu khăn goá phụ !
Làm sao nhìn được mắt bé mồ côi ?
Có đâu giọng ngọt, hiến dâng tình với
Những hoa cỏ mới, mọc trong điêu tàn.
Bịt tai, bịt mắt, (chúng) lặng câm...

Bỗng đâu Người tình ghé chơi một chuyến,

Vào khi tàn rồi, cái cũ bách niên.
Bỗng đâu nửa đêm ánh dương chói rạng
Làm cho người mù mắt sáng bừng lên.
Bỗng đâu Người tình ghé tai người điếc
Nói chi chẳng biết, mà nghe dịu dàng.
Đời hai nghìn đã vừa sang !
Đã trông được thời bách niên đổi mới,
Đã nghe được lời sáng suốt bên tai,
Đã không còn câm và im tiếng gọi,
Đã nói được lời với tới tương lai,
Đã ra được ngoài cõi tim tù tối,
Đã trông được những đường đi, nẻo về
Đường đưa người tới nghìn thu.

Chữ **nghìn thu** ở đây, Phạm Duy đã dùng phản nghĩa của chữ "nghìn thu" thông thường. Cũng như những thằng câm, thằng điếc, thằng mù ở đây không phải là những thằng câm-điếc-mù ở trong nhà thương mà là những tên câm biết cãi lộn, những tên mù biết đấu võ, những tên điếc chỉ biết nghe nhạc Tây, nhạc Tầu. Những thằng câm-điếc-mù này chẳng bao giờ chịu đi chữa bệnh bởi vì đó là "nghề" của chúng, hoặc chính ra chúng cũng không biết mình câm, điếc và mù. Ngược lại chúng lại cho rằng cả thế gian này đều câm điếc mù mà chỉ có chúng là sáng mắt, sáng lòng và biết nói mà thôi.

Vì thế cho nên chúng...

... gác chân, tự đắc, ngồi trong chòi nghèo
Buồn thiu, mà cứ ngỡ là lầu cao.

Có thể là chúng ngây thơ không biết sự thực, nhưng cũng có thể chúng biết rõ quá rồi nhưng chúng đóng kịch để trấn tĩnh mọi người và để tự trấn tĩnh. Giống như trong một câu chuyện dân gian, anh bần cố nọ đói mà cố giữ sĩ diện (rởm), mỗi sáng vác một cái quả son sang láng giềng rồi trở về. Đến trưa trưa thì ra ngồi trước cửa "gác chân" chữ ngũ, xỉa răng một cách hỗ hởi. Lối xóm thấy thế tưởng rằng anh ta no ấm ung dung, chẳng ngờ vài hôm sau, ông bần cố nông lăn đùng ra chết... đói! Thì ra, anh ta đói meo mà đi mượn gạo hàng xóm lại đựng bằng cái quả son để che mắt thế gian. Nhưng láng giềng tốt bụng đến đâu thì cũng chỉ thông cảm vài hôm chứ không thể cho vay mượn mãi được. Những gã câm điếc mù của Phạm Duy giống in như anh bần cố nông sĩ diện rởm này.

Chỉ có điều khác là những gã này chưa chết mà còn đang...

... đánh nhau ngoài ngõ,

... đang cãi nhau giữa chợ
(và) đang còn ngồi nghe nhạc Mỹ, nhạc Nga,
rồi...
... gác chân tự đắc, ngồi trong chòi nghèo, lại tưởng đó là lầu cao!

Bây giờ tới **hai thằng mập** nào đây? Có phải đó là hai thằng tướng cướp gờm nhau, sợ **đánh nhau** (bằng nguyên tử) **thì chết** nên **cất võ khí đi**, rồi đánh nhau bằng tay chân của **hai thằng gầy**. Chúng đứng ngoài vỗ tay, cho nước và cuối cùng bắt lũ gầy hoà giải nhau bằng xương máu, để cho chúng bước ra bằng một lối danh dự.

Tưởng như vậy là không mất danh dự, nhưng không! Cái danh dự chúng ngỡ là còn kia, đã không còn. Muốn cứu vãn danh dự, chúng cần phải có Người Tình:

Bỗng đâu Người Tình ghé chơi một chuyến,
Vào khi tàn rồi, cái cũ bách niên,
Bỗng đâu nửa đêm ánh dương chói rạng
Làm cho người mù mắt sáng bừng lên.
Bỗng đâu Người Tình ghé tai người điếc
Nói chi chẳng biết, mà nghe dịu dàng...

Thế rồi những kẻ mù câm điếc kia hết câm, hết điếc và sáng mắt ra:

Đã nói được lời với tới tương lai,
Đã ra được ngoài cõi tim tù tối,
Đã trông được những đường đi, nẻo về...

Tiếng nói kỳ diệu của Người Tình đã mang lại một happy ending cho người mù câm điếc. Ở bài ngụ ngôn này, tác giả HOAN CA, BÌNH CA của 20 năm trước, với trái tim yêu dân tộc, yêu cuộc sống vô biên đã thu tóm tình hình thế giới, tình hình trong nước, tình hình bên ni lẫn bên tê và thu tóm cả nội tâm của từng người một trong chúng ta nữa. Phạm Duy đã khai thông mọi bế tắc cho ai kia...

... ra được cõi tim tù tối
(để) Hai bên cửa hé...

*
* *

Phép thần đưa người BÊN NI BÊN TÊ tới nghìn thu không phải là súng của Phát Xít, cũng không phải sách kinh Mác Xít, mà là Tình Yêu, tình yêu dân tộc, tình yêu con người, tình yêu đôi lứa và trên hết, Tình Yêu của Mẹ Việt Nam.

Mười bài RONG CA mang nặng tính suy tư mà nội dung của nó

là hoá giải hận thù để cùng đi đến tương lai. 40 năm trước, Phạm Duy đã gào thét XUẤT QUÂN để xua đuổi quân xâm lăng, nay quân xâm lăng đi sạch rồi, xuất quân nữa để đánh ai? Cớ sao vẫn còn súng nổ ở chiến trường, ở pháp trường?

Ai được thua, Mẹ cũng đau lòng. Hình ảnh Mẹ Việt Nam cao lồng lộng trong nhạc Phạm Duy lại trở về đây lần nữa trong lòng người Việt. Phạm Duy tạc nên một MẸ VIỆT NAM khác.

Mẹ Năm 2000

Mẹ đâu còn là Mẹ Ta xưa đó !
Là Tiên của Rồng, Mẹ Chúa Âu Cơ,
Mẹ Tô hoá đá hay Mẹ Châu Long,
Cứu nước thù chồng, Mẹ : Đấng Anh Hùng !
Mẹ không còn là Mẹ trong tranh vẽ
Hiện thân Phật Bà, Mẹ Đức Maria,
Mẹ nuôi chiến sĩ hay Mẹ Phù Sa,
Cuối thế kỷ này, Mẹ mới lên 3
... Cuối thế kỷ này, Mẹ đã lên 10.
... Cuối thế kỷ này, Mẹ sẽ 20...
Mẹ bây giờ là trẻ thơ, em gái
Thiếu ăn, thiếu mặc và thiếu học hành,
Đời thiếu an ninh, tình yêu cũng thiếu,
Mở mắt nhìn nhau, chẳng thấy mai sau.
Mẹ bây giờ ở miền quê oan trái,
... vào đời chỉ thấy đơn côi.
Mẹ bây giờ lạc loài trên thế giới,
(Mẹ) Việt Nam là gì, giảng nghĩa cho coi.
Mẹ quên tiếng nói, tên họ đổi thay...
Mẹ đang trên bờ vực sâu tăm tối
Bước đi có thể về phía suy đồi
Nhìn kỹ đi coi : Một trăm năm tới,
Mẹ nước Việt Nam : Vượt mãi ? Hay lui ???
Mẹ Ta hấp hối !
Mẹ đau, Mẹ nghèo, Mẹ yếu... không vui.
Nhìn nhau... ta cùng hối lỗi,
Xúm xít lại rồi, giải cứu cho Người!

Phạm Duy bao giờ cũng hé mở một cánh cửa của phía mình cho bên tê nhìn. Phạm Duy, nhà viết truyện bao giờ cũng cho nhân vật một cái happy ending. Mẹ Việt Nam sẽ được giải cứu nếu...

... ta cùng hối lỗi
(về) xúm xít lại (với nhau)...

Mẹ Việt Nam sẽ trở lại thành Nữ Oa, Âu Cơ, Tô Thị, Châu

Long, Trưng Vương, Gio Linh, Phù Sa, Phật Bà, Maria... để:

Sinh con anh hùng, người hiền nhân ái,

chứ không phải :

Sinh ra những kẻ hèn, bạo chúa vô loài !!!

Mười khúc RONG CA gồm :

1. NGƯỜI TÌNH GIÀ TRÊN ĐẦU NON hay HOÁ SINH.
2. HẸN EM NĂM 2000
3. MẸ NĂM 2000
4. MỘ PHẦN THẾ KỶ
5. NGỤ NGÔN MÙA XUÂN
6. NẮNG CHIỀU RỰC RỠ
7. BÀI HÁT NGHÌN THU hay VÔ HƯ
8. TRĂNG GIÀ
9. NGỰA HỒNG
10. RONG KHÚC

... đến với tôi như một kinh ngạc sung sướng. Cái vui sướng được thấy mảnh **trăng già** Phạm Duy còn lung linh ở giữa đỉnh trời, còn thấy con suối Phạm Duy đi vào **Hư Vô** cho biển không bao giờ vơi, thấy Phạm Duy đội khăn tang, mang vết thương đi theo người phu quét xác, đắp **mộ phần thế kỷ**, thấy một Phạm Duy nâng Mẹ Việt Nam lên cao mãi, lên cho tới **Mẹ Năm 2000**, thấy Phạm Duy mở mắt cho con ngựa kéo xe nhìn lại hình ảnh của mình là con **Ngựa Hồng** chiến mã thời xưa, thấy Phạm Duy hé cửa **hẹn gặp lại em năm 2000**, nghe Phạm Duy hát **Ngụ Ngôn Mùa Xuân**, đi trong **Nắng Chiều Rực Rỡ**, nắng này chiếu rọi vào mảng tuyết trên đôi vai của **Người Tình Già Trên đầu non**, để người hoá sinh xuống núi hát vang **Rong Khúc** cho những thế kỷ tới.

Đứng ở cột số hầu cuối cùng của thế kỷ này, người khách lữ hành Phạm Duy nhìn lại một trăm năm lịch sử bi thương rồi hăm hở bước. Trong một thoáng nhìn, khách đã đi trước lịch sử một trăm năm. Kìa, ta hãy nhìn theo hút bóng Ngựa Hồng. Con chiến mã xưa kia sẽ trở thành thân nô lệ kéo xe suốt đời nếu nó không gặp được lữ khách. Chính lữ khách đã gỡ yên cương, mở mắt cho nó. Và nó lại tung vó oai hùng, mang hồn Dân Tộc, ruổi rong trong gió bụi mờ bay, đạp lùi lại phía sau cái bách niên cũ tàn mục rã, một sự mục rã ở bên trong lẫn bên ngoài không còn lớp áo nào che giấu được nữa.

Hỡi ai đang mệt lả đi tìm đường, con đường càng ngày càng xa vời mà cứ tưởng là con đường đưa mình trở về nguồn Dân Tộc. Hỡi ai đang làm nô lệ cho ngoại bang mà cứ tưởng đã độc lập vinh quang. Hỡi ai đang loi ngoi trong vũng lầy tị hiềm mà tưởng mình

là anh hùng cái thế. Hỡi ai đang nghe nhạc Tầu, nhạc Tây, nhạc Mỹ, nhạc Nga mà cứ ngỡ là dân ca... Xin tất cả hãy bừng sáng mắt lên để đừng đánh nhau trước ngõ nhà mình nữa, để nhìn bóng Ngựa Hồng phi nhanh vun vút, con tuấn mã vọt lên từ Sông Bạch Đằng trắng xương, bay qua đầu núi Chi Lăng trùng điệp, đến Gò Đống Đa mấp mô, con Thần Mã với vị anh hùng cầm roi sắc đuổi giặc Ân.

Ngựa Hồng đã đến với ta. Đâu rồi những Phù Đổng Thiên Vương của thế kỷ 21?

XUÂN VŨ-LÊ MỸ HƯƠNG

KHAI TRƯƠNG THỨ BẢY 7.11.87
BÁC SĨ
PATRICK TRẦN LƯƠNG HOA
CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ CHUYÊN TRỊ DỊ ỨNG
MAGNOLIA CLINIC
14571 MAGNOLIA AVE. # 207 WESTMINSTER CA 92683
(Góc Magnolia và Hasard)

TELEPHONE : (714) 895-7145

* *Tốt nghiệp chuyên khoa nội thương tại St. Barnabas Medical Center, New Jersey.*
* *Tu nghiệp bệnh dị ứng và miễn nhiễm (Allergy and Immunology) tại Creighton University.*
* *Nguyên Bác sĩ Giám đốc Pennhurst Center, Pennsylvania*
* *Bác sĩ điều trị các bệnh viện Fountain Valley, Doctor Hospital Santa Ana, Martin Luther Hospital, Anaheim.*

CHUYÊN TRỊ

* Bệnh dị ứng : Đau mũi kinh niên, sổ mũi, ngứa ngứa, nổi mề đay, hen suyễn, bệnh dị ứng với phấn hoa, cây cỏ , cát bụi..v.v và thử nghiệm dị ứng(Allergy Testing).
* Chuyên trị bệnh nội thương :
- Bệnh tim : đau ngực, hồi hộp, ngất xỉu, choáng váng
- Bệnh phổi : ho kinh niên, khó thở, sưng phổi, ho lao
- Bệnh áp huyết cao : thiếu máu, dư máu
- Bệnh tiêu hoá : đầy bụng, ăn không tiêu, táo bón, loét bao tử, đi cầu ra máu, bệnh sạn mật, bệnh gan, ói mửa
- Bệnh ngoài da : mụn, trứng cá, lang ben, rụng tóc, phong
- Bệnh tiểu đường , bệnh bướu cổ
- Bệnh nhiễm trùng, bệnh hoa liễu, bệnh phong thấp

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM

Nguyễn Tấn Hưng

Lại Làm Đẹp

Lại làm đẹp? Ừa, đúng như vậy! Bạn phải biết chuyện tiếp tục làm đẹp và làm đẹp mãi là chuyện dĩ nhiên. Hiển nhiên như con gái sau tuổi dậy thì thì phải trổ mả. Trên cõi đời này thành thật mà nói chẳng ai muốn mình xấu bao giờ. Hơn nữa, bài tôi viết trước đây ông điều hành chung Nguyễn Mộng Giác chịu quá thì bảo sao tôi không thừa thắng xông lên! À, mà cho hỏi lại câu này: Có biết vấn đề làm đẹp ở đây là chuyện gì hôn? Biết rành sáu câu hả? Biết rành thì thôi, tưởng nếu lỡ không biết thì làm ơn đi tìm cuốn Văn Học số Tân niên 88 mà đọc trước đi. Cho rõ đâu đuôi. Chớ khi không mà nhào vô ngang xương khoảng này e hơi bất tiện lắm đa ...

Từ lúc tôi trình bày phương pháp làm đẹp của tôi trên Văn Học cho đến nay cũng đã mấy tháng qua, vậy mà tôi chẳng thấy ai bàn bạc đếm xỉa gì tới hết tôi cũng buồn. Rồi tôi nghĩ chắc tại vì mình múa rìu qua mắt thợ? Có lẽ như vậy! Nhưng, nếu thật phải như vậy thì tôi cần phải múa tiếp, múa cho tới khi nào mình thành thợ mới thôi. Chỉ ngại một điều là phải múa một mình, độc diễn một mình. Mà thây kệ, ngày xưa tổng thống Thiệu độc diễn một mình đó thì có chết thêm thằng Tây thằng Mỹ nào đâu. Nói vậy chớ ai mà biết có bao nhiêu người cũng đang độc diễn như tôi, chỉ khác một điểm là tôi múa gậy vườn hoang dưới ánh sáng trăng còn họ đang mài gươm trong bóng tối.

Không biết nhà in của báo Văn Học có dụng ý gì hay không mà đăng một đoạn trích trong truyện dài Muôn Kiếp Cô Liêu của Mai Kim Ngọc cạnh bài làm đẹp của tôi. Đó, lối xếp chữ của bài này cũng đâu phải là lối xếp chữ của nhà Văn Học! Âu cũng là một phương pháp làm đẹp. Nhìn kỹ

lại nếu đem so với mẫu chữ chung của các nhà in đang xài thì không đẹp bằng, nhưng so với mẫu chữ của tôi thì có phần khá hơn. Nhưng tôi phải nói hai mẫu chữ làm đẹp này bất quá cũng chỉ là những võ sĩ xuất phát từ lò Tám Lự, Huỳnh Tiền mà thôi chớ không phải từ chùa Thiếu Lâm.

Rồi tôi nghĩ rằng không riêng gì người học trò mới cảm thấy mình đang bơi trong dòng nước ngược, mà phàm làm bất cứ việc gì ai ai cũng vậy nếu đứng lại là thụt lùi. Bởi vậy tôi cũng cố gắng nghiên cứu thêm tìm hiểu thêm, nhằm làm đẹp thêm kiểu xếp chữ của tôi. Mặc dù như tôi đã nói ở lần trước tôi không phải là một *programmer* chuyên nghiệp. Bây giờ các bạn đang đọc những dòng này, những dòng chữ cũng không do nhà Văn Học xếp chữ. Nhưng phải nói lần này lối xếp chữ có phần giống mẫu chữ chung của các báo nhiều hơn so với lần trước.

Nói mà nghe chơi thật ra các bạn chỉ thấy thoáng qua sự khác biệt bên ngoài chớ chưa chắc đã rõ tôi sửa chữa cái gì, chỗ nào ở bên trong phải hôn? Ối, ai ở không mà đi để ý, thắc mắc những thứ lĩnh kỉnh đó! Bày đặc hỏi tới hỏi lui cho mất thì giờ! Vắn tắt thôi mà. Đây, dưới đây là những gì tôi đã làm, đã *improve*.

Nè, trước hết là chữ i. Ha ha, đâu có ai ngờ rằng theo tiêu chuẩn chữ in thì những chữ í, ì, ỉ, và ĩ là những chữ i không có chấm i trên đầu. Nhìn kỹ đi. Kỳ lạ hôn. Học từ lớp đồng ấu học lên, cho đến ban tú tài, ban cử nhân, ban cao học chẳng có thầy cô nào nói tới chữ i cùi cụt này hết. Dở sách ra xem lại mới biết chữ i cùi cụt đó có nằm trong sổ sinh và được Mỹ đặt tên là *dotless i*. Vậy thì chờ đợi gì nữa, tóm cổ nó mà quăng vào nồi *typesetting*.

Kế đến là chữ ơ, chữ ư. Trước đây tôi lấy dấu ' làm dấu ơ, dấu ư vì thật ra dấu ơ, dấu ư không có trong các mẫu chữ làm sẵn của máy *laser printer* tôi đang xài. Coi cũng tạm tạm thôi nếu không nỡ chê là xấu. Như vậy dấu ơ, dấu ư mà các nhà xếp chữ thứ thiệt đã xử dụng là từ đâu mà có? Xin thưa, tôi cũng không biết. Có lẽ họ vẽ lấy hoặc họ mua *printer* loại đặc biệt? Rồi tôi ngẫm nghĩ hay là mình phải xài cái đuôi lòng thòng của chữ c mà Mỹ gọi là *cedilla*. C *cedilla* thì chỉ có trong tiếng Tây, tiếng Tây Ban Nha, tiếng gì gì ... Làm thử đi. Tôi bèn lật ngược nó qua bên trái, quay vòng vòng thêm một góc độ, và nâng nó cao lên một chút chấm ngay bóc vào chữ ơ, chữ ư. Xong, dễ như trở bàn tay.

Đến dấu hỏi cũng vậy, trước đây nó và dấu ơ, dấu ư chỉ là một. Nhưng khác nhau là ở chỗ đứng. Cùng xuất thân từ một gia đình bần cố nông nên kể như là hai chị em sinh đôi. Với khả năng mới của tôi, tôi đã sắm sửa cho cô chị nổi thì chuyện sắm sửa cho cô em cũng phải xong. Nhưng để dễ phân biệt đứa nào chị đứa nào em tôi phải mua khác mặt hàng, khác *material*. Tôi đã sắm cho cô chị bộ đồ *soie* làm bằng chất *cedilla* thì tôi phải sắm cho cô em bộ đồ *mousseline* làm bằng chất *ogoneck*. Tên *ogoneck* này cũng chỉ tìm thấy trong sổ sinh, bộ Mỹ mà thôi. Không biết *ogoneck* xuất hiện trong thứ tiếng nào, Ấn Độ hay là Ả Rập? Cũng như *cedilla*, tôi lật *ogoneck* sang trái, quay vòng vòng thêm một góc độ, và nâng nó lên cao thiệt cao chấm đúng vào vị trí dấu hỏi. Xong, dễ như phủi hai tay.

Sau hết là tôi xài loại chữ khác, *family font* khác có tên là *New Century School Book* thay vì *Times Roman* như lần trước. Mục đích là làm cho nét chữ nó dãn ra, rời ra để dễ đọc hơn.

Nãy giờ là phần tôi làm đẹp cho tôi, bổ túc cho tôi nên tôi bị bắt buộc phải bày tỏ vắn tắt. Chỉ có vậy thôi bà con. Nói cái tôi nhiều quá ai mà ưa cho nổi. Nhưng bây giờ thì đến lúc tôi phải dài dòng ra vì sau đây là phần tôi làm đẹp cho thiên hạ, bổ túc cho thiên hạ. Không làm đẹp cho thiên hạ thì thiên hạ đâu có rảnh mà đọc những chuyện quái đản như thế này.

Gần mực thì đen gần đèn thì sáng, ai cũng biết điều đó. Nhưng chuyện biết được ai là mực ai là đèn mới là điều đáng nói, đáng bàn. Mỹ là đèn còn Việt Nam là mực? Đâu có được. Lịch sử thế giới ghi nhận rằng dòng dõi Tiên Rồng có hơn bốn ngàn năm văn hiến trong khi dòng dõi Hợp Chủng tạp nhạp này chỉ có trên dưới hai trăm năm mà thôi. Mỹ không phải đèn là cái chắc. Vậy thì gần mực thì đen, gần Mỹ lai Mỹ. Hê, lai Mỹ chuyện gì thì được chớ lai Mỹ về vấn đề chữ nghĩa, văn chương thì chỉ làm công dã tràng mà thôi. Văn chương lai căng? Đại khái đó là lời phê bình, cảnh giác của nhà điểm sách Thụy Khuê dành cho ông Võ Đình khi đọc cuốn Xứ Sấm Sét nói riêng, và cho tất cả các ông bà nhà văn bên Mỹ nói chung.

Nãy giờ tôi biết tôi chưa lai Mỹ. Tại vì tôi phải nói vòng vo tam quốc năm điều bốn chuyện theo kiểu nghị luận luân lý, nghị luận văn chương như hồi nào thầy cô dạy Việt văn

đã dạy, để rồi sau cùng mới đi đến kết luận. Kết luận là cái gốc của câu chuyện. Nhập đề, thân bài chỉ là phần dọn đường để cho người đọc ghi nhận những tình lý gay cấn, những biện luận của nhân vật, những ân oán giang hồ ... v.v. chờ cho đến cái kết luận người đọc mới thấy tâm hồn rạt rào bồi hồi rung động bởi ngụ ý sâu xa của tác giả. Tóm lại, cách hành văn căn bản của người mình nói riêng, hay của người Đông phương nói chung là như vậy.

Qua bên này tập tễnh đi học tiếng Mỹ, *composition* rồi *litterature*, mới thấy cách hành văn của người Tây phương đi ngược lại với đường lối của mình. Phải nói cái kết luận trước, cái *main idea* trước, rồi từ đó mới khai triển ra những chi tiết lớn, chi tiết nhỏ *support* cho đề tài. Viết theo kiểu của mình cô thầy giáo Mỹ bảo rằng: Tao chẳng hiểu mày muốn nói gì, tại sao mày không đem câu cuối *main idea* này lên làm câu thứ nhất. Kỳ cục hôn? Cái mục đích của mình là úp úp mở mở để cho người đọc nôn nóng, đợi chờ, hụt hẫng thế mà bảo đem ra nói hết cho người ta biết trước thì ai mà thèm đọc thêm làm chi nữa cho mệt.

Coi vậy chớ không phải vậy, cách hành văn nào cũng có cái hay của nó. Nè, để bây giờ tôi bắt đầu lại Mỹ cho mà xem. Không đến nỗi dở đâu, không đến nỗi gấp sách ném vô góc giường đâu. Đây, mục đích của tôi làm đẹp cho thiên hạ lần này chỉ nhằm vào hai vấn đề: hiệu năng của *postscript language* và sự cần của *proof reading*.

Tôi lại đạp cứt mấy ông nhà văn ở Mỹ rồi. Thế nào cũng bị những người đọc ở Pháp, ở Đức, ở Bỉ, ở Hòa Lan, ... nói tóm lại là ở Âu Châu bảo là làm công dã tràng. Ngoại trừ mấy ông nhà văn dễ tánh Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Thế Giang, Ngô Nguyên Dũng ... Vì mấy ông này ngoài tiếng Mỹ còn có tật lâu lâu chêm vô tiếng Tây, tiếng Đức, tiếng Ý nữa. À, mà hình như mấy nhà văn bên Mỹ này hễ càng lớn thì càng xổ tiếng Mỹ hơi nhiều thì phải? Đạp cứt? Tội quá! Nhưng chẳng lẽ mỗi lần đạp cứt là mỗi lần chặt chưn? Thà là để độc giả chịu khó què quặc hơn là mình bị què quặc. Tác giả viết què quặc thì ai mà đọc phải hôn? Khó quá, nhiều lúc muốn dịch ra tiếng Việt nhưng không biết phải dịch sao cho nó đủ hồn. *Well*, mấy chuyện lớn này nên để mấy ngài viết lớn giải quyết vậy.

Bây giờ trở lại vấn đề làm đẹp. Trong bài trước vì phải dài dòng giải thích *troff* qua các tiết mục *font, point size,*

layout, và *mm-macro* nên tôi đã bỏ lửng phần *postscript language*. Chỉ sợ độc giả buồn ngủ quá đi thôi. Thật ra thành quả *typesetting* chữ Việt của tôi phải kể là công trình năm mươi năm mươi, *half and half*, của cả hai: *troff* và *postscript*.

PostScript®, nếu muốn viết thiệt trúng phải có chữ S hoa ở giữa, là một *page description language* thường được gọi tắt là *PDL*, nay đã thành một *standard* trong kỹ nghệ *printing* của Mỹ. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, năm sáu năm gì đó, từ năm 1982 cho đến gần đây. Vậy mà bây giờ các máy *laser printer* của các hãng Agfa-Gevaert, Apollo Computer Inc., Apple Computer Inc., Dataproducts Corp., Diconix, Digital Equipment Corp., IBM, Qume Corporation, The Laser Connection, Linotype Company, NEC Information Systems, NBI Inc., QMS Inc., Texas Intruments, Varityper, và Wang Laboratories Inc. ... đều có gắn *postscript interpreter board*.

Tại sao có hiện tượng kỳ lạ này? Tại vì viết *program* bằng *postscript language* rất là đơn giản, theo tôi nghĩ. Tôi lại thích nó vì nó gần gần với toán học. Các bạn cứ tưởng tượng như một trang giấy trắng đang mở ra để chuẩn bị cho một bức thư tình. Góc dưới phía bên trái được coi gốc của trục tọa độ, *origin*. Tọa độ của điểm gốc là 0 0, x=0 va y=0. Trục hoành độ là bề ngang của tờ giấy, thông thường là 8 *inch* rưỡi. Trục tung độ là chiều đứng của tờ giấy, thông thường cũng chỉ 11 *inch* chẳn. Mỗi *inch* được chia nhỏ ra làm 72 phần gọi là *point*. Như vậy bức thư tình có 612 *point* chiều ngang 792 *point* chiều cao. Bây giờ thì phải để cho mấy anh đề lô, trinh sát viết thư tình vì mấy anh này chấm tọa độ rất vững. Tuy nhiên với *postscript language* các anh ấy chỉ cần mang theo có mỗi một *command* dưới đây là đủ:

x y moveto

Muốn đi đâu thì đi chỉ cần cho biết hai số x và y, *100 200 moveto* chẳng hạn. Thêm một thí dụ nữa như từ điểm gốc đi tới ba góc kia theo chiều ngược chiều kim đồng hồ thì chỉ cần *612 0 moveto* là đi về góc dưới bên phải, *612 792 moveto* là đi lên góc trên bên phải, *0 792 moveto* là góc trên bên trái. Và *0 0 moveto* là trở về cứ điểm. Từ *moveto* đẻ ra *rmoveto* tức là *relative move to*, cũng không khó gì cho lắm. Rồi bởi có *rmoveto* cho nên *moveto* còn được gọi là *absolute*

moveto.

Nhờ *x y moveto command* mà quân bạn chiếm được mục tiêu. Chiếm được mục tiêu xong không phải là quân bạn muốn làm gì thì làm trên bức thư tình này đâu nha. Chỉ được phép làm ba việc mà thôi: một là cất nhà in in chữ, hai là dựng xưởng vẽ vẽ tranh, và ba là lập tiệm chụp chụp hình. Mà nghĩ lại coi ngoài *text, draw* và *image* thì những người trong nghề *electronic typesetting* đâu ai cần thêm gì nữa? Nói xin lỗi, tôi phải tạm bỏ qua cái nghề cắt dán truyền kiếp. Đây, trước tiên tôi nói qua về *text*:

(ABC) show

Đó, công việc lập nhà in in chữ ABC dễ dàng như vậy. Chỉ cần viết 2 hàng *command* nói trên rồi gửi tới cái *laser printer, ellectronically*, thì các bạn sẽ có bức thư tình ABC như ý muốn. Kế đến là vấn đề *draw*:

x1 y1 moveto
x2 y2 x3 y3 x4 y4 curve

Công việc lập xưởng vẽ vẽ một đường cong Bézier rồi cũng dễ hiểu thôi. Phương pháp Bézier đại khái có thể phát biểu như sau: từ hai điểm cho sẵn người ta có thể vẽ một đường cong mà vị trí của nó được xác định bởi hai điểm khác nằm bên ngoài.

Theo thí dụ trên, nếu ta nối bốn điểm từ x1 y1 đến x2 y2, rồi x2 y2 đến x3 y3, và x3 y3 đến x4 y4 thì ta có một chữ C vuông cạnh. Đồng ý không? Nếu ta nối điểm x1 y1 với những trung điểm của những cạnh ấy và điểm x4 y4 thì ta có một chữ C hơi tròn tròn. Đồng ý không? Hễ nối hai trung điểm thì đẻ ra được một cái cạnh mới, rồi cứ lập đi lập lại động tác nối những trung điểm của những trung đoạn thì đến một lúc nào đó ta có thể có một đường cong vừa ý. Bảo đảm không thua những đường cong nằm trên thân thể người đàn bà. Đồng ý không?

Rồi từ đường cong Bézier này ta có thể biến ra hình vòng tròn, hình *parabola*, hình *hyperbola*, hình *ellipse*. Xa hơn một chút, hình con *pacman* kêu *wokka wokka* chạy vòng vòng ăn mấy con *devil* cũng chỉ là kết hợp của một phần lớn của vòng tròn và hai đường bán kính mà thôi. Sau hết, tiếp theo đây là phần *image*:

256 128 8 [256 0 0 128 0 0]
{scaned file processing command} image

Chỉ có công việc lập tiệm chụp chụp hình này là hơi rắc rối. Nói là chụp hình nhưng thật ra có nghĩa là lấy một tấm hình chụp thiệt của tác giả rồi đem in lên trên bức thư tình. Như tôi đã nói, chụp hình kiểu này hơi rắc rối tại vì còn phải tùy thuộc vào máy chụp, *the scanner*. Bỏ qua vụ này đi. Chỉ nên biết đại cương là *image command* được qui định bằng bốn số *parameters* như thí dụ ghi trên đây. Hai số đầu là số cột, 256 cột, và số hàng, 128 hàng, của những ô vuông nhỏ, những *sample*, kẽ trên tấm hình theo kiểu chia khuôn để vẽ như vẽ hình quảng cáo xi nê vậy. Tại vì phóng đại từ những tấm hình nhỏ nên phải kẽ ô vuông cho chính xác. Số thứ ba là số *bit* để tô màu đậm lợt cho các ô vuông. *8 bit* như trên thì từ đen đến trắng được chia ra 256 hạng đậm lợt khác nhau. Còn số thứ tư thì bao gồm những số bên trong hai dấu ngoặc vuông dùng để xác định cách in hình trên bức thư tình. Có hai cách thường xài là từ trái qua phải từ trên xuống dưới theo kiểu in chữ Việt, hoặc từ trên xuống dưới và từ phải qua trái tương tự như kiểu in chữ Tàu.

Trên đây là bốn *command* quan trọng trong tổng số một hai trăm *command* của toàn bộ *postscript language*. Lẽ dĩ nhiên số *command* còn lại tôi sẽ dành cho các bạn tự động nghiên cứu thêm nếu các bạn muốn. Cũng nên nói thêm rằng những *postscript command* này chẳng qua chỉ là những *C function* mà thôi. Con đẻ của *C language*, một thứ *computer language* phát minh bởi Dennis M. Ritchie tại Bell Laboratories. Tuy nhiên nghiên cứu *postscript language* không phải là để vẽ rồng vẽ rắn, vẽ hình *pacman, pitfall* mà chơi. Mục đích chính của nó là để vẽ mẫu chữ. Chữ của *postscript* vẽ rất là đẹp, bởi vì những đường cong làm thành mẫu chữ thật là trơn tru liền lạc, thật là *smooth*. Cứ tưởng tượng phải vẽ một chữ a to bằng cái nhà rồi thu nhỏ lại bằng chữ a in trên giấy thì chữ a đó làm sao mà không chính xác, hoàn hảo cho được. Phần tôi, chỉ có việc xài những chữ người ta đã vẽ sẵn đó mà đôi khi còn thấy mệt. Biết là có nhiều mẹo về vấn đề xài chữ chơi chữ, nhưng để kết luận phần này tôi chỉ đưa ra đây một vài thí dụ để các bạn thấy sự kết hợp giữa *troff* và *postscript language* kết quả như thế nào. Xin xem cách in ở mấy trang kế.

Văn Học, normal.

Văn Học, tall.

Văn Học, short.

Văn Học, big.

Văn Học, up-down.

Văn Học, backward

Văn Học, line.

Văn Học, paint.

Văn Học, rotate

Văn Học, normal.

Văn Học, tall.

Văn Học, short.

Văn Học, big.

Văn Học, up-down.

ɔọH nặV, *backward*

Văn Học, line.

Văn Học, paint.

Văn Học, rotate

Văn Học, normal.

Văn Học, tall.

Văn Học, short.

Văn Học, big.

Văn Học, up-down.

ɔọH nặV, backward

Văn Học, line

Văn Học, paint.

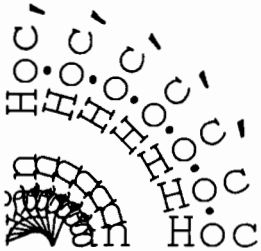

Văn Học, rotate

Với ba *family font* tượng trưng là *new century school book, helvetica narrow*, và *courier* các bạn thấy chỉ cần thay đổi một vài *parameters, command* tôi có thể in tên người tình Văn Học thành nhiều kiểu lạ lạ. Nếu ai có thì giờ chịu khó bỏ công tìm tòi chắc chắn sẽ *design* nhiều kiểu chữ lạ hơn. Cũng là việc làm không phải là không hữu ích. Phần tôi, chắc là tôi sẽ ngừng lại nơi đây. Để thì giờ dành cho việc sáng tác thuần túy có lẽ hay hơn. Biết là ông trời rất công bằng, mỗi ngày ổng đã cho mọi người ai ai cũng có 24 tiếng đồng hồ chẵn, không dư không thiếu một giây, vậy thì tại làm sao người này dám than phiền là tôi không có thì giờ còn người kia dám trách móc rằng thì giờ của tôi tôi tiêu không hết? Trường hợp của tôi, mà chắc cũng là trường hợp của một số đông anh em khác, sau tám tiếng làm việc ở sở, việc tìm thì giờ để viết lách chút đỉnh cũng không phải là dễ. Phải tìm một chức vụ nào vừa làm vừa viết trong giờ làm việc như ông Võ Phiến vậy mới thấy người cầm bút của mình thật sự thảnh thơi thơ túi rượu bầu.

Và bây giờ tôi xin đề cập đến vấn đề thứ hai của mục làm đẹp cho thiên hạ, vấn đề *proof reading*. Hình như đã lâu lắm rồi tôi chưa hề đọc một cuốn sách chữ Việt nào có trang đính chính kèm theo phía sau. Không có trang đính chính không có nghĩa là giống như báo Time, báo Le Monde dám bảo đảm rằng báo in ra không sai một chữ. Không có trang đính chính là tại vì cái nghề đính chính này nó đã chết từ lâu rồi. Nhưng không biết nó chết vì nó tự tử hay là người giám hộ của nó không đủ tiền nuôi?

Nói về những chỗ sai như mất chữ, sót hàng, lộn trang thì báo nào lại không có, nhưng sai nhiều nhất theo tôi nghĩ có lẽ là báo Văn. Một trong các báo mà tôi có chút ít đóng góp. Không nghe gì hả? Xin lỗi nghen, tôi phải nói nhỏ nhỏ thôi kẻo ông Mai Thảo ổng nghe ổng vặn cổ tôi chết đó! Rồi tôi tự hỏi chẳng lẽ bài của các báo giao cho nhà in, nhà in muốn *input output* thế nào cũng được hay sao? Chẳng lẽ không ai buồn đọc lại một lần?

Tôi có làm ở trung tâm viết sách của Mỹ nên tôi có dịp biết qua những chặng đường mà một cuốn sách của Mỹ phải đi qua. Trước hết là thợ viết, *writer*, viết xong bản thảo gọi là *draft copy*. Bản thảo này được đưa qua thợ sửa, *editor*, sửa chính tả, văn phạm và đôi khi sửa luôn cả cách hành văn. Bản sửa chữa này gọi là *mark up copy* lại trả về cho

thợ viết coi ông ta có đồng ý không cái đã. Dĩ nhiên thợ viết có toàn quyền với cuốn sách của mình, thợ sửa chỉ có nhiệm vụ như là đưa ý kiến. Sau khi tham khảo ý kiến của thợ sửa, thợ viết viết ra bản sơ khởi gọi là *preliminary copy*. Bây giờ tới phiên chủ bút, *boss*, kiểm lại và sửa lại. Trả về thợ viết một lần nữa. Chưa chắc chủ bút đã có ý kiến hay cho nên rốt cuộc từ nội dung đến hình thức đều do thợ viết quyết định. *Final copy* ra đời.

Sách của mình in ra, theo tôi nghĩ, đâu có cực khổ như vậy. Nhứt là những cuốn sách văn chương, truyện ngắn truyện dài. Ai mà dám sửa cách hành văn của mấy ông bà nhà văn, bất quá chỉ là lỗi hỏi ngã chính tả không hợp phong thổ miền Nam cho những cây viết gốc miền Nam. Nhưng tối thiểu phải có một lần sửa bản thảo chớ. Vì nếu không có sự sửa bản thảo thì đúng là tôi đang làm một công dã tràng, khỏi cần đọc tiếp đoạn sau. Cái điểm tôi muốn nêu lên là cái mối liên lạc, thông cảm giữa người viết và người sửa. Đây cũng không có nghĩa là ái tình yêu thương mộng mị gì hết mà là những ước hiệu, ký hiệu trong bản *mark up copy* đó có phải là ai cũng hiểu cùng một nghĩa hay không? *Standard editing notes* của Mỹ thì hình như đã ghi sẵn trong những cuốn tự điển lớn. Có thể Việt Nam mình cũng đã có những *standard*, chỉ tại tôi vì sanh sau đẻ muộn, mới chập chững vào nghề nên tôi không biết? Tiện đây tôi chỉ nêu lên vài ký hiệu căn bản theo phương cách của Mỹ để làm thí dụ.

Trước khi sửa:	Sau khi sửa:
VIẾT thường	Viết thường
viết hoa	VIẾT hoa
Viết đậm	**Viết đậm**
Viết nghiêng	*Viết nghiêng*
Viết thường roman	Viết thường
Bỏ chữ ~~dư~~	Bỏ chữ
Sửa chữ trấất	Sửa chữ trật
Gần lại	Gần lại

Phải rời ra	Phải rời ra
Thêm chữ thiếu	Thêm chữ thiếu
chấm. ¶ Xuống hàng	chấm. Xuống hàng
chấm. No ¶ Nối tiếp	chấm. Nối tiếp
[lùi ra	lùi ra
thụt vô	thụt vô
~~Xóa hết~~	
~~Xóa lộn giữ lại~~ stet	Xóa lộn giữ lại

Lại làm đẹp xin chấm dứt ở đây. Và xin nhường diễn đàn này cho những ai dám chọn *typesetting* chữ Việt làm cứu cánh của cuộc đời. Cuối cùng, đây là lần đầu tiên tôi đã lỡ làm ồn ào quý nhà văn lớn đang cần sự yên tĩnh nghĩ ngợi, nếu có gì phật ý thì cúi xin quý vị niệm tình bỏ qua cho.

Nguyễn Tấn Hưng

* PostScript là registered trademark của Adobe Systems Incorporated.

REX
INSURANCE AGENCY
VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP
TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI

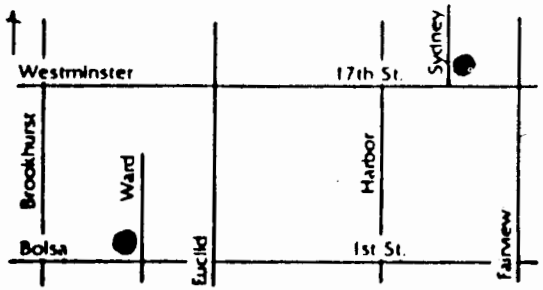

Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quí thân chủ một năm Mậu Thìn như ý.

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ : BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

** Bệnh nội khoa ; Tiểu đường, Máu cao..v.v..*
Bệnh phổi : Ho, Suyễn, Đau ngực, Lao, Khó thở...

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường : 9-12 AM và 1-6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St. Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Tel : (714) 641. 0263

PHƯỢNG 's

GENERAL MERCHANDISE

TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
** Cần đại lý ở các tiểu bang* ***Kính mời***

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
* Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
* Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
* Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

* *Các bệnh trĩ và mạch lươn bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
* *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
* *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
* *Tầm ung thư ở vú và ngực*
* *Các loại bướu ở đầu và cổ*
* *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
* *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
* *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
* *Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St. Suite 207, Westminster CA 92683
By Appointment Only : (714) 898.1177

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

TRUNG THANH NGÔ MD

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA, PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

14571 Magnolia Ave. Suite # 110
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 895-1133

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St, Suite 222, San Jose CA
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt tẹ*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tin nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thu lao khi được bồi thường cái tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego và ngoài L. A County xin gọi Collect*

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM

TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.

Phone : (714) 531. 8833.

*Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp **đến khám tại** TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC **mà không cần** phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.*

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số.....**đến**.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng..... **15 MK**
Một năm..... **30 MK**

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng..... **21 MK**
Một năm..... **42 MK**

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... **21 MK**
Một năm, gửi tàu thủy..... **42 Mk**
Sáu tháng, gửi máy bay..... **33 Mk**
Một năm, gửi máy bay..... **66 MK**

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... **21 Mk**
Một năm gửi tàu thủy..... **42 MK**
Sáu tháng, gửi may bay..... **40 MK**
Một năm, gửi may bay..... **80 MK**

Đính kèm số tiền .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu ..... **Mỹ kim**

SÁCH VĂN NGHỆ ĐÃ PHÁT HÀNH ĐẦU NĂM

NỤ CƯỜI TRE TRÚC
Tập truyện ngắn độc đáo của Kiệt Tấn
Giá tại Hoa Kỳ 11 Mỹ kim.

YÊU CON DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT
cuốn sách giáo dục cần thiết cho mọi gia đình
Giá tại Hoa Kỳ 7 Mỹ kim

CON SUỐI MÙA XUÂN
Tập truyện của Võ Hồng
Giá tại Hoa Kỳ 6 Mỹ kim

TÌM PHẬT Ở ĐÂU
Của Minh Tâm
Giá tại Hoa Kỳ 7 Mỹ kim

SÁCH VĂN NGHỆ PHÁT HÀNH THÁNG 5/1988

TỪ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận
Giá tại Hoa Kỳ 6 Mỹ kim

HOA BƯƠM BƯỚM
Tiểu thuyết Võ Hồng
Giá tại Hoa Kỳ 9 Mỹ kim

MUÔN KIẾP CÔ LIÊU
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
Giá tại Hoa Kỳ 12 Mỹ kim

ĐANG IN

TIỂU THUYẾT II
Võ Phiến

CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY
Khảo luận Văn học của Lê Tuyên

MÙA BIỂN ĐỘNG (CUỐN 3 TẬP HẠ)
của Nguyễn Mộng Giác
Tập tiểu thuyết nhiều người đang chờ đợi.
Sách dày 350 trang, phát hành trong tháng 7/1988

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 Westminster, CA. 92683 USA
Phone : **(714) 832.8445**

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ: 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 54 - 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 13 MK

KỲ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG
của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

HỢP LƯU
Truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 13 MK

XUỐI DÒNG
Tập truyện của
NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
Truyện dài LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập CAO TẦN
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
Tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ: 9 MK

TẠP LUẬN
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 14 MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 9 MK

TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

XỨ SẤM SÉT
tuyển tập VÕ ĐÌNH
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

VÒNG ĐAI XANH
tiểu thuyết của
NGÔ THẾ VINH
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

Ngoài nước Mỹ thêm 1$00

Giá tại Hoa Kỳ 3 MK.